

diễn đàn

Số 21/1.7.1993

ISSN 1164 - 2378

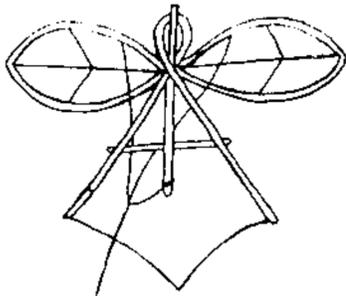
F O R U M

Cam Bốt : Kỷ nguyên mới

 uần lễ cuối cùng của tháng 5.1993 hẳn sẽ được đánh dấu son trong lịch sử nước Cam Bốt. Từ ngày 23 đến 28.5, cuộc tổng tuyển cử tự do đầu tiên trên xứ Chùa Tháp, sau hơn 20 năm chinh chiến, đã được diễn ra hoàn hảo hơn rất nhiều dự đoán của mọi người. Gần 90 % cử tri Cam Bốt đã đi bỏ phiếu, mặc dầu Khmer đỏ kêu gọi họ tẩy chay cuộc bầu cử (không những kêu gọi mà chúng còn hăm dọa những người đi bầu, và trên thực tế đã sử dụng bạo lực để ngăn chặn cuộc bỏ phiếu ở một vài nơi). Cơ quan quyền lực lâm thời của Liên hiệp quốc tại Cam Bốt (viết tắt theo tiếng Anh : UNTAC, tiếng Pháp : APRONUC), người tổ chức và giám sát cuộc tổng tuyển cử nhân danh cộng đồng quốc tế, đã chứng thực cuộc bầu cử là “ tự do và trung thực ”. Một vài toan tính đòi thay đổi kết quả bầu cử ở Phnom Penh và 3 tỉnh khác đã mau chóng được dẹp bỏ. Một cuộc “ ly khai ” của mấy tỉnh giáp giới Việt Nam

được tổ chức vài ngày sau khi có kết quả bầu cử, để gây áp lực trong cuộc thương lượng. Tham gia “ ly khai ”, ngoài hai tướng lĩnh của quân đội Phnom Penh, còn có hoàng thân Chakrapong, con thứ của Sihanouk, và giới thạo tin cho rằng người dàn cảnh không ai khác là Sihanouk và Hun Sen !. Sau hai tuần giằng co, chính quyền Hun Sen thừa nhận kết quả bầu cử, trong đó đảng Nhân dân Cam Bốt (viết tắt : PPC, đảng cộng sản cũ) của ông chỉ được 51 trên tổng số 120 ghế đại biểu của Quốc hội lập hiến (38,22 % số phiếu). Mặt trận thống nhất dân tộc vì một nước Cam Bốt độc lập, trung lập, hoà bình và hợp tác (FUNCINPEC) của thái tử Norodom Ranariddh, con cựu hoàng Sihanouk, là người thắng cử tuy không đạt đa số tuyệt đối, với 58 ghế và 45,47 % số phiếu. Đảng dân chủ tự do phật giáo của ông Son San chỉ được 10 đại biểu, và đảng phái hữu Molinaka được 1 đại biểu.

(xem tiếp trang 7)



mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời Sự

- 1 Cam Bốt : kỷ nguyên mới
- 4 Tin tức
- 8 Thư Hà Nội (NSP)
- 9 Thay đổi và ổn định (Nguyễn Hương)
- 11 Thân phận nhà tư doanh bản xứ (Bùi Mộng Hùng)
- 12 Trung Quốc, cường quốc thứ ba ? (Vũ Quang)
- 13 So sánh Trung Quốc và Việt Nam (Vũ Quang)
- 16 Abdou, Nguyễn, Mohamed... (Đỗ Thống)

Văn hoá nghệ thuật

- 19 Phỏng vấn Trần Anh Hùng (Hải Vân)
- 20 Lý du đủ (Đặng Tiến)
- 21 Khẳng định một tài năng (Kiến Văn)
- 22 Nguyễn Xuân Khoát (Trần Văn Khê)
- 23 Vết thương trần thế (thơ Nguyễn Chí Trung)
- 24 Không Lộ - Khổng lồ (Nguyễn Trọng Nghĩa)
- 25 eN - Pê (thư bạn đọc)
- 26 Phôi Pha (T. TK)
- 28 Điểm sách mới (Nguyễn Thắng, Đặng Tiến)
- 30 Người kể chuyện thuê (truyện ngắn, Nguyễn Khải)



Bạn đọc

& Diễn Đàn

Ngày 20.6.1993, *Diễn Đàn* đã gặp khoảng 50 độc giả vùng Paris tại hội trường Martin Luther King. Cũng trong thời gian qua, chúng tôi đã nhận được ý kiến của nhiều bạn mà chúng tôi đã được tiếp xúc, hoặc qua thư từ. Dưới đây xin đăng một số thư đã nhận được, và xin cảm ơn tất cả các bạn xa gần đã /sẽ vui lòng góp ý :

Sự cần thiết của một tờ báo như *Diễn Đàn*

Vì ở xa, không tham gia cuộc họp mặt ngày 20.6, xin gửi đến các bạn vài cảm nghĩ về tờ báo cũng như về tình hình Việt Nam.

Trước tiên, mình nghĩ rằng sự có mặt của *Diễn Đàn*, hoặc của một tờ báo có chủ trương và mục đích như tờ *Diễn Đàn* là rất cần thiết. Sự cần thiết đó có thể viện dẫn bằng các lý do sau :

1. Đất nước Việt Nam không phải của một cá nhân, một nhóm người hay một đảng phái chính trị nào, mà là của toàn dân Việt Nam dù ở bất cứ nơi đâu.

2. Từ hơn ba mươi năm nay, người trí thức không có một thế đứng, một vai trò cho đúng với khả năng của nó trong xã hội. Trong việc xây dựng đất nước, nhất là trong thời đại hiện nay, tiếng nói của người trí thức là cần thiết. Qua bài trả lời phỏng vấn của ông Phan Đình Diệu đăng trên *Diễn Đàn* số vừa rồi, càng chứng tỏ thêm một điều là giới (tầng lớp, giai cấp...) trí thức có nhiệm vụ phải nói lên tiếng nói của mình, thậm chí phải tập hợp nhau lại để xác định sự có mặt của mình, đồng thời để thực hiện vai trò của mình một cách tự nhiên, đàng hoàng, chững chạc như một nhân tố không thể thiếu của một xã hội lành mạnh, bình thường, tiến bộ.

Vì điều kiện lịch sử và cũng vì thái độ quá khiêm tốn, thụ động, giới trí thức Việt Nam đã từ lâu bị "đánh lừa" và dễ bị "lợi dụng", "bị sử dụng" như một phương tiện. Người ta muốn biến giới trí thức, chuyên môn thành một thứ "bộ phận hữu cơ", nói cách khác là thành "tay chân". Khi mà bộ óc bị biến thành tay chân thì bộ óc sẽ cùn. Đã bốn mươi năm nay trên đất nước chúng ta, bộ óc không được sử dụng, không có chỗ xài. Do đó đất nước Việt Nam ngày càng nghèo nàn về

Location associative au **Manoir d'Aubonne** (Đã thự Cam Tuyền) à Trouville-Deauville (200 km de Paris). Đã thự từ nay hoàn toàn do Hội Văn hoá và Giáo dục Aubonne đảm trách. Hội cho mượn mỗi căn hộ đủ tiện nghi cho 5 người 2 100 F một tuần (2 100 F/ semaine / appartement de 5 personnes). Phong cảnh rất đẹp. Không khí thân mật. Đến Cam Tuyền vừa thích thú vừa giúp hội Aubonne làm việc tích cực.

Địa chỉ liên lạc : Nghiêm Xuân Hải, 38 rue de Lozère
91 400 ORSAY. ☎ 60 10 42 25

khả năng phát triển trí tuệ, về khoa học xã hội cũng như về khoa học kỹ thuật. Phải xót xa thấy rằng chính vì thiếu vai trò của tầng lớp trí thức cho nên trong khi đa số các quốc gia trên thế giới đang sôi nổi, chững chạc bước vào thế kỷ thứ 21 thì Việt Nam mình vẫn còn lững thững ở thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Đôi khi nghĩ lại bỗng giật mình bởi chẳng phải tự nhiên mà mỗi con người đều mang trên chỗ cao nhất của thân thể mình một cái đầu và một bộ óc. Tại sao bộ óc không nằm ở chỗ mong, hoặc dưới đầu gối ? Tại sao bốn mươi năm qua lãnh đạo Việt Nam đã cố tình không cho người Việt Nam xài bộ óc của mình, thậm chí còn muốn biến tầng lớp trí thức thành đối tượng phải kềm kẹp.

Trí thức trong nước đã và vẫn còn đang bị kềm kẹp, chưa thể làm được gì (cụ thể là do cuộc sống vẫn còn lầm than, bi đát...) do đó, trong chừng mực nào, rất trông cậy vào sự hình thành, phát triển của bộ phận trí thức Việt Nam hải ngoại. Về mặt này, mình nhận thấy giới trí thức Việt Nam hải ngoại vẫn còn quá rụt rè, thụ động, trong khi giới kinh doanh Việt kiều hiện rất háng hái tham gia vào mọi mặt kinh tế (kỹ nghệ và thương mại) ở Việt Nam. Theo tôi nghĩ, một điểm không thuận lợi hiện nay cho giới trí thức, kỹ thuật gia Việt Nam là chúng ta không có một tiềm lực kinh tế để nâng cao vai trò và vị trí của mình. Do đó, muốn nâng cao vai trò của giới trí thức, chuyên viên, bản thân mỗi người tự ý thức về tầng lớp của mình, thoát ra khỏi vỏ ốc, thụ động, tránh né, đứng ngoài cuộc, vô vi... Do đó, nếu chỉ hài lòng với tờ báo *Diễn Đàn* không thôi, thì nhất định chúng ta sẽ không làm được gì nhiều cho đồng bào, đất nước. Mình rất đồng ý với anh chị em làm báo *Diễn Đàn* khi nêu lên hai vế trong chủ trương của mình, đó là : đòi hỏi dân chủ hoá và phát triển đất nước. Muốn phát triển đất nước phải có khoa học kỹ thuật. Tờ báo *Diễn Đàn* chỉ mới làm nhiệm vụ gióng lên tiếng chuông của những người có tâm huyết và chưa biết mỏi mệt. Tuy nhiên, tờ *Diễn Đàn* một mình không đủ, tôi đề nghị những anh chị em chủ trương tờ *Diễn Đàn* hãy mạnh dạn tiến thêm bước nữa, đặt thêm những vấn đề lớn, rộng ra một chút, kêu gọi, thách thức tất cả những người trí thức, chuyên viên Việt Nam ở hải ngoại hãy nhận thức rõ nhiệm vụ, vai trò của mình đối với đồng nghiệp, đồng bào trong nước (...).

Điều cuối cùng mình muốn kêu gọi các bạn trí thức và anh chị em *Diễn Đàn* cần phải quan tâm hơn nữa, đó là thông tin và cảnh giác chính quyền Việt Nam trong vấn đề bảo vệ môi trường, môi sinh. Một thể chế có thể tồn tại hay tiêu vong trong vòng một vài thập niên, một xã hội có thể trải qua những thăng trầm trong một giai đoạn nào đó, nhưng thiên nhiên phải là cái gì vĩnh cửu, điều tối quan trọng cho cả một dân tộc là thiên nhiên và con người. Thiên nhiên không còn, con người không thể tồn tại được. Tôi rất lo âu trước các sự việc một số người có quyền chức hiện nay chỉ vì một mô đồ la mà nhẫn tâm huỷ hoại thiên nhiên, nhất là rừng, sông ngòi và các loài cầm thú. Những thành tựu về đấu tranh dân chủ sẽ trở nên vô ý nghĩa nếu thiên nhiên bị huỷ hoại. Do đó chúng ta có nhiệm vụ phải lên tiếng báo động, tố cáo những tội ác của bất kỳ nhóm người nào gây nên cho thiên nhiên Việt Nam.

Trần Cung (Cộng hoà Liên bang Đức)

Gắn chặt hơn với những hoạt động thực tiễn

Phần nào trả lời câu hỏi của bạn Đức Dũng (*Có lý một mình buồn lắm thay*, Diễn Đàn số 20, tr.2), tôi đề nghị tới đây, Diễn Đàn dành một phần thoả đáng cho việc *khơi dòng, xúc tác, thảo luận, thực hiện các dự án kinh tế - xã hội với trong nước.*

Về xã hội chẳng hạn :

- Vận động thành lập thêm các trường đại học tư (như trước đây Diễn Đàn đã hỗ trợ Trường Thăng Long)

- Hỗ trợ tạo lập hệ thống các ngân hàng dành riêng cho người nghèo...

Về kinh tế, chẳng hạn :

- Đặt vấn đề thành lập một ngân hàng cổ phần của người Việt ở Pháp (hay châu Âu), hoạt động tại Việt Nam.

- Hỗ trợ các dự án kinh doanh đúng đắn ; động viên sự hình thành dần dần một lớp người doanh gia (*entrepreneurs*) thực sự...

[Xin được nêu một ghi nhận : Hiện nay, một trong số ít các ngân hàng tư lớn nhất ở Việt Nam là do Hoa Kiều chi phối (Việt Nam Ngân Hàng, trụ sở chính ở Tp. Hồ Chí Minh). Trong nhiều ngân hàng tư khác mang bảng hiệu Việt Nam, sự chi phối (thông qua tỉ trọng vốn) của Hoa Kiều và người Hoa là không nhỏ. Ai cũng biết vai trò lợi hại của ngân hàng trong một nền kinh tế non trẻ như ở nước ta hiện nay. Nhưng rất tiếc là cho đến nay, trận địa này hầu như còn bị bỏ trống trên thực tế].

Tôi tin rằng thông qua sự gắn bó với các hoạt động thực tiễn này, Diễn Đàn sẽ có thêm sức sống, thêm độc giả, thêm bầu bạn. Cũng chính là qua các hoạt động thông tin, thảo luận

Tìm đọc

Hộp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ nhiều cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Giá báo dài hạn :

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada :

Hạng tư : \$18.00 (1/2 năm) - \$ 36.00 (1 năm)

Hạng nhất : \$24.00 (1/2 năm) - \$ 48.00 (1 năm)

* Á châu, Úc châu, Âu châu :

Đường thuỷ : \$24.00 (1/2 năm) - \$ 48.00 (1 năm)

Hàng không : \$34.00 (1/2 năm) - \$ 60.00 (1 năm)

Xin gửi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng International Money Order hoặc bưu phiếu, đề :

Hộp Lưu Magazine, P.O. Box 277,

Garden Grove, CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu :

M&Mme Lê Tất Luyện,

15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

DIỄN ĐÀN *forum* B.P. 50, 92340 Bourg-la-Reine

Fax : (33 1) 45 88 54 58

DIỄN ĐÀN số 22

sẽ phát hành

đầu tháng 9.1993

gắn chặt với các nhu cầu thực tế như trên, các vấn đề lý luận sẽ có hy vọng được đặt ra và giải quyết một cách cặn kẽ, sáng tỏ và khả thi hơn.

17.06.93

T.B.N. (*Choisy-le-Roi*, Pháp)

Những bài ấy có thực sự cần cho số đông độc giả chưa ?

Một vài bài của *Diễn Đàn* không biết đã thực sự cần cho số đông độc giả chưa ? Nổi bật trong số đó có bài "*Phạm Thị Hoài trên sinh lộ mới của văn học*" (Thuy Khuê, *Diễn Đàn* số 20). Qua các trích đoạn của Phạm Thị Hoài mà Thuy Khuê dẫn ra, quả thật tôi không biết cái "*phong cách khai quang*" và cái quan niệm mỹ học khác của Phạm Thị Hoài thực sự là cái gì ? Tôi cứ loay hoay mãi mà không làm sao hiểu được "*khái niệm tổng quát về con người và xã hội Việt Nam*" theo kiểu mẹ Việt Nam là những "*bà mẹ bán tròn nuôi miệng*", những thiếu nữ Việt Nam là những "*con bé... nạo thai lần thứ ba trong vòng một năm rưỡi*"; cũng không làm sao có được một "*quan niệm mỹ học khác*" theo kiểu phê diễn tu tưởng ở dạng "*ý nọ chẳng ý kia*" vì "*chính sự nhằng nhịt ấy mới là tư tưởng trong trạng thái tinh chất*". Điều tôi tự hỏi là : không biết những thứ văn học như vậy đem lại cái gì cho tiếng Việt và cho đời sống nội tâm (trước hết là đời sống nội tâm của hàng chục triệu đồng bào Việt Nam ở khắp nơi đang bươn chải với cuộc sống, chứ không phải của một số ít người muốn tỏ ra đặc biệt khác đời). *Diễn Đàn* luôn than thiếu đất ; *trong lúc này*, dành đất cho những bài như vậy không biết liệu đã là hợp lý chưa ?

T.A. (*Paris*)

[*Rất cảm ơn anh đã thẳng thắn góp ý với Diễn Đàn và đã tế nhị nhắc nhở ban biên tập dưới dạng những câu hỏi, hơn là những chửi than.*

Về điểm những bà mẹ và thiếu nữ Việt Nam mà anh trích dẫn ở trên, chỉ xin lưu ý anh và bạn đọc :

- đó là một trong những mẫu người được kể ra, chắc cả Phạm Thị Hoài lẫn Thuy Khuê đều không có ý nói đó là những mẫu người duy nhất, và chắc anh cũng không có ý phủ nhận quyền của nhà văn nói tới mẫu người này hay mẫu người kia.

- có thể đọc trực tiếp truyện ngắn KIÊM ÁI của Phạm Thị Hoài đã đăng trên *Diễn Đàn* số 4 (tháng 1.92).

Về phần ban biên tập, chúng tôi không bao giờ dám quyết định cái gì cần, cái gì chưa cần cho độc giả. Phạm Thị Hoài đã tạo ra hai 'phe' trong *Diễn Đàn* : thích và không thích. Cả hai 'phe' đều cho rằng đó là một trong những nhà văn Việt Nam đương đại đáng kể.]

Tin tức- Tin tức

Ông Võ Văn Kiệt thăm Pháp và ba nước châu Âu

Tiếp theo các chuyến đi thăm những nước ASEAN (từ cuối năm ngoái), rồi Nam Triều Tiên, Nhật, Úc và Tân Tây Lan (trong tháng 5 vừa qua), thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tới Paris ngày thứ tư 23.6 trong một cuộc thăm chính thức nước Pháp 4 ngày, theo lời mời của thủ tướng Pháp Edouard Balladur. Sau đó, ông Kiệt cũng sẽ đi thăm các nước Đức, Bỉ, Anh, rồi từ Anh đi Cuba. Cùng đi với ông Kiệt, có ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, bộ trưởng tài chính Hồ Tế, thống đốc ngân hàng quốc gia Cao Sỹ Kiêm và nhiều nhân vật cao cấp khác, cùng một đoàn 14 doanh nhân (cả công và tư).

Tại Paris, ông đã được tổng thống Mitterrand tiếp, đã hội đàm với chủ tịch quốc hội Philippe Seguin, thủ tướng Balladur, ngoại trưởng Alain Juppé, bộ trưởng kỹ nghệ, bưu điện và ngoại thương Gérard Longuet, bộ trưởng thiết bị, giao thông và du lịch Bernard Bosson, đô trưởng Paris Jacques Chirac, và đi thăm nhiều cơ sở công nghiệp lớn của Pháp. Ông đã mời chủ tịch quốc hội Pháp Philippe Seguin sang thăm Việt Nam.

Tổng thống Mitterrand đã nhắc lại ý muốn tăng cường hợp tác giữa hai nước và việc Pháp hỗ trợ Việt Nam để giải quyết các món nợ quốc tế, bình thường hoá quan hệ với Quỹ tiền tệ quốc tế. Báo chí Pháp nhấn mạnh sự kiện đặc biệt là tổng thống Mitterrand đã đích thân đưa tiễn ông Kiệt ra tận thềm điện Elysée sau cuộc hội đàm ngày 25.6, ra ngoài khuôn khổ lễ tân thông thường. Thủ tướng Balladur đã xác nhận lại là Paris sẽ tăng gấp đôi viện trợ của Pháp cho Việt Nam trong năm 1993, từ 180 triệu FF lên 360 triệu. Nhiều dự án đầu tư lớn của Pháp vào Việt Nam đã được hai bên thảo luận. Ngoài những vấn đề song phương, thủ tướng Balladur, ngoại trưởng Juppé và đô trưởng Chirac cũng đã đề cập với thủ tướng Võ Văn Kiệt vấn đề nhân quyền ở Việt Nam. Phía Pháp cũng sẽ ủng hộ đề nghị của Việt Nam đăng cai tổ chức vào năm 1997 hội nghị thượng đỉnh các nước dùng tiếng Pháp. Việt Nam đã tỏ ý muốn tổ chức hội nghị này vào năm 1995, nhưng mới đây đánh tiếng xin hoãn lại vì chuẩn bị không kịp.

Trong chuyến đi châu Âu này của thủ tướng Võ Văn Kiệt, Việt Nam tỏ ý mong muốn mở rộng hợp tác với cộng đồng châu Âu về những lĩnh vực như năng lượng (dầu khí), xây dựng đường sá và bến cảng, phi trường v.v...

Việt Nam và vấn đề nhân quyền

Theo nhiều hãng thông tấn quốc tế, Việt Nam đã cử một thứ trưởng ngoại giao tài năng, ông Lê Mai, đi dự Hội nghị quốc tế về nhân quyền họp tại Vienne (thủ đô Áo) hai tuần từ ngày 13.6.1993.

Trước và trong thời gian hội nghị, báo chí Việt Nam đã dành nhiều chỗ cho vấn đề này, nói lên quan điểm của nhiều nước châu Á (từng được phát biểu tại một hội nghị ở Băng Cốc tháng tư vừa qua) cho rằng “ cá nhân phải gắn với xã

Căng thẳng giữa chính quyền và Phật giáo ở Huế

Sau vụ tự thiêu ở chùa Linh Mục ngày 21.5, một cuộc biểu tình ngồi chặn ngang đường của một số tu sĩ chùa Linh Mục, được nối tiếp bằng sự chặn và đốt một xe hơi của chính quyền Huế, làm nghẽn giao thông sáng ngày 24.5 trên trục quốc lộ 1 ngang thành phố Huế, là nguyên cớ được chính quyền Huế đưa ra khi bắt giữ ba nhà sư của chùa Linh Mục (các đại đức Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng và Thích Hải Tịnh) ngày 5.6 vừa qua.

Trả lời Thông tấn xã Việt Nam ngày 31.5, ông Lê Văn Anh, chủ tịch thành phố Huế trình bày sự việc như sau :

“ Ngày 24.5, Ủy ban nhân dân thành phố đã mời ông Thích Trí Tụ (giám tự chùa Linh Mục) lên trụ sở UBND thành phố để trao đổi nhằm làm rõ vụ việc này. Trong lúc đại diện UBND và ông Thích Trí Tụ đang làm việc thì có 6 nhà sư ở chùa Linh Mục kéo về phía ủy ban, la lối “ Công an đã bắt thầy Thích Trí Tụ ” rồi đi ra phía ngã tư đường Lê Lợi và ngồi dàn hàng ngang mặt đường. Trước tình hình đó, chúng tôi mời ông Thích Trí Tụ lên xe để đưa về chùa Linh Mục. Nhưng trên đường đi, một số sư sai quá khích, dưới sự chỉ đạo của Thích Hải Tạng đã chặn xe chở ông Thích Trí Tụ và cổ vũ các vị sư cứ ngồi lì trên mặt đường. Sau đó, những kẻ quá khích lại lật ngược chiếc xe của UBND thành phố đang làm nhiệm vụ đưa ông Thích Trí Tụ về và châm lửa đốt (xe). Chính những hành động nêu trên đã làm tắc nghẽn giao thông hơn ba tiếng đồng hồ. ”

Ngay ngày hôm đó, tại Paris, một thông cáo báo chí của “ Ủy ban bảo vệ quyền làm người Việt Nam ” đưa tin (theo AFP 24 và 25.5) “ một tu sĩ Phật giáo chuẩn bị tự thiêu để phản đối sự đàn áp càng ngày càng thô bạo của chính quyền cộng sản đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, và phản đối việc bắt giữ sáng hôm 24.5 đại đức Thích Trí Tụ, giám tự chùa Linh Mục, người cộng sự gần gũi nhất của cố hoà thượng Thích Đôn Hậu (đã qua đời một năm trước) ”. Bản thông cáo còn nói rõ “ 20 tu sĩ đã bắt đầu một cuộc tuyệt thực trước trụ sở ủy ban nhân dân thành phố Huế để đòi trả tự do cho đại đức Thích Trí Tụ ”, và “ cuộc phản đối này tiếp theo sự tự thiêu của một Phật tử ngày 21.5 để phản đối sự đàn áp Phật giáo của chính quyền cộng sản ”. Trong nhiều bản tin và thông cáo được đưa ra từ Paris, “ Ủy ban bảo vệ quyền làm người Việt Nam ” khẳng định “ 40 000 người đã tham gia cuộc biểu tình tại Huế hôm 24.5.93 đòi hỏi tự do tôn giáo ”, và ngoài ba vị tu sĩ bị bắt kể trên, chính quyền còn “ bắt giam trên 300 Phật tử bị nghi tham gia và cầm đầu cuộc biểu tình tại Huế ”.

Nhân dịp thủ tướng Võ Văn Kiệt sang Paris, cũng đã có những cuộc biểu tình do một số tổ chức Việt kiều kêu gọi, để phản đối chính quyền Việt Nam về vấn đề nhân quyền nói chung và về vụ Phật giáo Huế nói riêng.

hội”, và nhấn mạnh “ quyền phát triển kinh tế như một quyền tổng quát và không thể tách rời, là một bộ phận hợp thành của những quyền cơ bản của con người”, chống lại việc sử dụng nhân quyền như một “ vũ khí chính trị để can thiệp vào nội bộ các quốc gia ”

Phát biểu tại hội nghị ngày 16.6, thứ trưởng Lê Mai cũng bảo vệ những quan điểm trên đây, khi ông cho rằng “ Việc bảo đảm nhân quyền của một quốc gia trước hết là thuộc trách nhiệm của quốc gia đó”, “ Tính chất phổ quát của nhân quyền đi song song với tính đặc thù”, “ Không thể tách rời nhân quyền với sự phát triển kinh tế và văn hoá, thế nhưng vấn đề nhân quyền không hoàn toàn tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế - xã hội ”...

➤ Điều ông Lê Mai có vẻ như ẩn dụ là những tương quan cá nhân - xã hội - văn hoá nói trên cho phép một nhà nước được độc quyền thông tin báo chí, được tùy tiện đối xử tệ hại với công dân của nhà nước đó khi họ chỉ mang tội bất đồng chính kiến v.v...? Tại Paris, ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm một lần nữa khẳng định rằng chính phủ của ông không hề vi phạm nhân quyền, và những nhà sư bị bắt giam sau cuộc biểu tình ở Huế chỉ vì họ “ có những hoạt động phi pháp, chống lại nhà nước”. Người ta còn nhớ, khi bắt giam Dương Thu Hương, nhà nước Việt Nam cũng tùy tiện đổ cho chị “ có những hoạt động phi pháp”, để rồi mấy tháng sau phải trả tự do vô điều kiện cho nhà văn. Còn những người như ông Đoàn Viết Hoạt, bị xử 20 năm tù chỉ vì viết những bài báo đòi tự do dân chủ thì họ phạm tội gì, và bản án phản ánh “ tính đặc thù ” nào của xã hội Việt Nam ?

Khuyến khích Việt kiều đưa vốn về nước

Ngày 27.5, chính phủ Việt Nam đã công bố nghị định “ về những biện pháp khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư về nước”. Từ nay, Việt kiều có thể đầu tư trực tiếp về nước (như người nước ngoài) hoặc chung vốn với doanh nghiệp Việt Nam (như người trong nước) để hợp tác đầu tư với người nước ngoài. Và dù ở hình thức đầu tư nào, Việt kiều cũng được nhà nước khuyến khích với những điều kiện ưu đãi như : được bảo hộ vốn đầu tư và mọi tài sản hợp pháp ; được giảm 20 % tổng số thuế lợi tức ; được chuyển giao và thừa kế tài sản, lợi nhuận cho công dân Việt Nam ; khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, được giảm thuế ở mức thấp nhất là 5 % ; được cấp thị thực nhập xuất cảnh có giá trị nhiều lần...

Trong hơn 4 năm thực hiện luật đầu tư nước ngoài, giá trị đầu tư của Việt kiều vào Việt Nam còn quá khiêm tốn : chưa tới 100 triệu đô la. Trong khi, theo con đường kiều hối “ nổi và chìm”, cộng đồng người Việt ở nước ngoài hiện tại chuyển hàng năm về Việt Nam hơn 300 triệu đô la (Tuổi Trẻ Chủ nhật 13.6.1993).

Đại học tư thục : con đường “ hoá giá ” đại học ?

Ngày 24.5, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có quyết định mở trường đại học tư thục tại Việt Nam. Như các đại học công lập và dân lập, đại học tư thục được đặt dưới sự quản lý của nhà nước, chỉ khác ở chỗ : nguồn đầu tư xây dựng, kinh phí hoạt động và phương thức quản lý do tư nhân đảm nhận. “ Các cá

nhân, tổ chức kinh tế, xã hội đều được quyền đứng tên xin thành lập đại học tư thục. Đối với các tổ chức tôn giáo, Việt kiều và người nước ngoài sẽ có những quy định riêng.”

Quyết định của chính phủ đã được hưởng ứng ngay và cuộc chạy đua để mở trường đại học tư thục ở Việt Nam đã bắt đầu, trong đó đã có hai đề án của Việt kiều : một trường “ đại học y khoa chuyên ngành chiropratic ” của một bác sĩ Việt kiều ở Mỹ, và một trường “ đại học chuyên ngành quản lý, thương mại, ngân hàng ” của một giáo sư Việt kiều ở Pháp.

Song không ít người đã tỏ thái độ dè dặt, như giáo sư Hoàng Như Mai, chủ tịch hội nghiên cứu giảng dạy văn học thành phố HCM, người đã nộp hồ sơ mở một trường đại học dân lập nhưng không được phép : “ tôi chưa có ý kiến. Cần phải chờ đợi xem văn bản hướng dẫn cụ thể”. Điều gây nhiều phức tạp là đến nay chính phủ vẫn chưa đưa ra một quy chế đại học dân lập, trong khi đã tiến hành thí điểm mô hình đại học dân lập Thăng Long ở Hà Nội từ năm 1989. Theo lời bộ trưởng giáo dục Trần Hồng Quân, dự thảo quy chế đại học dân lập chưa trình chính phủ “ vì chưa có được sự thống nhất ý kiến ”.

Trong điều kiện đó, không ai hiểu rõ đại học tư thục và đại học dân lập khác biệt như thế nào. Bản thân vụ phó vụ đại học ở bộ giáo dục, ông Lê Viết Khuyến, cũng thừa nhận không thể trả lời câu hỏi này : “ trong hệ thống đại học ở tất cả các nước chỉ có khái niệm công và tư ” ! Trong khi đó vụ phó vụ khoa giáo ở văn phòng chính phủ đưa ra giải thích : “ đại học dân lập là trường do dân góp tiền nuôi thầy, xây dựng cơ sở vật chất và có hình thức tập thể. Còn đại học tư thục là do tiền của các nhân hoặc các cá nhân có cổ phần đóng góp vào để mở trường. Chủ yếu là khác nhau ở nguồn vốn”. (Tuổi Trẻ 3 và 5.6, Tuổi Trẻ Chủ Nhật 13.6).

Trên thực tế, đối với sinh viên, dân lập hay tư thục đều phải đóng học phí. Và cùng lúc với quyết định cho mở trường đại học tư thục, chính phủ đã ra những quy định về thu học phí đối với sinh viên các trường đại học công lập. Vậy thì ranh giới giữa công lập, dân lập và tư thục ở đâu ? Những người quan tâm đến giáo dục và đào tạo không thể không lo ngại trước chính sách mập mờ “ cổ phần hoá ” đại học sắp tiến hành. Sau nhà đất và xí nghiệp, phải chăng là nhà nước đang mở đường cho việc “ hoá giá ” đại học ?

Đào tạo lại 15 000 cựu sinh viên kinh tế ?

Từ năm 1975 đến nay, khoảng 15 000 sinh viên đã tốt nghiệp trường đại học kinh tế thành phố HCM, trong số đó nhiều người đang giữ những cương vị cao trong guồng máy kinh tế, không ít người làm tổng giám đốc, giám đốc. Tuy nhiên, một công trình nghiên cứu mà ông Đào Công Tiến, hiệu trưởng trường đại học này, vừa công bố đi đến nhận định : “ Tất cả số cựu sinh viên này đều phải đào tạo lại ”.

Theo tài liệu đó, trong một cơ chế quan liêu bao cấp, trường đã đào tạo một đội ngũ sinh viên “ thụ động”, kiến thức “ hạn hẹp”, phục vụ cho một nền kinh tế “ chỉ đạo từ trên xuống dưới”. Trong hoàn cảnh hiện nay, không thích nghi được với cơ chế kinh tế thị trường, phần lớn các giám đốc được đào tạo trước đây đã hoặc đang đưa xí nghiệp đến

chỗ phá sản. “ Chỉ có một số ít tồn tại nhờ vào năng lực của chính bản thân mình chứ không phải nhờ vào các kiến thức đã học ở trường ”.

Trường đại học kinh tế thành phố HCM hiện được xem như một trong những trường đi đầu trong cố gắng đổi mới giảng dạy và hợp tác đào tạo với các trường đại học nước ngoài. (Đại Đoàn Kết, tháng 5.93)

SEA Games 17

137 vận động viên Việt Nam đã dự tranh 15 môn thi đấu tại đại hội thể dục thể thao Đông Nam Á (gọi tắt là SEA Games) lần thứ 17, được tổ chức tại Singapore từ ngày 12.6.1993.

Theo báo Tuổi Trẻ ngày 19.6, sau một tuần thi đấu, đoàn Việt Nam đã đoạt được 9 huy chương vàng, 6 huy chương bạc và 19 huy chương đồng, cao hơn tổng số huy chương đạt được ở SEA Games lần thứ 16 (7 vàng, 12 bạc, 10 đồng). Tất cả những huy chương vàng của tuần lễ đầu này là thuộc các bộ môn võ thuật (2 judo, 2 karaté, 1 taekwando và 4 bắn súng). Ngoài ra, có 3 huy chương đồng trong các bộ môn điền kinh, 1 bạc (cá nhân nữ) và 3 đồng về bóng bàn.

Sida : hội chứng Thái Lan

Những chuyên viên quốc tế của tổ chức thiện nguyện Care International vừa lên tiếng báo động ở Hà Nội là bệnh Sida có khả năng bùng nổ ở Việt Nam một cách mãnh liệt như ở Thái Lan trong những năm qua.

Năm 1988, đợt nhiễm Sida đầu tiên được phát hiện ở Thái Lan trong giới ma tuý và mãi dâm. Chỉ trong ba năm sau, bệnh đã truyền tới khắp các tầng lớp dân cư Thái, ba phần tư phụ nữ nhiễm bệnh từ chồng hoặc người tình.

Care International đánh giá là Việt Nam hiện ở trong tình trạng của Thái Lan năm 1988. Số trường hợp bị nhiễm vi khuẩn HIV gây ra Sida, mới đầu cũng rất giới hạn trong giới ma tuý và mãi dâm, nay đã lên tới 414 người và theo những thống kê chính thức, 8 người đã qua đời, tuy không trực tiếp vì Sida nhưng vì bị vi khuẩn làm mất sức đề kháng đối với những bệnh khác.

Chín dự án luật

Kỳ họp thứ ba của quốc hội khoá 9, khai mạc vào ngày 16.6, sẽ xem xét và dự kiến thông qua 9 dự luật : Luật đất đai sửa đổi (xem Diễn Đàn số 20), luật thuế sử dụng đất nông nghiệp, luật xuất bản, luật dầu khí, luật thuế doanh thu, thuế xuất nhập khẩu, thuế lợi tức v.v... Ngoài ra, luật doanh nghiệp nhà nước và luật phá sản doanh nghiệp cũng sẽ được xem xét đợt đầu để có thể thông qua ở kỳ họp sau.

Như thông lệ, trước kỳ họp quốc hội, ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam đã họp (lần thứ 5, từ ngày 3 đến 11.6). Chủ đề của kỳ họp, theo một thông báo được công bố ngày 14.6, là “ Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nông thôn ”. Hội nghị trung ương cũng quyết định triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc của đảng giữa nhiệm kỳ vào tháng 12.1993.

• Theo Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, kết quả 5 tháng đầu năm 1993 cho thấy Hồng Kông đã vượt Đài Loan để vươn lên hàng đầu trong những nước ngoài có đầu tư vào Việt Nam, với 12 dự án, trị giá 426,9 triệu đô la.

• Krupp - Lonrho, một tổ hợp các công ty sắt thép Đức - Nhật, có khả năng thắng thầu để khai thác mỏ sắt Thạch Khê, Hà Tĩnh. Chi phí khai thác được tính toán từ 500 tới 878 triệu đô la, để đạt năng suất 5 tấn sắt mỗi năm.

• Khoảng 15 con tê giác một sừng đã được khám phá còn sống sót ở tỉnh Lâm Đồng. Sau chiến tranh, các nhà nghiên cứu nghĩ rằng giống tê giác này đã bị diệt chủng. Quỹ thế giới bảo vệ thiên nhiên (Fonds mondial pour la protection de la nature) đã tặng Việt Nam 40 000 đô la trong chương trình bảo vệ giống tê giác.

• Theo báo Washington Post ngày 22.6, chuẩn bị cuộc họp của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) ngày 12.7, các cố vấn của Nhà Trắng đã kiến nghị với tổng thống Bill Clinton nên để Việt Nam được vay mượn tiền của các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, cũng theo tờ báo, các cố vấn này chưa nhất trí về việc nên hay chưa nên bãi bỏ cấm vận với Việt Nam vào tháng 9 tới đây.

• Ngân hàng Tokyo sẽ mở văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 2.7, sau 18 năm vắng mặt.

• Một trung tâm thương mại ở thành phố Hồ Chí Minh, mang tên Sai Gon Centre, đã được giao thầu cho một công ty liên doanh Singapore - Hồng Kông - Việt Nam. Phía Singapore - Hồng Kông là công ty FPSL (First Pacific Straits Land), liên doanh giữa Straits Stemship Land của Singapore và First Pacific Land của Hồng Kông, sẽ bỏ 68 % vốn, còn lại do hai công ty quốc doanh của Việt Nam.

• Trung Quốc đã mở một lãnh sự quán ở thành phố Hồ Chí Minh ngày 29.5.1993. Theo thoả thuận giữa hai nước năm 1991, Việt Nam sẽ mở lãnh sự quán tại Quảng Châu.

• Theo ông Lê Xuân Trinh, bộ trưởng phủ thủ tướng, chính phủ đã quyết định đóng cửa 2 000 xí nghiệp quốc doanh. Số xí nghiệp quốc doanh, cả địa phương và trung ương, hiện nay là 12 000, sẽ được giảm xuống còn khoảng 6 tới 7 000 trong khuôn khổ chính sách cải tổ này.

• Việt Nam và Malaixia đã ký kết một hiệp định cùng khai thác dầu mỏ trong vùng biển hai bên đều xác nhận chủ quyền của mình. Các công ty Petronas của Malaixia và Petrovietnam sẽ bỏ vốn bằng nhau để khai thác vùng mỏ này trong 40 năm tới.

• Theo một Pháp lệnh về thẩm phán và hội thẩm toà án nhân dân, được ban hành ngày 26.5 và có hiệu lực từ ngày 15.8.1993, từ nay người được tuyển chọn và bổ nhiệm làm thẩm phán, kiểm sát viên, phải có trình độ cao đẳng toà án, kiểm sát hoặc đại học luật, và phải có thời gian công tác pháp luật là 4, 6 hoặc 8 năm tùy theo cấp.

• Cuộc đua xe đạp Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, cúp truyền hình 1993, với 14 chặng trung bình khoảng hơn 100 km mỗi chặng, đã kết thúc ngày 19.5, với sự chiến thắng của tay đua Huỳnh Kim Hùng, thuộc đội Luks Etron.

Cam Bốt (tiếp theo trang 1)

Ngày 14.6, phiên họp đầu tiên của Quốc hội lập hiến đã tái lập cựu hoàng Sihanouk trong chức vụ Quốc trưởng Cam Bốt và trao cho ông những quyền lực “toàn diện và đặc biệt” để giữ gìn hoà bình và ổn định cho đất nước. Hai ngày sau, Sihanouk công bố đề nghị thành lập một chính phủ do hai ông Ranariddh và Hun Sen làm đồng chủ tịch. Thể chế đa đảng trong một nền kinh tế thị trường được khẳng định. Ngày 24.6, cuộc thương lượng để thành lập chính phủ (đây là chính phủ lâm thời, cai quản đất nước trong khi quốc hội lập hiến soạn thảo hiến pháp mới, trước tháng 9.1993) đã ngã ngũ, và danh sách đưa trình Quốc trưởng Norodom Sihanouk trước khi quốc hội thông qua. Hai đồng chủ tịch chính phủ Ranariddh và Hun Sen cũng sẽ chia sẻ trách nhiệm về các vấn đề an ninh, đứng đầu chung các bộ quốc phòng và nội vụ. Funcinpec và PPC chia nhau mỗi bên 10 ghế bộ trưởng khác, còn lại ba bộ dành cho phái Son San và một cho Molinaka.

Tương lai gần như thế đã tạm ổn, dù mối đe dọa Khmer đỏ chưa tan hẳn, nhất là khi lực lượng bảo vệ hoà bình của Liên hiệp quốc rút đi. Song kinh nghiệm của tuần lễ bầu cử và một tháng thương lượng tiếp theo đó cũng cho thấy mối đe dọa này không đến nỗi to lớn như người ta vẫn đánh giá. Tuyệt đại đa số nhân dân Cam Bốt, qua sự tham gia quá trình tuyển cử, bất chấp đe dọa, khủng bố, đã chứng tỏ họ không còn quá sợ hãi bọn sát nhân từng thủ tiêu, giết hại hàng triệu người chỉ trong mấy năm chúng ngự trị. Cộng đồng quốc tế, sau khi APRONUC rút đi, không thể thờ ơ cho phép Khmer đỏ trở lại hoành hành như trước. Trung Quốc, những người cha đỡ đầu của Pol Pot và đồng bọn, đang tập trung nỗ lực xây dựng nền kinh tế thị trường, cũng không thể tiếp tục hỗ trợ những tên đàn em khó coi này. Thái Lan, trước tình thế mới, đã bắt đầu xét lại chính sách cho phép chúng sử dụng vùng biên giới như một mảnh đất hậu phương an toàn. Quân đội đã dày dạn chiến đấu của chính quyền Phnom Penh cũ, nay được đặt dưới sự chỉ huy của một chính quyền dân cử, đủ sức đương cự lại 9, 10 ngàn quân Khmer đỏ đã mất đi “lẽ sống” (và đối tượng tuyên truyền chính) là lật đổ “chính quyền tay sai của Hà Nội”.

Đó là những lý do khiến nhiều nhà quan sát cho rằng, Khmer đỏ còn có thể tiếp tục một cuộc chiến tranh du kích, gây rối cho chính quyền mới, nhưng lật ngược được thế cờ thì lại là chuyện khác...

Những khó khăn lớn tất nhiên còn rất nhiều, khi người ta nhìn vấn đề trong một viễn tượng lâu dài hơn. Sự xây dựng lại một đất nước bị tàn phá như Cam Bốt không thể là chuyện dễ dàng. Trung hạn, những tranh giành quyền lực của hai phe phái chính, FUNCINPEC và PPC, tạm thời được giải quyết dưới sức ép của cử tri, liệu có giữ được trong khuôn khổ những cuộc đấu tranh chính trị hoà bình, dân chủ của một nước có luật pháp, nhất là khi sức khoẻ của Sihanouk không còn cho phép ông hiện diện thường xuyên, dùng uy tín chính trị vừa được minh chứng của mình để làm dịu bớt những đối kháng cực đoan? Đảng cộng sản (PPC) liệu có vượt qua được

những cay đắng của sự mất độc quyền để thực sự tham gia vào quá trình xây dựng đất nước trong hoà bình và ổn định? Qua những năm hoà đàm Paris, cựu thủ tướng Hun Sen đã chứng tỏ có khả năng đó, nhưng còn những người đồng chí của ông?

Những câu hỏi còn nhiều. Dù sao, thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đã đưa đất nước Cam Bốt vào một kỷ nguyên mới, quyết tâm của nhân dân Cam Bốt dứt bỏ những tang thương của hơn 20 năm chiến tranh tàn phá được thể hiện hầu như tuyệt đối. Điều đó, những lực lượng chính trị khôn ngoan (dù có hay không có tâm huyết) của nhân dân Cam Bốt không thể không tính tới.

Phải chăng, đó chính là bảo đảm đáng tin cậy nhất cho tương lai? ○

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng **bạn đọc ở Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

1) Tên họ.....

Địa chỉ.....

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường, Lê Văn Cường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân



Thư Hà Nội

6.1993

Các anh chị thân mến,

Thư trước, anh A. hỏi : cơn sốt nhà đất trong nam thì bên ngoài biết khá rõ, còn ở Hà Nội ? Hà Nội không chừng còn sốt hơn Sài Gòn. Rộ lên có lẽ từ cuối năm 92. Nguyên nhân trực tiếp là khoản 370 triệu đôla Nhật cho vay : nghe tin này, người ta đua nhau mua đất xây nhà để cho khách nước ngoài thuê. Đường Thụy Khuê (qua trường Chu Văn An), khu Nghi Tàm..., những công ty Nhật đã thuê những khu vườn ươm cây với giá khoảng 1 cây vàng / mét vuông. Thế là ven Hồ Tây, giá đất đang từ 1 – 2 chỉ / m², vọt lên 1 – 1,5 cây / m² [*chú thích của DD* : 1 cây khoảng 4,5 triệu đồng = 450 USD = 2 500 FF]. Malaixia đã mua khu đất của Xí nghiệp quốc doanh cá Hồ Tây để xây khách sạn, họ sẽ làm đường ven làng Yên Phụ để lên Nghi Tàm, coi như con đường sắt bờ Hồ Tây, làm giá đất ở làng Yên Phụ cũng lên gần 1 cây / m². Một số con đường mới mở để nối các trục chính, như nối Đội Cấn với Kim Mã, làm nhiều khu đất bằng trở nên thuận và có giá. Nhiều nhà bị lấy đất, được đền bù, bằng có vài trăm cây vàng, họ vội vã đi tìm mua đất khác xây nhà. Cùng với cơn sốt đất, là cơn sốt xi măng, đã lên 80 000 đ/ta, gấp rưỡi tháng 11.92, trong khi các hàng khác không lên.

Nhà đất tất nhiên gắn liền với quyền lực và với hệ thống *nomenklatura*. Chuyển từ chế độ bao cấp sang kinh tế thị trường, *nomenklatura* cũng biến dạng, nhưng cái gốc của nó vẫn là chiết suất từ quyền lực ra lợi ích. Thử điểm những hình thức chủ yếu :

– các cấp chính quyền (ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, quận, huyện, xã, phường) cấp đất, cấp nhà. Mỗi lô đất cấp, có một tỷ lệ ngầm, cao thấp tùy trường hợp. Hợp đồng cho thuê đất ký kết với ngoại nhân (công ty, cơ quan quốc tế, sứ quán...) là nguồn chính, từ đó mà những *retombées* làm sầm uất các nhà hàng...

– cho thuê lại nhà cửa, phương tiện của công để ăn hoa hồng. Viện bảo tàng cách mạng cho thuê hẳn một góc vườn phía sát Nhà hát lớn, độ 250 mét vuông, để làm quán bia tư nhân. Tòa án nhân dân tối cao cho thuê cả dãy vườn phía Hai Bà Trưng để tư nhân mở quán bán băng video và TV...

– Các cơ quan an ninh nội chính thì buông thả cho làm ăn phi pháp để ăn của dút : bán băng đen, phòng *massage*, quán bia ôm, quán cà-phê *quây*, muồn công an và văn hoá để yên, chỉ việc nộp lễ vật hàng tháng.

– Quan chức, giám đốc thì chạy vạy xuất ngoại để tham

quan, nghiên cứu, ký kết hợp đồng... bằng tiền của cơ quan, của xí nghiệp. Xí nghiệp thương binh Ba Đình bỏ 5 000 đô cho ông giám đốc tham quan Thụy Điển, không ký được hợp đồng nào, thương binh đói ăn phải bỏ xí nghiệp đi làm nghề khác, nên xí nghiệp tan rã. Xí nghiệp cá Hồ Tây (nói trên) đang phản đối Ủy ban nhân dân thành phố bán đất cho Malaysia xây khách sạn, nhưng sự phản đối có thể sẽ được dẹp yên nếu người ta biết mời ban giám đốc tham quan Malaixia.

– Các quan chức có học vị còn có thể kinh doanh đề tài nghiên cứu. Mỗi đề tài nghiên cứu cấp nhà nước hàng năm được nhận 100 triệu đồng chi phí. Muốn được xếp hạng là *cấp nhà nước* (hay thấp hơn là *cấp bộ*), thì nên mời bộ trưởng, hoặc thứ trưởng, ít nhất cũng phải viện trưởng, đứng tên *chủ nhiệm đề tài*. Đó là phương trình mà Marx chưa nghiên cứu : bằng tiến sĩ + chức → tiền.

– Thị trường vẫn còn để chỗ cho chế độ bao cấp về nhà và xe cho những quan chức lớn. Mùa thu năm ngoái, Hội đồng bộ trưởng nhập 320 xe Nissan loại *xin*, các bộ trưởng và ủy viên trung ương được cấp Nissan, tải Volga cho các cấp vụ đi công tác. Một Nissan giá 360 triệu, độ 3 năm thay xe, vị chi mỗi năm xài 120 triệu, bằng gần một ngàn lần tiền lương (tiền lương gốc của họ chỉ độ 200 000 đồng). Nhà ở cũng vậy. Giá thuê nhà nâng lên 1 300 đ/m² cũng chẳng hề hấn gì. Họ ở 100 mét vuông, trả 130 000 đ/tháng, nhưng nếu họ cắt ra, cho thuê lại một góc vườn cho ai bán hàng, là có thể thu lại từ 300 000 đến 500 000 đồng.

Một điểm các anh chị quan tâm là không khí chính trị xã hội. Có những điểm nóng cục bộ, như vụ xử Đoàn Viết Hoạt. Tính xử lại ngày 3.6, rồi phải hoãn, nghe đâu vì sắp họp hội nghị nhân quyền ở Vienne... Tôi nghĩ du luận nước ngoài có khả năng buộc họ phải nổi tay. Rõ nhất là vụ Dương Thu Hương. Sau khi bị vụ Dương Thu Hương, A 25 hay A gì gì đi nữa (*chú thích của toà soạn* : đây là những cục phản gián, bảo vệ văn hoá... của bộ máy công an) cũng phải uốn lưỡi 7 vòng trước khi dám đụng tới người nào. Các anh Nhân Văn Giai Phẩm nay sống an nhiên, không sợ hãi, có phần coi thường nền chuyên chính. Không phải họ tin vào sự hồi cải hay sự tử tế gì, mà họ biết chính quyền phải tính tới phản ứng quốc tế. Cuối năm ngoái, Phùng Quán tổ chức sinh nhật Nguyễn Hữu Đang, giấy mời viết có phần khiêu khích, có quay video. Không những A 25 không làm gì ngăn cản mà còn cử người mang lễ vật tới tặng. Một bà hàng thịt quay tình nguyện quay hộ 1 con lợn, gọi là tở lòng góp vào việc đức với người hoạn nạn. Bùi Minh Quốc, cách đây mấy năm bị khai trừ và cách chức sau vụ Nguyễn Ngọc, nay đã ra Hà Nội. Cách đây hai ba tháng, có cuộc họp văn nghệ sĩ, nhiều người nói rất căng.

Giấy tờ xuất nhập cảnh nhẹ nhàng hơn về thủ tục, đối với cán bộ đi ra cũng như đối với Việt kiều về thăm nhà. Người nước ngoài và Việt kiều về không cần đăng ký tạm trú, có quyền đi lại mọi nơi, vào ra bất cứ cửa khẩu nào. Tất nhiên, có sự theo dõi, nhưng nếu không có gì phạm pháp thì không ai đụng tới họ cả.

N.S.P.

Thay đổi trong ổn định

Nguyễn Hương

Trong bài phỏng vấn do ông Stein Tønnesson (bản dịch đăng trên ĐĐ số 20), ông Diêu đặt hy vọng vào tinh thần “trách nhiệm về tiền đồ dân tộc” của mọi người Việt Nam kể cả đảng cộng sản Việt Nam. Ông Diêu vạch ra những nguyên tắc và thước đo cho một nền dân chủ như phải có đối lập (trong hình thức lưỡng đảng hay lưỡng cực), dân đầu phiếu để chọn lãnh đạo, người dân được ra tranh cử và có đầy đủ quyền công dân, kết quả phản ánh dư luận hình thành qua các hình thức tranh luận trên các phương tiện truyền thông, hội họp, vân vân. Ông mong Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng giữ bản chất yêu nước: tôn trọng các quyền tự do cơ bản và tổ chức bầu cử tự do vì một hệ thống độc tài đảng trị không phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

Tại sao lại đặt hy vọng vào khả năng thay đổi của đảng?
(1) Vì Việt Nam không có những lực lượng xã hội nào khác có khả năng đối lập cũng như mở hướng đi mới cho dân tộc. Và (2), vì Việt Nam phải “thay đổi trong ổn định” (từ ngữ này có vẻ không ổn – có cái gì khúc mắc ở chỗ “đổi” và “định”, có lẽ “thay đổi trong trật tự” có vẻ hợp lý hơn?)

Đến đây, tôi đã phải đặt câu hỏi tại sao ông Diêu cho rằng không thể đặt hy vọng vào những lực lượng xã hội độc lập với đảng? Khi được hỏi về Quốc hội, ông Diêu cho rằng Quốc hội chưa có khả năng độc lập khi cuộc thảo luận vẫn không vượt qua lần ranh đảng vạch. Khi được hỏi về vai trò trí thức, ông Diêu rất bi quan: trí thức thời Tây không còn ảnh hưởng, trí thức thời thịnh của chủ nghĩa xã hội chỉ là những chuyên viên không có thói quen suy nghĩ độc lập, trí thức miền Nam cũ thì phần đông đã bỏ đi, và như thế đã rời xa nhân dân, trí thức mầm non của thời đổi mới thì chưa đủ thời gian hình thành một lực lượng xã hội. Vì thế, đảng là lực lượng duy nhất có thể biến cải xã hội bằng cách từ bỏ độc quyền lãnh đạo.

Đảng không chối đảng có khả năng làm cách mạng từ trên xuống. Nhưng đảng luôn la to rằng có những ràng buộc không thể cởi: “*buông ra là loạn.*” Mà Việt Nam thì không thể chịu đựng hỗn loạn: “*Ổn định xã hội để phát triển kinh tế.*” Không ổn định thì không có bát cơm người dân, không có tương lai đất nước. Có lẽ ai cũng có lúc phải đặt câu hỏi: tại sao buông ra là loạn?

Câu trả lời chính xác nhất có lẽ là thái độ bi quan của ông Diêu về các lực lượng xã hội. Chắc chắn, ông Diêu không bi quan vô cớ. Quả thật từ khi đảng-nhà nước thu nhỏ ảnh hưởng, không thấy có những tổ chức, hội đoàn ngoài đảng duy trì được khả năng khởi xướng thảo luận, quảng bá ý kiến, nói chí đến ảnh hưởng chính sách để chính sách phản ánh phần nào công luận. Tại sao không có những tổ chức như thế tồn tại? Tại Việt Nam lạc hậu thiếu thói quen dân chủ chẳng? Chắc chắn, những tên gọi đã biến thành khá quen thuộc với chúng ta như Truyền Thống Kháng Chiến, Diễn Đàn Tự Do phủ nhận giải đáp trên. Lý do tại sao các nhóm này không tồn tại và Việt Nam không có công luận không phải là điều bí

hiếm. Cô lập, giam lỏng (Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Dương Thu Hương...), bỏ tù (Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt...) không phải là những phương thức đàn áp mới mẻ gì.

Vậy phải chăng đảng buông ra là loạn vì không có lực lượng xã hội thay thế vai trò lãnh đạo; và không có lực lượng xã hội vì đảng không tôn trọng những quyền tự do cơ bản của người công dân được ghi rõ trong hiến pháp Việt Nam như tự do công luận, tự do hội họp? Sự hình thành một xã hội công dân không trực thuộc hệ thống đảng-nhà nước để từ đó hình thành lực lượng chính trị đối lập có khả năng cho người dân có sự chọn lựa, tất cả đều dựa trên một điều duy nhất: nhà cầm quyền phải tôn trọng các quyền tự do cơ bản. Không có những lực lượng xã hội có khả năng chuyên chở quyền lợi, nguyện vọng các phần tử xã hội, thì thay đổi mang đầy tính bất trắc. Thiên An Môn là một thí dụ. Có lẽ đa số chúng ta đều đồng ý là giai đoạn bàn cãi có nên thay đổi hay không đã qua, và vấn đề hiện nay chỉ là thay đổi như thế nào. Bất cứ sự thay đổi sâu xa nào cũng mang mầm mống bất ổn, bất kể đó là thay đổi từ trên xuống hay từ dưới lên. Trường hợp thiên về từ dưới lên thì tương đối dễ thấy. Trường hợp phía trên còn nắm được tiến trình thay đổi như Việt Nam và Trung Quốc cũng không phải là thay đổi trong ổn định. Chính quyền phải đương đầu với hết biến cố này đến biến cố khác bằng cách xoa dịu (thỏa mãn đòi hỏi trong giới hạn hẹp và ngay từ đầu để tránh gia tăng cường độ chống đối), hay đàn áp. Những dấu hiệu chống đối âm ỉ, những rối loạn đạo đức xã hội không cho chúng ta an tâm rằng đây là một xã hội đang thay đổi trong ổn định.

Lý do tại sao không có ổn định trong tiến trình thay đổi sâu xa rất phức tạp. Đại khái ta có thể đoán được hai lý do chính liên hệ mật thiết với nhau. Những giá trị cũ (dân chủ, tự do “thật sự” như chủ nghĩa xã hội đề cao), và những giá trị mới (làm giàu là vinh quang), cả hai thứ giá trị này đều không có những phương thức chính đáng đi kèm để những cá nhân có thể dựa vào như một hệ thống luân lý đạo đức để hành xử trong xã hội. Một là thiếu những phương thức được cho là chính đáng để đạt đến những giá trị dân chủ tự do, hai là thiếu những cơ hội để làm giàu một cách chính đáng. Cả hai đều làm tăng sự thất thường trong cách hành xử. Kết quả là một xã hội long lở bản lề về cả mặt cấu trúc chính trị và xã hội lẫn luân lý. Không có một sự đồng thuận tối thiểu về tính chính đáng của những giá trị và cách hành xử trong xã hội dẫn đến sự thiếu vắng đồng thuận về tính chính đáng của cơ cấu chính trị xã hội. Không có sự công nhận tính chính đáng của cơ cấu chính trị xã hội thì cái giá mà nhà cầm quyền phải trả để duy trì sự thuần phục của nhân dân sẽ ngày càng lên cao.

Dĩ nhiên nhà cầm quyền có thể duy trì tính chính đáng của quyền lực bằng cách khác – như biện hộ cho độc quyền cai trị bằng nhu cầu ổn định chính trị để phát triển kinh tế chẳng hạn. Nhưng ngoài vấn đề “ổn định” đây có thật là ổn định hay không, thì nhu cầu phát triển kinh tế cũng không phải là căn bản vững chãi cho tính chính đáng của nhà cầm quyền. Nó sẽ lên khi kinh tế lên, xuống theo kinh tế xuống. Đó là chưa kể cái nhìn của người dân về sức khỏe của nền kinh tế khi họ đã đình ninh là có thể dễ dàng làm giàu khi thực tế không phải vậy cho một số đông đáng kể.

(xem tiếp trang 15)

Thân phận nhà tư doanh bản xứ

bùi mộng hùng

Vừa được hé cửa, tư doanh Việt Nam phát triển nhanh từ 1990. Năng động, trong khi cả khu vực hợp tác xã lẫn quốc doanh, nhất là quốc doanh địa phương, bị xiết cổ vì không còn viện trợ Liên Xô, vì mất thị trường Đông Âu. Trong mọi khu vực, từ dịch vụ đến công nghiệp. Một phần không nhỏ – 50% tư doanh ở thành phố Hồ Chí Minh, 24% ở Hà Nội – sản xuất cho xuất khẩu¹.

Để đánh giá trọng lượng của khu vực tư doanh xin so sánh vài số liệu. Theo báo cáo số 63/TH ngày 23.2.93 của Cục thống kê thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn thành phố: Về thương nghiệp, doanh số trong tháng 2.93 là 1 006 tỷ đồng thì phần của tư thương gần gấp đôi phần của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán nhập chung lại. Về công nghiệp, giá trị sản lượng ngoài quốc doanh đạt 118,6 tỷ đồng, tròn tròn gấp đôi công nghiệp quốc doanh thành phố (60,2 tỷ đồng) và bằng 51,74% công nghiệp quốc doanh trung ương (229,2 tỷ đồng).

Hiệu quả hoạt động của tư doanh cao hơn quốc doanh. Vẫn theo Cục thống kê thành phố, trong năm 1992, về tích lũy trên vốn, công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 1,5% / tháng, so với 1,33% / tháng của công nghiệp quốc doanh trung ương và 1,08% của công nghiệp quốc doanh địa phương. Và với số vốn khoảng 1 200 tỷ đồng – chỉ bằng 10% tổng số nguồn vốn trong công nghiệp – công nghiệp ngoài quốc doanh đã tạo nên giá trị sản lượng 1 553 tỷ đồng, chiếm đến 30% tổng giá trị sản lượng công nghiệp trên địa bàn thành phố.

Trong năm 1992, tuy nào là điện bị cắt hai ba ngày trong tuần, nào là hàng Trung Quốc ủa vào cạnh tranh ráo riết, sản xuất tư doanh tại thành phố Hồ Chí Minh vẫn tăng 12% so với 1991. Kinh doanh tư nhân hoạt động trên nhiều lãnh vực: công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, khách sạn nhà hàng, tin học, xuất nhập khẩu, nhưng tập trung nhất trong các ngành thương mại, may, chế biến thực phẩm, mỹ phẩm, xây dựng, cao su, nhựa... Họ mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, tổng số lên đến khoảng 30 triệu US đôla trong hai năm 90-91 và 10 tháng đầu 92. Nhờ thế mà nhiều mặt hàng như quần áo, nhựa gia dụng, giày dép, xà bông thơm và dầu gội đầu, nệm cao su... đã có sức cạnh tranh với hàng nước ngoài.

Ta cứ tưởng đâu người kinh doanh tư nhân bản xứ năng nổ, làm ăn có hiệu quả là nhờ có chính sách nâng đỡ, ưu đãi một thành phần xưa nay hầu như vắng bóng trong xã hội nước ta. Và chính quyền thấy rằng vai trò của họ trong công cuộc phát triển kinh tế là không thể thiếu được.

Hiến Pháp 1992 đã chẳng khẳng định: “*Kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân được chọn hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về quy mô hoạt động trong những ngành, nghề có lợi cho*

quốc kế dân sinh” trong điều 21. Đã chẳng bảo đảm “*Các cơ sở sản xuất, kinh doanh mọi thành phần kinh tế..., đều bình đẳng trước pháp luật...*” trong điều 22 đó sao?

Bình đẳng, cái từ nghe mới ngọt ngào làm sao! Chắc nhà tư doanh bản xứ chẳng bao giờ có ý định xin cho mình được cái thể của công ty quốc doanh để có thể “*xài tiền nhà nước như...nước*”. Như tại một đơn vị chuyên doanh ngành da – hiện nợ trong và ngoài nước hơn 60 tỷ đồng trong đó có hơn 5 triệu US đôla – ban lãnh đạo đã mua dư ra hai ba thiết bị trị giá 250 000 US đôla để chắt trong kho, đã bỏ ra 4 triệu US đôla để mua một cái máy thuộc da mà một nơi khác mua về với giá 1 triệu. Như tại 42 xí nghiệp quốc doanh mà cuộc khảo sát của Vụ khoa học kỹ thuật của Bộ công nghiệp nhẹ cho thấy hầu hết 727 thiết bị và 3 dây chuyền công nghệ mới nhập khoảng thời gian 1986 - 1991 đều là đồ cũ, 76% từ thời 1950-1960, 36% thuộc dạng thanh lý, 52% là tân trang, chỉ có 10% còn nguyên trạng nhưng cũng đã có ít nhất là 5 tuổi đời... Tiền nhà nước chảy ra xối xả! Về đâu, không phải là chuyện nói trong bài này.

Không. Nhà tư doanh chỉ xin được *kinh doanh thật sự*, lời ăn lỗ chịu. Và không bị phân biệt đối xử.

1 Thiếu vốn là một trở lực cơ bản. Một tài liệu điều tra của Viện khoa học lao động và các vấn đề xã hội, được công bố tháng 6.91, cho thấy rằng 50% trong số 85 doanh nghiệp nhỏ – 79 là tư nhân, 6 là hợp tác xã, thực chất là đã chuyển sang sở hữu của một chủ – ở hai huyện Thường Tín và Ứng Hoà (Hà Tây) nêu khó khăn nhất của họ là thiếu vốn².

Hiện nay đại đa số doanh nghiệp tư nhân chỉ trông vào vốn tự có để sản xuất kinh doanh. Theo một cuộc điều tra trong năm 1992 của Viện quản lý kinh tế trung ương, đó là tình trạng của 85 trên số 100 công nghiệp tư nhân ở Hà Nội và 68,5% trong số 200 doanh nghiệp tư nhân ở thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn tự có là của người thân trong gia đình hoặc của bạn bè thân thiết xuất ra. Người góp vốn thường không tham gia quản lý doanh nghiệp. Múc lãi họ được hưởng không cố định và không trả thường kỳ mà tùy theo kết quả hoạt động của doanh nghiệp².

Khi cần đến vốn, người buôn bán nhỏ, doanh nghiệp tư nhân thường vay chủ họ (hụi). Với lãi suất từ 8% đến 15% / tháng. Ở Hà Nội, tại chợ Đồng Xuân nhu cầu về vốn lưu động mỗi ngày khoảng từ 300 đến 500 triệu đồng. Số tiền này chủ yếu do 48 hộ tư nhân cho vay lãi nặng cung cấp. Vay mượn đơn giản, thời gian cho mượn linh hoạt. Nhưng vì thế dễ xảy ra giạt họ, vỡ nợ, trốn nợ. Do đó các chủ cho vay hạn chế số tiền cho mượn, một chủ ở chợ Bưởi cho biết chỉ dám cho vay tối đa 5 triệu đồng mà thôi².

Rất ít doanh nghiệp nhỏ vay tín dụng ngân hàng – 3% trong số non 1000 làm đối tượng điều tra ở nội thành Hà Nội trước tháng 2.92². Trong vài năm trước đây công ty quốc doanh được quyền vay ngân hàng với lãi suất nhẹ. Họ đem cho vay lại với lãi suất cao hơn, ngồi chơi hưởng chênh lệch lãi suất. Đây là một nguồn vốn quan trọng cho các doanh nghiệp tư nhân vay mượn để làm ăn.

Từ cuối năm 1992, tư doanh đi vay ngân hàng được quyền hưởng lãi suất ngang với quốc doanh. Tuy nhiên, chỉ có khoảng từ 10 đến 20% xí nghiệp tư doanh vay ngân hàng¹.

Trên thực tế vẫn có tình trạng phân biệt đối xử với doanh nghiệp tư nhân. Theo ông Trần Đức Nam, giám đốc Công ty Sài Gòn may mặc xuất nhập khẩu, thì đến vay vốn ngân hàng phải qua nhiều thủ tục rườm rà, phải chịu lãi suất cao hơn quốc doanh nhưng thời hạn trả nợ ngắn hơn. Muốn mở thư tín dụng (lettre de crédit) để nhập máy móc phải nộp đủ tiền vào ngân hàng mới được thực hiện³. Số tiền cho vay bị hạn chế ở mức tối đa là 10% số vốn tự có gửi ở ngân hàng. Thời gian chờ xét duyệt nhiều khi kéo dài đến nỗi khi được vay thì cơ hội đầu tư đã qua mất. Đối với một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tín dụng lại quá ngắn so với thời gian cần thiết để hoàn vốn.

Ông Tăng Minh Phụng, tổ trưởng tổ sản xuất Minh Phụng cho rằng một số chính sách tài chính làm cho doanh nghiệp tư nhân mất cơ hội phát triển, và có đề nghị : a) khi vay vốn cố định, ngân hàng nên cho vay theo từng phương án khả thi, có thế chấp 120% tài sản, b) khi vay vốn lưu động nên cho vay theo từng doanh vụ có hợp đồng và kế hoạch cụ thể³.

2 Chính sách thuế chẳng những có điểm chưa hợp lý lại không công bằng giữa người đầu tư trong nước và người nước ngoài.

Công ty nước ngoài chỉ chịu thuế lợi tức tối đa là 25%. Trong khi đó doanh nghiệp tư nhân trong nước phải đóng cả thuế doanh thu lẫn thuế lợi tức.

Thuế doanh thu đánh trên mỗi khâu, thuế chồng lên thuế khi mặt hàng trải qua nhiều khâu sản xuất. Thuế suất lại quá cao đối với một số ngành : sản xuất, lắp ráp sản phẩm điện tử phải đóng 8%, sản phẩm hoá chất 6%...

Theo qui định của Luật thuế thì hàng xuất khẩu được miễn thuế doanh thu. Nhưng cơ quan thuế lại không miễn thuế cho nguyên liệu dùng làm hàng xuất. Vừa qua, giám đốc Công ty Sài Gòn may mặc xuất khẩu thuyết phục được khách hàng dùng vải nội địa để may áo sơ-mi bán một khối lượng lớn sang Panama và Úc. Vải sản xuất trong nước dùng để may hàng xuất khẩu không được miễn thuế, giá vải quá cao, hợp đồng đành phải bỏ.

Mức thuế lợi tức đánh trên tư doanh bản xứ cao hơn mức mà tư bản ngoại quốc phải chịu. Đối với các ngành điện năng, khai thác mỏ, luyện kim, cơ khí, hoá chất cơ bản, vật liệu xây dựng, khai thác chế biến lâm thủy sản thuế suất là 30% ; các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm là 40%³.

Công ty nước ngoài đầu tư vào một số ngành được miễn thuế lợi tức, tối đa là 4 năm đầu. Nếu dùng lợi nhuận đầu tư vào máy móc, công trình mới để tái sản xuất thì Luật đầu tư nước ngoài cho phép họ được miễn thuế lợi tức. Người bản xứ đầu tư không hề được miễn thuế các năm đầu như tư bản ngoại quốc. Và khi mở rộng thêm nhà xưởng, đầu tư thêm vào thiết bị sản xuất thì cũng chẳng được miễn hay giảm thuế lợi tức như họ.

3 Doanh nghiệp tư nhân ở trong tình trạng phải chịu sự quản lý của nhiều ngành, nhiều cấp. Phức tạp đến nỗi khi có vấn đề, không biết cơ quan nào là chủ quản làm đầu mối để mà xin phân giải, xử lý.

Chưa kể là một số cán bộ thừa hành còn kỳ thị đối với kinh tế tư nhân. Khi có tư nhân làm ăn qui mô lớn còn hiện tượng “ xăm xì ”, đặt nghi vấn “ chắc là có vấn đề ”. Mà khi

sinh ra đã phải chịu sự quản lý của nhiều ngành, nhiều cấp thì ai cũng đến “ hỏi thăm sức khoẻ ” được³.

Tiếp cận thị trường, học tập các tiến bộ khoa học kỹ thuật trên thế giới, giao tiếp, mời gọi người nước ngoài hợp tác... là vô cùng cần thiết cho một doanh nghiệp muốn tìm chỗ đứng cho mình trong thị trường ngày nay. Tư doanh bản xứ thiếu điều kiện tối thiểu để thực hiện tốt những khâu nói trên.

Vì các nhà tư doanh bản xứ chưa được tạo điều kiện dễ dàng để đi ngoại quốc.

Vì các tổ chức đại diện cho doanh nhân trong khu vực tư doanh chưa có vị trí pháp lý trong việc giao tiếp với doanh nhân nước ngoài. Chưa được các cơ quan chức năng của nhà nước coi như là một tổ chức tư vấn để tham khảo ý kiến trong việc xây dựng, triển khai các chính sách, luật pháp kinh tế.

Mới đây, ngày 2.4.93, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (PTMCNVN) đã tuyên bố tách ra khỏi Bộ thương mại để trở thành một hiệp hội, một tổ chức phi chính phủ của tất cả các nhà doanh nghiệp trong và ngoài quốc doanh.

Người lên làm chủ tịch là ông Đoàn Duy Thành từng là phó chủ tịch hội đồng bộ trưởng kiêm bộ trưởng bộ ngoại thương. Hầu hết thành viên hội đồng quản trị đều là các nhà doanh nghiệp quốc doanh. PTMCNVN “ mới ” có quyền cấp chứng chỉ xuất xứ sản phẩm, đàm phán và xét xử tranh chấp trong ngoại thương và hàng hải, môi giới và xúc tiến các quan hệ mậu dịch với các nước kể cả các nước chưa có quan hệ ngoại giao, góp ý cho chính sách của nhà nước...

Tư doanh hầu như vắng bóng : trong tổng số 35 thành viên hội đồng quản trị của PTMCNVN chỉ có 4 nhà doanh nghiệp tư nhân...

Trong cuộc gặp gỡ các nhà tư doanh của thành phố Hồ Chí Minh tại dinh Thống Nhất ngày 7.2.93, thủ tướng Võ Văn Kiệt ước mong rằng trong tương lai không xa Việt Nam sẽ có nhiều nhà doanh nghiệp có tầm cỡ sánh vai được với những nhà doanh nghiệp các nước bạn bè.

Đó cũng là ước mong của mọi người thiết tha với tiền đồ của dân tộc. Muốn được thế phải có điều kiện tối thiểu. Đầu tiên là nhà tư doanh bản xứ được đối xử bình đẳng với các nhà kinh doanh khác, quốc doanh và ngoại quốc.

Dân tộc ta cam chịu hy sinh xương máu trong bao nhiêu năm chỉ để xin được làm người, không có phân biệt dân ngu khu đen và nhà quan có gang có thép, không bị đối xử như culi trong khi đặc huệ dành riêng cho người nước ngoài.

Độc lập, thống nhất đã trên 15 năm, thế mà hình như vấn đề vẫn còn đó...

Bùi mộng Hùng (5.93)

1. Adam Fforde , *Viet Nam : Economic Commentary and Analysis* (Việt Nam : Phân tích và bình chú kinh tế), số 1 tháng 4.92, tr. 38, số 2 tháng 11.92, tr. 23-27.

2. Trần Thị Hạnh, *Doanh nghiệp tư nhân huy động vốn như thế nào ?*, Tạp chí **Thị Trường Giá Cả**, số 12, 1992.

3. *Giới công kỹ nghệ gia thành phố Hồ Chí Minh mong muốn điều gì ? và Kiến nghị của Đại hội Hiệp hội công kỹ nghệ gia lần thứ hai*, **Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn**, 11.3 đến 17.3.93.

PHẢI CHĂNG TRUNG QUỐC LÀ CƯỜNG QUỐC ĐỨNG THỨ BA THẾ GIỚI

Vũ Quang

Cuối tháng 5 vừa qua, dư luận báo chí thế giới tỏ ra rất ngạc nhiên về việc Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) sử dụng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tính theo sức mua tương đương (Purchasing power parity hay gọi tắt là PPP) làm tỷ trọng tính tốc độ phát triển kinh tế thế giới. Với cách tính này, GDP bình quân đầu người/năm ở Trung Quốc là USD 1.450 chứ không phải USD 330 (năm 1991) nếu tính theo hối suất, mặc dù GDP trên đầu người tính bằng nhân dân tệ bằng nhau trong cả hai cách tính. Với cách tính theo sức mua tương đương, GDP của Trung Quốc trở nên lớn thứ ba thế giới sau Mỹ và Nhật. Con số trên tạo nên một ấn tượng là Trung Quốc hiện nay đã là một trong những cường quốc lớn nhất thế giới cần coi chừng, và có thể qua đó cần đặt lại quyền hưởng viện trợ quốc tế và điều kiện vay mượn ưu đãi được dành cho các nước chậm phát triển. Trung Quốc đã lên tiếng chính thức phản đối IMF. Vậy cách tính GDP theo sức mua tương đương là gì ?

Để hiểu cách tính theo sức mua tương đương, ta cần hiểu qua những hạn chế của cách tính theo hối suất. Lấy thí dụ nước Pháp, nếu GDP bình quân đầu người năm là FF 100.000 và nếu hối suất là 5FF/USD như hiện nay, thì GDP bình quân đầu người là USD 20.000. Nếu hối suất cứ giữ như trước đây là 10F/USD thì GDP bình quân đầu người chỉ là USD 10.000. Như vậy nếu dùng hối suất và tính bằng USD thì GDP ở Pháp đã có một tốc độ phát triển phi thường trong thời gian qua. Hoặc nếu dùng hối suất thì chỉ cách có vài tháng, GDP bình quân đầu người ở Trung Quốc giảm từ USD 405 (năm 1992) xuống còn USD 270 vì đồng nhân dân tệ mất giá đáng kể trong vài tháng qua. Như vậy sự mất ổn định của các đồng bạc có làm giảm giá trị đo lường của hối suất không ? Để trả lời câu hỏi này, ta cần phải biết rõ mục đích của công cụ đo lường. Nếu mục đích là đo lường khả năng trả nợ hoặc nhập khẩu bằng đồng USD của các xí nghiệp chỉ có nhân dân tệ, hoặc đo lường sức mạnh kinh tế của một nước trên thế giới thì rõ ràng là khả năng này giảm xuống như cách tính bằng hối suất. Nếu mục đích là đo mức sống ở Trung Quốc, thì rõ ràng dùng hối suất không đáp ứng được yêu cầu. Việc thay đổi giá trị đồng bạc không làm mức sống ở Trung Quốc giảm xuống như những con số ở trên nói lên. Và nếu dựa vào so sánh GDP bình quân đầu người năm của Trung Quốc là USD 230 với Mỹ là USD 22.000 để bảo rằng đời sống ở Mỹ gấp gần 100 lần là điều sai lầm. Một hạn chế nữa khi dùng hối suất để chuyển đổi GDP bằng đồng nội địa sang USD là có nhiều nước không có một hối suất duy nhất phản ánh cung cầu thực trên thị trường vì thị trường ngoại tệ bị nhà nước kiểm soát. Đây là lý do gặp phải khi tính GDP bằng USD cho Việt Nam trước đây. Với thị trường một hối suất như hiện nay ở Việt Nam, GDP bình quân đầu người năm 1992 theo tôi tính chỉ có USD 139.

Phương pháp đo sức mua tương đương được đề ra với mục đích so sánh mức sống. Giả dụ một cách đơn giản nhất là nếu người ta chỉ ăn phở, dù là người Mỹ hay người Việt và nếu một bát phở ở Việt Nam là Đ 4.000, ở Mỹ là USD 4, thì hệ số

chuyển đổi đồng VN ra USD là Đ 1.000 (Đ 4.000/4). Như vậy GDP bình quân đầu người ở Việt Nam hiện nay là Đ 1,4 triệu một năm phải tương đương với USD 1400. Trên thực tế, người ta tiêu dùng nhiều loại hàng hoá và dịch vụ khác nhau và với tỷ trọng khác nhau trong tổng giá trị tiêu dùng, vì vậy phương pháp đo sức mua tương đương phải thu thập giá cả và các rổ hàng tiêu chuẩn ở những nước cần so sánh để tìm ra hệ số chuyển đổi đồng bản xứ ra đồng USD. Thông thường ở các nước đang phát triển, không những giá hàng hoá rẻ hơn các nước phát triển mà giá dịch vụ còn rẻ hơn rất nhiều vì hầu hết dịch vụ ở các nước đang phát triển không xuất khẩu được. Như vậy với cách tính này, GDP các nước đang phát triển đều cao lên nhiều lần so với cách chuyển đổi bằng hối suất.

Về mặt chuyên môn, phương pháp luận sức mua tương đương phải giải quyết được những vấn đề khó khăn sau : (1) tỷ lệ so sánh giữa GDP các nước không thay đổi dù dùng bất cứ nước nào làm chuẩn, (2) các loại hàng hoá, dịch vụ so sánh phải có chất lượng tương đương (chẳng hạn bát phở ăn ở Paris

GDP bình quân đầu người năm 91 tính theo sức mua tương đương và hối suất IMF (tính bằng đôla Mỹ)

	Theo sức mua so sánh (1)	Theo hối suất (2)	tỉ lệ (1)/(2)
Mỹ	22 204	22 204	1
Nhật	19 107	27 132	0,7
Trung Quốc	1 450	370	4,4
Ấn Độ	1 150	330	3,5
Nam Dương	2 730	610	4,5

hay ở Việt Nam phải hoàn toàn giống nhau về chất lượng thịt, bánh, nước dùng và cả dịch vụ phục vụ và chỗ ngồi), hoặc giá cả phải được điều chỉnh để phản ánh được chất lượng khác nhau, (3) giá phải phản ánh được giá trung bình trong một nước trong năm, (4) giải quyết được vấn đề khác biệt giữa các rổ hàng tiêu dùng ở các nước (thí dụ người Việt ăn cơm, còn người tây phương ăn bánh mì). Cho đến nay vẫn chưa phải đã được giải quyết ổn thoả các vấn đề nêu trên, đặc biệt là vấn đề điều chỉnh giá để phản ánh khác biệt chất lượng.

Phương pháp đo GDP bằng sức mua tương đương được thực hiện lần đầu tiên theo yêu cầu của OEEC vào năm 1950 bởi hai nhà kinh tế M. Gibert và Kravis. Sau đó nó trở thành công trình liên tục của Liên Hiệp Quốc với sự tham gia phát triển phương pháp luận và tính toán trong nhiều năm của ba nhà kinh tế : Kravis, Summers và Heston (xuất bản lần lượt vào năm 1975, 1978, 1982, 1986, 1987), lần đầu chỉ có 10 nước tham dự, và lần cuối có 60 nước tham dự, trong đó không có Trung Quốc. Nếu như Trung Quốc không tham gia thì làm thế nào mà IMF tính được GDP cho Trung Quốc ? Câu trả lời là họ dùng phương pháp hồi qui (regression method) dựa trên sự liên hệ giữa GDP đo bằng sức mua tương đương và GDP đo bằng hối suất cùng một chỉ số giá cả ở các nước đã được tính gần mười năm trước.

Như vậy phương pháp tính toán GDP trên chẳng có gì là mới vì nó đã được Liên hiệp Quốc xuất bản nhiều lần, với mục đích so sánh sức mua tương đương. Cái lạ lần này là nó xuất hiện với dư luận rất sôi nổi trên báo chí thế giới. Phải chăng dư luận được thổi phồng lên do một ý đồ tạo bất lợi cho Trung Quốc, đặc biệt là khi báo chí bàn về kết quả hơn là mục đích của cách tính ? □

SO SÁNH TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

Vũ Quang

Có một điều khác biệt quan trọng giữa kinh tế Trung Quốc và kinh tế Việt Nam mà ít ai để ý là hướng phát triển đối nghịch nhau ở hai nước : ở Trung Quốc, xí nghiệp tập thể ở nông thôn phát triển đáng kể và đã đóng góp tích cực vào việc tạo thêm việc làm, trong khi kinh tế quốc doanh giảm dần vai trò của mình ; ngược lại ở Việt Nam, thành phần kinh tế tập thể gần như hoàn toàn tan rã, kinh tế quốc doanh ngày càng phát triển. Đây là một trong những kết quả thu lượm được trong các nghiên cứu của một người viết về Trung Quốc và Việt Nam. Bài viết này chỉ trình bày tóm tắt một số kết quả của các nghiên cứu đó.

Một số đặc điểm của kinh tế Trung Quốc và Việt Nam

Vào năm 1992, so với Trung Quốc, Việt Nam có dân số bằng 6 %, tổng sản phẩm quốc gia (GDP) bằng 2 %, GDP bình quân đầu người bằng 34 % và xuất khẩu bằng 3 % (xem biểu 1). Tuy khác nhau về kích thước, hai nước có nhiều đặc điểm giống nhau :

► Về nông nghiệp, vào thời điểm cải cách — năm 1984 ở Trung Quốc¹ và năm 1989 ở Việt Nam — nông nghiệp còn giữ vai trò chủ chốt trong nền kinh tế ở mức độ tương đương nhau, sử dụng 60–70 % lực lượng lao động của cả nước và tạo ra khoảng 40 % GDP. Hơn nữa, trước đó, nông dân dù bị buộc tham gia vào hợp tác xã hoặc công xã, họ vẫn dựa vào sức mình là chính để sản xuất thay vì dựa vào máy móc. Chính vì vậy ở cả hai nước, khoán ruộng đất đến người lao động đã nâng sản lượng nông phẩm, tạo thêm nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp.

► Về kinh tế đối ngoại, cả hai nước đều nhấn mạnh xuất khẩu và khuyến khích nước ngoài đầu tư. Tỷ lệ xuất khẩu so với GDP ở Việt Nam có phần cao hơn so với Trung Quốc, 25 % so với 19 % (biểu 1). Còn tỷ lệ đầu tư nước ngoài so với GDP thì tương đương.

► Về giá cả, cả hai nước hiện nay đều chấp nhận giá cả thị trường, tuy nhiên ở Trung Quốc số sản phẩm do nhà nước còn định giá nhiều hơn, đặc biệt là giá bán ngũ cốc vẫn còn bị khống chế.

► Khu vực kinh tế quốc doanh ở cả hai nước đều thiếu hiệu quả sản xuất, chỉ có khoảng 30–40 % số xí nghiệp quốc doanh làm ăn có lãi.

¹ Mặc dù cải cách bắt đầu từ năm 1978, nhưng năm 1984 là năm cải cách bắt đầu được thực hiện toàn diện, đặc biệt là trong nông nghiệp nhà nước, chính thức xoá sổ hợp tác xã nông nghiệp, cho phép chuyển nhượng đất khoán và mở xí nghiệp tư.

► Về chính sách kinh tế nói chung, cả hai nước đều khuyến khích kinh tế thị trường và tư bản tư nhân nhưng Trung Quốc vẫn nghiêng về sử dụng kế hoạch.

Ngược lại hai nền kinh tế cũng có những điểm khác nhau quan trọng sau :

► Trung Quốc có một nền công nghiệp phát triển hơn Việt Nam, điển hình là 74 % giá trị xuất khẩu của họ là hàng công nghiệp trong khi ở Việt Nam hàng công nghiệp chỉ chiếm 26 % giá trị xuất khẩu (biểu 1).

► Trung Quốc và Việt Nam cho đến mới đây rất giống nhau về chính sách tự trị ngân sách địa phương : chính quyền địa phương làm nhiệm vụ thu thuế và chỉ phải gửi về trung ương theo một tỷ lệ nhất định. Địa phương thường cố gắng phát triển kinh tế địa phương bằng cách giữ lại thuế, giảm thuế, đồng thời ngăn chặn hàng hoá ở các địa phương khác xâm nhập vào địa phương mình. Hiện nay Việt Nam đã tập trung việc thu thuế vào chính quyền trung ương thông qua Bộ tài chính. Đây là một trong những lý do thuế thu được ở Việt Nam vào năm 1992 tăng trội lên so với năm 1991. Việc tập trung thu thuế vào tay nhà nước trung ương ở Việt Nam sẽ giúp củng cố chính quyền trung ương, cho phép phân phối lại lợi tức từ vùng giàu sang vùng nghèo. Ngược lại, ở Trung Quốc sự phân biệt giàu nghèo giữa các vùng có thể ngày càng lớn hơn.

► Đối với hoạt động kinh tế ngoài quốc doanh, Trung Quốc có chính sách nhấn mạnh đến phát triển xí nghiệp tập thể trong sản xuất công nghiệp đặc biệt là ở nông thôn, trong khi Việt Nam chỉ nhấn mạnh đến kinh tế hộ gia đình. Điểm này sẽ được bàn thêm dưới đây.

Khác biệt trong phương hướng phát triển kinh tế ngoài quốc doanh

Thành phần kinh tế ngoài quốc doanh bao gồm khu vực tập thể (hay hợp tác xã), khu vực kinh tế tư bản tư nhân, tư bản nước ngoài và kinh tế hộ gia đình. Kinh tế hộ gia đình chủ yếu dựa vào lao động trong gia đình. Trong các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, kinh tế tập thể ở Trung Quốc ngày càng giữ địa vị quan trọng, trong khi đó ở Việt Nam kinh tế tập thể gần như bị xoá sổ, kinh tế quốc doanh ngày càng lớn mạnh.

Trong thương nghiệp, vào năm 1991, quốc doanh ở cả hai nước chỉ còn chiếm 30–40 % tổng mức bán lẻ, tuy nhiên khu vực tập thể ở Trung Quốc vẫn chiếm tới 30 % tổng mức bán lẻ, trong khi đó ở Việt Nam khu vực tập thể chỉ còn 2,7 %.

Trong công nghiệp ở Trung Quốc, tỷ trọng của khu vực tập thể tăng từ 22 % lên 36 % tổng sản lượng công nghiệp cả

Ở những tỉnh nghèo trong nội địa, khu vực xí nghiệp tập thể chỉ chiếm từ 10-20 %.

Trong những năm gần đây ở Trung Quốc, cùng với việc phát triển xí nghiệp tập thể nông thôn là chiều hướng phát triển xí nghiệp nhỏ có vốn nước ngoài, chủ yếu gia công xuất khẩu. Chỉ từ năm 1985 đến 1992, xuất khẩu của các xí nghiệp này đã tăng từ 300 triệu lên 17 tỷ USD, bằng 20 % tổng giá trị xuất khẩu của Trung Quốc. Chính sách cho phép đầu tư của nước ngoài ở những tỉnh duyên hải hiện nay đã được mở rộng cho cả các vùng nội địa.

Kết luận

Cho đến nay, khó lòng giải thích được một cách hết sức khoa học sự thành công của xí nghiệp tập thể ở Trung Quốc. Tuy vậy cũng có thể tóm tắt được một số lý do thường được các nhà kinh tế Trung Quốc đưa ra như sau : (1) thu nhập của chính quyền địa phương như thuế, lợi nhuận là tùy thuộc vào sự thành công của các xí nghiệp tập thể ; (2) quản lý có thể hiệu quả hơn vì quyền chủ động điều hành thường được giao cho giám đốc, người vừa được hưởng lương vừa được ăn chia lợi nhuận ; (3) động cơ làm việc của công nhân được kích thích vì họ có thể được chia lợi nhuận nhưng cũng có thể bị sa thải ; (4) cán bộ lãnh đạo thường là những người có khả năng, có kinh nghiệm hoạt động trong các xí nghiệp quốc doanh ; (5) được sự bao che của chính quyền địa phương như giảm thuế, cho đăng ký lại dưới tên mới để hưởng các khoản ưu đãi khuyến khích đầu tư của nhà nước một số năm đầu ; (6) thị trường địa phương được chính quyền địa phương bao che bằng các biện pháp ngăn cản lưu thông hàng hoá từ các địa phương khác ; (7) được chính quyền trung ương ưu đãi về vốn so với xí nghiệp tư nhân vì con đường xã hội chủ nghĩa mà Trung Quốc muốn xây dựng ; (8) được ưu tiên làm vệ tinh cho các xí nghiệp quốc doanh.

Trong thời gian qua, xí nghiệp tập thể ở nông thôn Trung Quốc vừa đẩy nhanh được tốc độ phát triển của nền kinh tế, vừa tạo thêm việc làm ở nông thôn. Với sự thành công như trên, ta không thể dễ dàng “ sớ toẹt ” hình thức sản xuất tập thể. Đây là kinh nghiệm quý báu cần nghiên cứu thêm lý do của sự thành công. Nó cũng đòi hỏi cần nghiên cứu lý do của sự sụp đổ của xí nghiệp tập thể ở Việt Nam. Phải chăng cán bộ lãnh đạo xí nghiệp tập thể ở Việt Nam thiếu trình độ quản lý ? Phải chăng tổ chức điều hành cứng nhắc không khác gì xí nghiệp quốc doanh ? Phải chăng công nhân chỉ là người làm công không hơn không kém ? Phải chăng thuế chịu quá cao so với hoạt động sản xuất hộ gia đình ? Phải chăng người Việt Nam thiếu tinh thần kỷ luật tập thể ? Phải chăng xí nghiệp tập thể luôn luôn thiếu vốn ? Phải chăng việc mất đi thị trường xã hội chủ nghĩa là lý do chính ? Hay phải chăng xí nghiệp tập thể ở Việt Nam quá nhỏ bé nên không thể đứng vững ? Nếu điều cuối cùng này là đúng thì phải chăng chúng ta chỉ có thể so sánh về tầm cỡ giữa xí nghiệp tập thể ở nông thôn Trung Quốc với xí nghiệp quốc doanh địa phương ở Việt Nam ? Như vậy tập thể hoá xí nghiệp quốc doanh địa phương ở Việt Nam có thể là giải pháp tăng năng suất lao động không ?

New York, 27.05.1993

Vũ Quang

Thay đổi trong ổn định (tiếp theo trang 9)

Làm sao để giải quyết vấn đề đồng thuận về hệ thống đạo đức luân lý hướng dẫn cung cách hành xử chính đáng ? Những giá trị xã hội và những phương thức để đạt chúng phải được bàn soạn và đánh giá trên một diễn đàn rộng mở và tự do. Diễn đàn này phải được kèm bởi những tổ chức, hội đoàn có khả năng quảng bá cũng như cơ cấu hoá những giá trị (cứu cánh) và cung cách hành xử chính đáng (phương tiện chính đáng). Cơ cấu chính trị phải nhip nhàng thay đổi để phản ánh và tạo điều kiện thoả mãn những giá trị đã được số đông chấp nhận.

Cả hai phần của “ xã hội công dân ” này (diễn đàn thảo luận và các tổ chức) đều đòi hỏi người dân phải được hưởng những quyền tự do cơ bản nêu trên. Như thế tôi nghĩ “ thay đổi trong ổn định ” đòi hỏi chính quyền phải tôn trọng các quyền tự do cơ bản. Trước khi có những lực lượng xã hội hình thành, đảng có nắm chặt lắm thì vẫn không thể gọi là ổn định, và đảng mà lập tức bỏ độc quyền cai trị tổ chức bầu cử như ông Diêu đề nghị thì khả năng loạn như đảng cú la làng quả thật là có. Trong khi đó nếu nhà cầm quyền tôn trọng quyền tự do công dân, thì nền tảng cho thay đổi trong trật tự thật sự sẽ hình thành với sự xuất hiện của một “ xã hội công dân. ”

Do đó trong giai đoạn này, tôi thiết nghĩ đòi hỏi đảng-nhà nước phải triệt đối tôn trọng quyền công dân là điều hợp lý cho cả hai phe muốn xã hội đổi mới theo chiều hướng dân chủ và phe muốn giữ cái ghế quyền lực cho đảng. Tạm thời trong thời gian chờ đợi sự phát triển của “ xã hội công dân ” làm nền tảng cho công cuộc thay đổi trong chiều hướng dân chủ hoá, đảng có thể danh chính ngôn thuận cai trị trong giai đoạn chuyển tiếp. Như thế đảng và đảng viên có thể tạo cho mình hình ảnh tốt đẹp để một khi phải tranh quyền trong khuôn khổ đấu phiếu dân chủ thật sự (một điều không chóng thì chày), khả năng đắc cử được nâng cao.

Sự tôn trọng quyền tự do căn bản của người công dân, do đó, nên là điểm cần được nhấn mạnh và tạm tách rời ra khỏi đòi hỏi đảng phải bỏ quyền cai trị và tổ chức bầu cử ngay. Một cuộc bầu cử như thế ngay bây giờ nếu không gây loạn cũng không cho người dân sự chọn lựa thật sự. Sự tôn trọng các quyền tự do này cho phép sự hình thành của những lực lượng xã hội chính trị như giới trí thức. Trong một môi trường mở rộng như thế, ông Diêu sẽ không phải than phiền rằng không có giới trí thức, rằng trí thức miền Nam không có vai trò vì bỏ chạy (họ sẽ không có lý do phải bỏ chạy). Giữa lúc phiên toà xử Đoàn Viết Hoạt và nhóm Diễn Đàn Tự Do được sự chú ý của mọi người, ông Diêu nên nghĩ lại về vai trò của trí thức không thuộc quá khứ miền Bắc trước khi vội vàng kết luận.

Nhưng dù thế nào đi nữa, ông Diêu là người (hiếm hoi) giữ nóng cuộc tranh luận về dân chủ tại Việt Nam tạo cơ hội cho những người Việt Nam khác chính kiến có cơ hội đối thoại về tương lai chung.

Nguyễn Hương

thời sự Pháp : quy chế người ngoại quốc

Abdou, Nguyễn, Mohammed và còn ai nữa...

ĐỖ THỐNG

Mùa xuân oan nghiệt. Mười năm khủng hoảng triển miên đã đánh đổ mọi thứ tabu cấm kỵ : người ta đã dám mở miệng nói tới “thềm dung nạp” (*seuil de tolérance*), rồi “vùng đợi chờ” (*zones d'attente*) và “chuyên cơ trục xuất” (*charters d'expulsés*). Và bây giờ, cuộc tranh luận về vấn đề người nhập cư tại Pháp đã lên tới đỉnh cao với bộ ba đạo luật không những đặt lại vấn đề quy chế người ngoại quốc ở Pháp, mà còn xét lại cả định nghĩa về cộng đồng dân tộc. Nói như vậy chúng tôi không hề có ý cường điệu hay viết cho kêu. Đó chính là cái lôgic sâu kín của dự thảo bộ luật về quốc tịch, dự luật về xét hỏi giấy tờ căn cước và dự luật đàn áp nạn cư trú bất hợp pháp, ba bộ phận của một chiến lược (*) mà ông Charles Pasqua, bộ trưởng nội vụ, vừa triển khai.

Luật thổ địa, luật huyết thống

Như mọi người đều biết, có hai quan niệm đối nghịch nhau về quốc tịch : một bên là **luật thổ địa** (*droit du sol, jus soli*), theo đó ai sinh trưởng ở nước nào thì mang quốc tịch nước đó, và một bên là **luật huyết thống** (*droit du sang, jus sanguis*) theo đó quốc tịch là do cha (mẹ) truyền con nối. Nói nôm na hơn, một bên coi trọng nơi *chôn rau cắt rốn*, một bên dùng huyết thống dòng dõi để quyết định quốc tịch. Tại tất cả các nước tiên tiến, hiện nay chỉ có Đức và Thụy Sĩ là còn áp dụng quan niệm huyết thống. Tại Pháp, luật thổ địa đã được soạn thành văn ít nhất từ thời Đế tam Cộng hoà (1889), nhưng nó đã tồn tại từ lâu trong truyền thống lịch sử và văn hoá Pháp. Ngay từ thời quân chủ, nhà luật học nổi tiếng Pothier đã tuyên bố : “Ai sinh ra tại vương quốc ta là có quyền có quốc tịch Pháp, bất luận cha mẹ gốc gác thế nào”. Cho nên pháp lý *jus soli* là một bộ phận cấu thành của bản sắc Pháp. Nói như sử gia Fernand Braudel, tính theo đơn vị thời gian là thế kỷ, thì mọi người Pháp đều là con cháu những người nhập cư. Theo thống kê của Viện quốc gia nghiên cứu dân số học (INED) công bố năm 1991, thì 10 triệu người Pháp (tức là

20 % dân số) là con hoặc cháu người ngoại quốc.

Trong thời kỳ ở chung lần thứ nhất (chính phủ phái hữu cầm quyền trong hai năm cuối nhiệm kỳ tổng thống 1981-1988 của F. Mitterrand), dưới sức ép của phe cực hữu và viện cố “cần củng cố bản sắc dân tộc”, chính phủ Chirac đã tìm cách xoá bỏ quyền quốc tịch theo sinh quán. Chủ trương này đã gặp sự phản đối do phe đối lập đẩy lên mạnh mẽ trong dư luận, lại bị Hội đồng Nhà nước tỏ ý không tán thành vì “không thấy có lý do để thay đổi một hệ thống pháp lý đã được áp dụng từ gần một thế kỷ nay mà kinh nghiệm cho thấy là không có gì bất cập”. Vì vậy, chính phủ đã dùng chức thứ 36 là trao hồ sơ này cho một uỷ ban nghiên cứu mà ông Marceau Long làm chủ tịch. Uỷ ban này đã có một sáng kiến gương mẫu là tổ chức một khoá điều trần công khai và truyền hình, sau đó đề nghị một số biện pháp được dư luận đánh giá là ôn hoà và được sự đồng thuận của xã hội. Các biện pháp này dựa trên cơ sở quan niệm *quốc tịch là một sự chọn lựa tự nguyện, quốc gia dân tộc tồn tại là do ý chí của các công dân* (Renan) và *do một khế ước giữa các công dân với nhau* (Rousseau). Do đó, vào quốc tịch Pháp phải là một hành động tự nguyện.

Vấn bản đạo luật về quốc tịch mà Quốc hội Pháp vừa thông qua (lần đầu) với một đa số áp đảo, cho dù đã được tu chính theo chiều hướng cứng rắn hơn so với dự thảo (xem phần đóng khung đi kèm bài này), đại để cũng nói là dựa theo bản kết luận của Uỷ ban Marceau Long. Chủ yếu từ nay việc nhập tịch sẽ phải tuân theo hai điều kiện : một là đương sự phải tự nguyện, hai là đương sự chưa bị án hình sự. Nếu vậy thì tại sao dự luật quốc tịch này lại đáng bị chỉ trích ? Câu trả lời có thể tóm gọn như sau : đằng sau ngôn từ nguy trang dưới hai điều kiện vừa kể trên, người ta đã để cho tiêu chuẩn huyết thống lẫn át tiêu chuẩn thổ địa, người ta đã phân biệt công dân gốc gác bản địa và công dân ngụ cư, do đó đã biến dạng mô hình cộng hoà về sự bình đẳng tuyệt đối và phổ cập giữa các công dân.

Chủ trương rằng nhập tịch phải là một hành động tự nguyện, tránh tình trạng “trở thành người Pháp mà không biết hoặc không muốn, à l'improviste, bất chợt trở thành người Pháp” (lời ông Edouard Balladur, tân thủ tướng), thoát tiền nghe không có gì chướng. Thuận tai, hợp tình hợp lý lắm chứ : tự nguyện tự giác thì việc nhập tịch làm công dân nước Pháp mới có đầy đủ ý nghĩa. Nhưng xét cho kỹ hơn một chút, ta sẽ thấy vấn đề không đặt ra như vậy :

1) Về mặt nguyên tắc luật học, việc cấp quốc tịch phải có *tính tự động*, tính đương nhiên : “Mỗi người không phải chọn lựa quốc tịch, mà đương nhiên có một quốc tịch, căn cứ vào pháp luật hiện hành của nước sinh quán hoặc là của nước mà cha mẹ người đó có quốc tịch” (D. Lochak). Nói rõ ra, huỷ bỏ tính chất đương nhiên, tự động của việc cấp quốc tịch tức là mặc nhiên để cho luật huyết thống (*droits du sang*) bắt đi bắt dịch lẫn át luật thổ địa (có thể bị các xu hướng chính trị thay đi đổi lại theo đa số ở quốc hội).

2) Nói cụ thể hơn nữa, đòi những thanh niên sinh trưởng ở Pháp, mà cha mẹ là người ngoại quốc, phải tuyên bố muốn nhập tịch thì mới được cấp quốc tịch Pháp, còn thanh niên

sinh trưởng ở Pháp, mà cha mẹ là người Pháp, thì không phải tuyên bố gì cả, vẫn đương nhiên là có quốc tịch Pháp, thì khác nào công khai tuyên bố rằng hai loại thanh niên đó không chính đáng như nhau. “*Luật huyết thống như vậy sẽ là con đường vương giả, bình thường, chính đáng ; còn luật thổ địa trở thành con đường ngoại lệ, nói thẳng ra là con đường đôi chút khả nghi*” (J. Lang).

Sự kỳ thị còn biểu hiện trong việc từ chối quốc tịch đối với những thanh niên con cái người ngoại quốc, sinh trưởng ở Pháp đã mang án hình sự — một chủ trương “*thanh lọc công dân*” (như Serbia đang “*thanh lọc chủng tộc*” ở nước Nam Tư cũ) chỉ hợp tình hợp lý nếu như nó đi đôi với việc tước bỏ quốc tịch của cả những thanh niên Pháp phạm pháp.

3) Nói về quyền công dân và quyền quốc tịch, người ta đua nhau viện dẫn Rousseau (*xã hội là một khế ước*) hay Renan (*quốc gia dân tộc là một ý nguyện*), nhưng người ta quên rằng Renan còn nói : “*Sự tồn tại của mỗi quốc gia là một cuộc biểu quyết dân ý hằng ngày*”. Mà đã nói đến *biểu quyết hằng ngày*, thì phải công nhận là thanh niên con cái người nước ngoài hằng ngày biểu quyết cũng như, nếu không nói là hơn, thanh niên Pháp : họ sống ở Pháp, đơn giản như vậy, thậm chí nếu người ta trục xuất khỏi nước Pháp, thì họ vẫn tìm cách quay trở lại. Nay bắt họ phải tiến hành thêm một thủ tục (có tính chất kỳ thị) để chứng tỏ là họ muốn có quốc tịch Pháp, thì khác nào tỏ ý ngờ vực họ ? Người ta không khỏi cảm thấy ớn lạnh xương sống khi nghe ông Pierre Mazeaud (RPR), chủ tịch Ủy ban pháp luật của Quốc hội, tỉnh bơ gọi 800 000 thanh niên đó là “*những người Pháp giả định*” [*Français présumés*]. Một cách đùa dai dễ sợ, khác nào nói rằng đó là những “*kẻ tình nghi giả định*” (*suspects présumés*), biểu lộ một lối nhìn của xã hội Pháp đối với con cái những người nhập cư sinh sống và làm việc lâu năm trên đất Pháp.

Bản mặt ngoại quốc và đọc báo New York Times

Phải nói bộ ba dự luật của ông Pasqua (*) là một hệ thống nhất quán. Ngay từ năm 1990, tức là 3 năm trước khi trở lại làm bộ trưởng nội vụ, ông đã nói tại Thượng viện rằng sửa đổi bộ luật quốc tịch là một “*yêu cầu bức xúc*” : «*Nhà lập pháp cần thiết phải khẩn trương khẳng định rằng quyền hưởng quốc tịch nhằm mục tiêu tối hậu là bảo toàn sự vĩnh hằng của quốc gia Pháp*». Ý nghĩa tượng trưng của việc sửa đổi bộ luật quốc tịch nằm trong hai chữ *vĩnh hằng* ấy, cũng như khía cạnh trấn áp của “*dự án luật liên quan tới việc chế ngự luồng nhập cư và tình hình nhập cảnh, tiếp nhận và cư trú của người nước ngoài*”, về trung tâm của bộ ba, dự luật mà tác giả của nó đã tóm gọn trong mấy chữ “*nhập cư zéro*”. “*Quản lý dòng người nhập cư*” theo kiểu Pasqua là cả một guồng máy luật lệ chưa từng có (xem khung đi kèm bài này). Có thể nói tóm tắt : đặt thêm nhiều chướng ngại vật về thủ tục sum họp gia đình ; tình nghi một cách có hệ thống các cuộc hôn nhân giữa người Pháp và người ngoại quốc ; bãi bỏ khả năng chống án trong trường hợp có tranh chấp ; hạn chế tối đa khả năng hưởng các quyền xã hội ; thu hẹp diện quy chế tị nạn... Cái logic xuyên suốt của các biện pháp kể trên là logic của sự tình

ngghi, dọn chỗ cho mọi sự phiền hà, độc đoán đối với toàn bộ người nước ngoài, thậm chí đối với cả một bộ phận người Pháp (người Pháp con cháu người nước ngoài, người Pháp lấy vợ/chồng ngoại quốc, người Pháp muốn mời bạn bè nước ngoài sang Pháp chơi) trong khi giao tiếp với các cơ quan hành chính. Nhất là cảnh sát công an, vì vẫn trong cái logic đàn áp và loại trừ nói trên, chính phủ còn đưa ra Quốc hội biểu quyết một đạo luật — về an ninh của bộ ba — mở rộng khả năng khám xét giấy tờ căn cước (xem khung đính kèm). Mấy năm về trước, ông Pasqua muốn “*khủng bố bộ, khủng bố*” ; nay phải chăng ông muốn “*khủng bố người ngoại quốc*” với đạo luật này ? Chỉ biết trong cơn mê sảng tập thể, một đại biểu quốc hội đã húng chí đòi thiết lập trở lại chế độ “*giấy phép đi lại*”. Đề nghị này bị bác đi, nhưng bù lại, tuyệt đại đa số hạ viện, trong lần họp thứ nhất, đã thông qua điều khoản bổ sung¹ của ông Marsaud, cho phép công an tư pháp khám xét giấy tờ căn cước trên cơ sở “*bất cứ yếu tố nào cho phép giả định đó là người ngoại quốc, miễn yếu tố đó không liên quan tới chủng tộc*”. Thế nào là yếu tố không liên quan tới chủng tộc ? văn bản dự luật không nói rõ, xin mời quý vị nát óc mà tìm cho ra. Dân biểu J. Dray (Đảng xã hội) mỉa mai gợi ý : “*Chẳng hạn như đọc báo New York Times*”. Như vậy, tất cả các vị da vàng tóc đen, da đen hay da ngăm ngăm tóc xoăn có thể yên tâm dạo mát ngoài đường. Miễn là đừng giở New York Times ra mà đọc.

Cố nhiên, các bộ trưởng hữu quan thanh minh thanh nga rằng đối tượng trấn áp không phải là người ngoại quốc nói chung, mà chỉ là những người nhập cư bất hợp pháp (đạo luật viết rõ như vậy mà). Cọng lá nho thảm thương ấy chẳng che đậy được cái gì. Trước hết, mọi người đều biết rằng không thể nào ngăn chặn được luồng nhập cư bằng những biện pháp cảnh sát. Sau nữa, mặc dầu không ai đếm được chính xác xem có bao nhiêu người ngụ cư chui, nhưng vẫn có thể ước lượng : năm 1981, khi phái tả lên cầm quyền ở Pháp, cho phép dân nhập cư chui được hợp thức hoá giấy tờ, có 130 000 người ra trình diện (trong khi người ta chờ đợi sẽ có khoảng 300 000). Như vậy là để đạt mục tiêu truy lùng vài vạn người nhập cư chui (một số, dù có tóm được, cũng không biết trục xuất ra sao) người ta sẵn sàng quấy rầy thường trực mấy triệu người ngoại quốc sinh sống và làm việc hợp pháp, biến họ thành đối tượng của mọi sự tình nghi, hạ nhục, kỳ thị. Chẳng lẽ các vị đại biểu Quốc hội không ý thức được nguy cơ đó sao ? Ông bộ trưởng nội vụ vốn tự hào là biết “*lắng nghe nước Pháp sâu kín*”. Người ta có thể nghĩ rằng các biện pháp nhất quán mới được đề ra thể hiện trung thành quan niệm của ông về sự hội nhập. Trước quốc hội, ông Pasqua cũng đã nhấn mạnh rằng dự án mà ông đưa ra “*là một vận hội mới, có lẽ là vận hội cuối cùng, để cứu vãn mô hình hội nhập kiểu Pháp*”.

Hội nhập, hay chống hội nhập ? Hội đồng nhà nước — đây là điều rất hiếm — đã nhận định “*dự án này đi ngược ý định tuyên bố là tạo điều kiện thuận lợi cho việc hội nhập của người ngoại quốc cư trú hợp pháp trên lãnh thổ nước ta*”. Nói đến quốc tịch và hội nhập, không thể không nói tới bản sắc dân tộc, không thể không trả lời câu hỏi : thế nào là bản sắc Pháp ? Từ xưa đến nay, nước Pháp vốn là đất nước của sự

(xem tiếp trang 32)

Những quy định mới trong ba dự luật

I. Sửa đổi luật quốc tịch

1. Trẻ em sinh đẻ tại Pháp, mà cha mẹ là người ngoại quốc, tới tuổi 18 không đương nhiên có quốc tịch Pháp, mà phải *biểu lộ ý muốn* trở thành người Pháp, trong thời gian giữa tuổi 16 và tuổi 21. Ý muốn này có thể phát biểu hoặc trước mặt một thẩm phán, hoặc trong khi làm thủ tục hành chính ở toà thị chính, toà tỉnh trưởng, hay ty cảnh sát. Đăng ký làm nghĩa vụ quốc gia hay xin giấy chứng chỉ quốc tịch cũng được coi là biểu lộ ý muốn đó.

2. Cha mẹ người nước ngoài có con sinh đẻ tại Pháp không còn có thể xin quốc tịch Pháp cho con em ở tuổi vị thành niên. Cho đến giờ, thủ tục này biểu hiện ý muốn hội nhập vào xã hội Pháp, nhưng cũng có thể chỉ là cách tránh khỏi bị trục xuất.

3. Phương thức nhập tịch nói ở điểm 1 không còn giá trị trong trường hợp đương sự bị án hình sự. Người ngoại quốc trưởng thành (tức là 18 tuổi trở lên) bị tước quyền xin quốc tịch (quyền này có thể sử dụng từ tuổi 16) nếu đã bị kết án vì tội chống an ninh quốc gia, hay bị kết án 6 tháng tù giam vì một số tội hoặc vi phạm (làm ma-cô, buôn ma tuý, đánh người tử thương, phạm tội con người một vị thành niên – tội trạng cuối cùng này do quốc hội thêm vào), hoặc đã là đối tượng một nghị định trục xuất (*expulsion*) hoặc dẫn độ (*reconduite à la frontière*). Một lệnh cấm nhập cảnh cấm cư trú vì dùng hoặc buôn ma tuý cũng huỷ bỏ quyền xin quốc tịch.

4. Sau ngày thành hôn với một người Pháp, người ngoại quốc phải đợi 2 năm mới được quyền xin nhập tịch [Từ năm 1973 đến năm 1984, có thể làm đơn ngay sau ngày cưới. Từ 1984 đến nay, phải đợi 6 tháng]. Thời hạn này được bãi bỏ trong trường hợp đẻ con “*trước ngày cưới hay sau ngày cưới nếu đứa con được thừa nhận là con của cả hai người*”. Tại Quốc hội, dự luật về quy chế người nước ngoài (xem phần III) được bổ sung như sau : điều khoản vừa kể trên chỉ được áp dụng cho những người ngoại quốc cư trú hợp lệ ; nói cách khác, những người cư trú chui không được quyền xin vào quốc tịch Pháp, cho dù chồng hay vợ là người Pháp.

II. Khám xét giấy tờ

Mở rộng thể lệ khám xét giấy tờ căn cước, trong các cuộc khám xét tư pháp (liên quan tới một vụ vi phạm) hay hành chính (tức là phòng ngừa một sự vi phạm trật tự công cộng). Dự án luật cho phép mở ra những cuộc triển khai lực lượng cảnh sát có quy mô như trong những đợt chống nạn say rượu lái xe hơi, nếu có “*lời thỉnh cầu thành văn của biện lý, tại những nơi và trong thời gian do biện lý quy định*”. Biện lý có thể yêu cầu khám xét ngay trong trường hợp chưa xảy ra một tội trạng hay vi phạm nào. Nếu cuộc khám xét phát hiện ra những vi phạm không phải là mục đích thỉnh cầu của biện lý, thì thủ tục này vẫn có giá trị.

Không những thế, nhân viên công lực từ nay có quyền đòi xem xét giấy tờ của “*bất cứ người nào, bất luận thái độ hành xử của người ấy ra sao... ngõ hầu ngăn ngừa sự vi phạm trật tự công cộng, an ninh về người và của*”.

Bổ sung của dân biểu Marsaud (xem phần III) còn cho phép sĩ quan cảnh sát kiểm tra giấy tờ của mọi người “*cần cứ vào bất cứ yếu tố nào cho phép giả định đó là người nước ngoài, miễn là yếu tố đó không có tính chất chủng tộc*” (xem thêm chú thích ¹, trang 32).

III. Luật lệ mới về điều kiện nhập cảnh và cư trú của người ngoại quốc

1. **Hạn chế quyền tị nạn** : Đơn xin tị nạn nộp tại Pháp sẽ do các tỉnh trưởng (préfets) xét duyệt trước. Tỉnh trưởng có thể không cấp giấy cư trú nếu người nộp đơn đã đi qua một nước đã ký hiệp ước Schengen (theo đó, Pháp có quyền trục xuất về nước đó), hoặc nếu người đó có thể “*được bảo hộ hữu hiệu*” tại một quốc gia khác, hoặc nếu tỉnh trưởng xét rằng đơn xin tị nạn có phần “*cố ý gian lận*”.

2. **Hạn chế đoàn tụ gia đình** : Một người ngoại quốc muốn xin cho gia đình sang đoàn tụ tại Pháp phải có thu nhập ít nhất bằng mức lương tối thiểu (SMIC), và phải cư trú hợp lệ tại Pháp ít nhất hai năm. Những khoản phụ cấp gia đình mà đương sự có thể sẽ được lĩnh không được tính vào số thu nhập nói trên. Khi làm đơn, vợ và con đương sự không được ở sẵn bên Pháp rồi. Đương sự cũng sẽ không được phép đưa các con sang Pháp bằng nhiều đợt trừ phi “*có lý do chính đáng vì lợi ích của con cái*”. Tỉnh trưởng chỉ cho phép sau khi nhận được ý kiến của thị trưởng hay xã trưởng nơi đương sự cư trú. Không được phép đoàn tụ nếu đương sự là sinh viên. Nếu đương sự đa thê, thì ngoài chính thất, các vợ khác và con cái không được phép đoàn tụ. Sau khi đoàn tụ, nếu hai vợ chồng ly thân, thì nhà cầm quyền có thể rút phép cư trú đã cấp cho vợ.

3. **Hạn chế chế độ bảo hộ phúc lợi xã hội** : Cho đến nay, những người nhập cư chui không được hưởng chế độ trợ cấp gia đình, nhưng nếu có công ăn việc làm, thì có trường hợp họ được hưởng bảo hiểm sức khoẻ. Dự luật Pasqua huỷ bỏ khả năng này bằng cách bắt buộc các quỹ bảo hiểm xã hội phải kiểm tra đều đặn giấy tờ cư trú hợp lệ của người ngoại quốc. Sở bảo hiểm xã hội sẽ được sử dụng kho phiếu của công an tỉnh để loại bỏ khỏi diện bảo hiểm những ai cư trú không hợp lệ, kể cả vợ con những người cư trú hợp lệ nhưng không được phép đoàn tụ gia đình.

4. **Hạn chế việc cấp thẻ cư trú** : Sẽ không cấp “*thẻ cư trú 10 năm*” cho những người ngoại quốc cư trú không hợp lệ, kể cả trong trường hợp họ có vợ, chồng hay con cái là người Pháp. Đối với con cái, theo chế độ hiện hành, thì dù cha mẹ cư trú chui, nhưng nếu người con sống ở Pháp từ khi chưa tới 10 tuổi, thì có thể xin cấp thẻ cư trú 10 năm. Với dự án sửa đổi, người con phải sang Pháp từ khi chưa tới 6 tuổi, và chỉ được cấp thẻ cư trú có giá trị 1 năm.

Đối với sinh viên ngoại quốc, từ nay trở đi, sau 10 năm cư trú, họ không thể xin đổi thẻ cư trú tạm thời thành thẻ 10 năm. Người nào nhiều vợ mà đưa một vợ thứ vào đất Pháp sẽ không được cấp thẻ cư trú và có thể bị rút thẻ đã được cấp.

CAMERA VÀNG CANNES 1993

TRẦN ANH HÙNG nói về **Mùi đu đủ xanh**

HẢI VÂN

Đoạt giải CAMERA VÀNG — dành cho phim đầu tay — và giải THANH NIÊN tại Liên hoan Điện ảnh Cannes 1993, **Mùi đu đủ xanh** (*L'odeur de la papaye verte*) được giới phê bình và người xem đón nhận như là một phim Việt Nam: một đạo diễn người Việt, một câu chuyện Việt Nam, một bộ phim nói tiếng Việt. Trong khi, về mặt kinh tế và kỹ thuật, đó là một sản phẩm 100% của nền điện ảnh Pháp: vốn đầu tư và tài trợ (18 triệu FF), nhà sản xuất, ê-kíp kỹ thuật, tất cả đều là Pháp. Quốc tịch Pháp, tâm hồn Việt, **Mùi đu đủ xanh** chỉ là ảnh phản chiếu tác giả của nó, đạo diễn Trần Anh Hùng (xem bài giới thiệu trong số trước).

Chúng tôi ghi lại dưới đây đôi điều trao đổi — bằng tiếng Pháp — giữa Trần Anh Hùng với báo Diễn Đàn.

Mùi đu đủ xanh là câu chuyện — xảy ra ở Sài Gòn vào đầu những năm 1950 — của một em gái 10 tuổi tên Mùi, từ nông thôn lên thành thị ở trọ trong một gia đình tiểu tư sản. Mười năm sau, Mùi sang làm người ở cho một nhạc sĩ dương cầm tên Khuyển, trở thành vợ của người nghệ sĩ Âu học, khởi đầu một cuộc sống mới. « Hình tượng quả đu đủ xanh nói lên, theo lối ẩn dụ, chủ đề chính là thân phận của người đàn bà Việt Nam, một quan hệ truyền thống giữa đàn bà và đàn ông, quan hệ phục dịch. Một sự phục dịch chấp nhận bằng một sức mạnh tâm linh phi thường mà người ta có thể bắt gặp ở các bà mẹ Việt Nam. Một chế độ không thể chấp nhận, nếu xét một cách duy vật ».

Thủ lý giải mâu thuẫn này, Trần Anh Hùng gợi ra giả thuyết: « Khi gặp gỡ tình thương, những cử chỉ phục dịch, hầu hạ thay đổi ý nghĩa, nội dung, trở thành những cử chỉ hy sinh, hiến dâng. Tình yêu giải thoát người đàn bà ra khỏi thân phận phục dịch, đồng thời giam giữ họ vào quan hệ phục dịch người đàn ông hơn bao giờ hết. Sự phức tạp, lưỡng tính (ambiguïté) trong tương quan giữa phục dịch và yêu thương chính là vấn đề mà **Mùi đu đủ xanh** muốn đặt ra ».

Ý đồ này giải thích cấu trúc bộ phim gồm hai phần. « Phần thứ nhất miêu tả sự vận hành của quan hệ phục dịch.

Khởi đầu là giai đoạn rèn luyện từ bé — Mùi học từng cử chỉ nội trợ. Sau là giai đoạn người đàn bà về già (bà chủ nhà), một tay gánh vác cả gia đình khi người chồng vô tích sự đã bỏ nhà ra đi. Và ở giai đoạn cuối đời (bà nội), người đàn bà, hoàn toàn cô độc, chỉ còn có thể đối thoại với người đã chết ».

Trần Anh Hùng dành phần thứ hai để tả giai đoạn then chốt trong quá trình nói trên: « Khi người đàn bà gặp gỡ tình yêu nơi người đàn ông, thân phận phục dịch chuyển hoá thành một cái gì khác ». Và sự lưỡng tính tiếp tục: « Khi dạy cho Mùi đọc và viết, người chồng trao vũ khí cho người vợ tự giải phóng. Song đây chỉ là một khả năng. Bởi vì, trong cảnh kết thúc, Mùi — sau khi độc thoại trực diện với ống kính camera — kêu lên một tiếng và nhắm mắt lại... : bào thai cử động trong bụng của Mùi. Với bào thai này, phải chăng chu trình nói trên bắt đầu lại và mô hình quan hệ cổ truyền được tái tạo? ».

Trần Anh Hùng xác định: « Tôi không làm bộ phim này để tố cáo thân phận phục dịch của người đàn bà — như Trương Nghệ Muu trong **Thê và Thiếp**. Làm như vậy không khác nào tôi phủ nhận mẹ tôi. Tôi cũng không đề nghị một giải pháp. Vả lại tôi không tin mô hình phương Tây về giải phóng phụ nữ có thể du nhập vào Việt Nam. **Mùi đu đủ xanh** chỉ nêu lên một thực trạng để tạo cảm xúc về sự khiếm khuyết, về những điều nan giải của cuộc sống ».

Phần thứ hai của bộ phim còn được xây dựng trên một sự phân biệt giữa « hai phương thức quyến rũ trong quan hệ ái tình. Một bên là vị hôn thê Âu hoá của Khuyển và lối quyến rũ phương Tây, lấy tương quan lực lượng và sự khiêu khích làm cơ sở. Bên kia là Mùi và lối quyến rũ phương Đông, căn cứ trên sự thắm nhuần và những quan hệ nam nữ lẫn tránh nhau để trở thành cần thiết cho nhau. Rốt cuộc Khuyển chọn lựa người đàn bà truyền thống, có thể do ý muốn tìm về nguồn hoặc vì e sợ những thay đổi triệt để ». Dù sao mỗi phương thức quyến rũ đã được diễn tả trong bộ phim với một ngôn ngữ điện ảnh đặc thù.

Xét cho cùng, tất cả **Mùi đu đủ xanh** nằm trong ngôn ngữ điện ảnh đầy tinh tế của Trần Anh Hùng, « một sự kết hợp vật chất tâm linh. Mặt vật chất đòi hỏi phải tả những quy trình lao động nội trợ một cách hiện thực với những động tác chính xác, không chỉ trong lúc vắt đu đủ xanh hay lau nhà mà cả lúc người đàn bà rửa mặt hay nghỉ ngơi. Những cảnh — trường đoạn (plan séquence) ở đây có tác dụng tạo ra cảm giác thời gian hiện thực. Ngược lại, mặt tâm linh đòi hỏi phải cách điệu hoá (styliser) những quy trình lao động đó, cho chúng cái vẻ tập tục, nghi thức để qua đó mỗi cử chỉ thường ngày của công việc nội trợ có thể chuyên chở những nội dung tinh thần ».

Thực hiện **Mùi đu đủ xanh** trên đất Pháp, khó khăn chính đối với Trần Anh Hùng không ở chỗ tạo dựng lại được cảnh trí Việt Nam tại phim trường. Ngay trong trường hợp bộ phim được quay ở Việt Nam, như dự định ban đầu, những đòi hỏi về thiết kế cảnh trí cũng vẫn vậy, do yêu cầu di chuyển của máy camera. Điều cốt lõi, theo Trần Anh Hùng, là có nắm bắt được hay không “ tâm hồn Việt Nam ”, nghĩa là, đối với khán giả Tây phương, “ một quan niệm khác về quan hệ

Lý Du đủ

Về tác phẩm điện ảnh *Mùi đu đủ xanh* vừa được chiếu rộng rãi tại Pháp từ tuần qua, đạo diễn **Trần Anh Hùng** có lời giải thích : trái đu đủ đa dụng, non thì ăn làm rau, chín dùng là hoa quả. Theo lời ăn tiếng nói vẫn về của làng quê Việt Nam, người dân quê miền Nam sẽ nói : “ *Khó làm rau, giàu làm trái* ” hoặc “ *hết ăn non, còn ăn chín* ”. Và giữa hai giai đoạn rau non và trái chín, quả đu đủ hươm hươm còn dùng làm dưa, làm mắm. Cũng không có gì làm kỳ diệu lắm đâu, chẳng qua người nghèo cần biết biến chế món ăn, từ những nguồn lương thực vốn hạn chế của thiên nhiên. Đu đủ là bạn mua hè nắng chói của nhà nghèo.

Trồng xoài, trồng mít cần đất rộng và tốt, và cần cả thời gian, năm bảy năm mới thu hoạch ; trồng cau, chanh cũng vậy, phải đầu tư, công của và năm tháng. Người nghèo ăn trưa chùa tối, có gì đâu để đầu tư ? Trồng đu đủ chỉ năm bảy tháng là có cái ăn, dưa dấy bữa khoai sắn.

Trái đu đủ, thịt dày mà ruột trống. Cuống lá cũng bông như cây tre. Trong khi tre làm hình tượng cho người quân tử, tiết trực tâm hu, thì đu đủ không tượng trưng cho cái gì cả, và ít khi xuất hiện trong văn thơ, như trái mít, trái xoài. Từ xa xưa, Nguyễn Trãi đã có thơ hay ca ngợi cây chuối. Hoa bưởi, hoa chanh rụng đầy vườn văn học,

mà chúng ta không thấy cây đu đủ, vì nó lẫn vào cuộc sống vô danh giữa những số phận nghèo hèn.

Trái đu đủ thơm ngon, nhưng hạt và nhựa chứa nhiều chất độc. Hạt đu đủ làm đứng tim. Đời sống cũng vậy thôi, nó mang sẵn nhiều độc tố, ngay trong tim óc chúng ta — hay từ những cơn gió lịch sử thổi tạt vào. Phải gian nan lắm mà chúng ta chưa giải độc được cuộc đời, trong khi cây đu đủ mạnh hơn chúng ta vì có tiềm năng hoá giải nhựa độc thành trái ngọt cây lành, làm lương thực trần gian.

Cây đu đủ không có nhánh : cái ta gọi là nhánh chỉ là cọng lá, và mỗi cọng lá để lại một thương tích trên thân cây. Cách đây vài mươi năm ta còn nghe câu nói miệt thị người kháng chiến : ba thằng Việt Cộng đánh đu không gãy cành đu đủ. Vì cọng đu đủ rất mong manh. Đu đủ sản xuất từ thân thể sẵn sùi thương tích của mình, như người mẹ sinh con.

Tên đu đủ nôm na như cuộc sống ngày ngày. Người miền Nam, ngày Tết, trên bàn thờ gia tiên, thường đem quả tử bằng bốn thứ trái cây : măng cầu, dưa, đu đủ và xoài, phát âm theo giọng địa phương là “ *cầu dưa (vừa) đủ xài (xoài)* ”, theo lối nhìn từ tốn của người dân quê biết hạn chế những ham muốn. Chữ đu đủ, trong cấu trúc ngữ học của một từ láy, có nghĩa là tạm đủ, gần đủ, chứ chưa hoàn toàn đủ. Ở đây, ta gặp lại thái độ hiền triết của nhà nho : biết đủ, là đủ, đợi cho đủ, bao giờ mới đủ. Quan niệm tri túc tiện túc đó còn có thể suy diễn rộng ra : biết hạnh phúc, là hạnh phúc. Đợi cho có hạnh phúc, chùng nào mới có hạnh phúc.

Lời cầu chúc đến từ cuộc đời, chỉ mong làm cái gạch nối giữa hai từ : *đu—đủ*.

ĐẶNG TIẾN

Viết cho ngày đính hôn

Trần Anh Hùng & Trần Nữ Yên Khê
19.6.1993

giữa người với người”. Ngôn ngữ trong bộ phim, do đó, chỉ có thể là tiếng Việt. Và nhà đạo diễn Pháp gốc Việt đã thuyết phục được nhà sản xuất Pháp cho quay hai bản phim, một bản tiếng Việt — xem như là bản chính — và một bản tiếng Pháp để tôn trọng những quy định của nền điện ảnh Pháp (người ta còn nhớ phim *L'Amant* của đạo diễn Pháp Jean-Jacques Annaud, phỏng theo tác phẩm của nhà văn Pháp Marguerite Duras, chỉ quay bằng tiếng Anh, nên không được coi là phim Pháp để dự giải César).

Điện ảnh của Trần Anh Hùng, từ hai phim ngắn *Thiếu phụ Nam Xương* và *Hòn vọng phu*, đến *Mùi đu đủ xanh* đều xoay quanh thân phận người phụ nữ Việt Nam. Trong cả ba phim của anh, người đàn ông hầu như vắng mặt, hoặc hiện diện một cách mờ nhạt. Chúng tôi hỏi tại sao, Hùng không giải thích được. Phải chăng nó thể hiện cấu trúc quan hệ con — bố — mẹ trong gia đình cổ truyền Việt Nam, trước tiên là gia đình Trần Anh Hùng ? « *Tính chất quan hệ với mẹ là trù*

mến, cảm thông. Còn tính chất quan hệ với bố là uy quyền : người bố là người cầm chịch trong gia đình, người quát roi mà không chỉ trong nghĩa bóng. Từ trước đến nay tôi chưa từng bao giờ tâm sự với bố tôi. Chỉ gần đây hai bố con mới bắt đầu đối thoại với nhau ». Trần Anh Hùng cho biết bộ phim sắp tới, mang tên *Xích lô* (Cyclo), sẽ lấy “ *quan hệ với người bố* ” làm trung tâm. Đó là chuyện một thanh niên 18 tuổi đạp xích lô, muốn thực hiện lời dặn dò của bố và vấp phải thực tế xã hội, kinh tế của nước Việt Nam hiện nay. Bộ phim dự kiến sẽ quay toàn bộ tại Việt Nam, và trong mùa hè này Trần Anh Hùng sẽ về nước chọn cảnh. Đồng thời, cùng với nữ diễn viên Trần Nữ Yên Khê và nhà sản xuất Christophe Rossignon, nhà đạo diễn Việt kiều sẽ đi giới thiệu *Mùi đu đủ xanh* cho khán giả Việt Nam, trong tháng 9, tại các thành phố Hà Nội, Sài Gòn và, nếu có điều kiện, Đà Nẵng [gợi ý của người đánh máy : và Huế, rất nên Huế !!!].

Hải Vân

Mùi đu đủ xanh khẳng định một tài năng

Kiến Văn

Bài này là, và chỉ là, một bài phê bình phim *Mùi đu đủ xanh* của Trần Anh Hùng. Nó sẽ không giới thiệu cốt chuyện : *Mùi đu đủ xanh* không phải là loại phim tình cảm éo le, càng không phải là phim hành động giật gân, nên cốt chuyện (cũng đơn giản thôi) là điều thứ yếu, và lại hầu như tất cả các báo Pháp đều nói tới rồi. Chủ đề của *Mùi đu đủ xanh*, và thông điệp của Trần Anh Hùng, những điều anh muốn gửi gắm trong tác phẩm đầu tay này, thì Hải Vân đã ghi đầy đủ và gọn gàng trong bài đăng ở trang trước. Xin độc giả hãy đọc bài đó trước, để đối sánh ý đồ của tác giả với cảm nhận của mình khi xem phim. Nói cách khác, để đối chiếu cuốn phim của Trần Anh Hùng và cuốn phim mà chính bạn đọc sáng tạo trong khi và sau khi xem *Mùi đu đủ xanh*.

Có thừa thời giờ, bạn mới nên đọc tiếp bài này, vì tất nhiên nó chỉ nói tới cuốn phim *Mùi đu đủ xanh* của... tôi ! Song, thành công của một tác phẩm nghệ thuật chính là do nó khơi dậy những tác phẩm khác nhau trong người thưởng ngoạn, và sự đồng điệu hay đối chọi giữa tác phẩm của nghệ sĩ và đồng vọng, phản ứng của công chúng.

Tôi cảm nhận thế giới của *Mùi đu đủ xanh*, trước hết là thế giới của trẻ con, thế giới của trí nhớ, thế giới của đứa con, thế giới của chuyện cổ tích.

Thế giới của trẻ con, trước hết và chủ yếu qua con mắt nhìn của bé Mùi. Thế giới của tự nhiên (cọng lá xanh, giọt sữa trắng của cây đu đủ, con thằn lằn, con ếch, con dế...) và thế giới con người (bà bếp, bà chủ, ba cậu chủ, nhất là thằng nhỏ ác ôn, cụ già người tình thầm lặng của bà nội... và Khuyến, hiện thân của giấc mơ hoàng tử). Sức mạnh của *Mùi đu đủ xanh*, tạo ra sự lôi cuốn khán giả, một phần lớn cũng xuất phát từ thế giới trẻ con này, mà Trần Anh Hùng đã làm sống lên bằng thế giới của trí nhớ. Những hình ảnh hiện thực (cận cảnh con kiến, hay từng động tác xắt đu đủ) chậm chạp, gần như bất động, không lạnh lùng, khách quan như một trang sách sinh vật học, hay một cảnh phim dân tộc học, mà đây sức truyền cảm, dẫn dắt khán giả phương Tây khám phá một thế giới mới, và đưa đẩy khán giả Việt Nam trở về kỷ niệm, trở lên tuổi thơ của mình.

Thế giới của đứa con, *Mùi đu đủ xanh* dạt dào tình yêu, thương cảm đối với người mẹ, hiện thân của người phụ nữ. Bà mẹ của Mùi hoàn toàn vắng mặt trong *Mùi đu đủ xanh*, hay bà mẹ (do Trương Thị Lộc đóng) mà sự thăm lặng cho ta đo

được tất cả gánh nặng gia đình, vốn dĩ nặng, còn được nhấn thêm bằng lời trách móc của bà cụ mẹ chồng, và chao đảo quay cuồng vì ông chồng dài lưng tốn vải ăn no lại đàn trước khi đi biệt. Tình yêu ấy được thể hiện bằng ngôn ngữ điện ảnh, một cách trực tiếp (thí dụ : cận cảnh bàn tay của Lâm tiến lại gần bàn chân của bà mẹ), hay gián tiếp (bằng sự phẫn nộ của Lâm khi ông bố cuỗm hết tiền và nữ trang của mẹ bỏ đi, và sự phẫn nộ của cậu bé giáng lên đầu mấy con kiến — tôi có khiên cưỡng quá không khi thấy trong cái chết của mấy con kiến sự giết cha của (Edipe ?)...

Thế giới của chuyện cổ tích. Một số khán giả — tôi không muốn nói tới vài nhà phê bình lên cơn tiến bộ muốn nhìn đâu cũng thấy đấu tranh giai cấp — có thể cho rằng việc một cô gái đi ở lấy cậu chủ, lại là nhạc sĩ Tây hoá, là không hiện thực, và nếu có thật chẳng nữa, thì mối tình này cũng sẽ đổ vỡ hay đi vào ngõ cụt. Điều đó đúng thôi. Và đứng trên bình diện hiện thực, cũng như thể hiện, phần hai của *Mùi đu đủ xanh* thua xa phần đầu, có lẽ trước hết cũng vì thế (thêm vào đó, động tác diễn xuất cường điệu của Trần Nữ Yên Khê, đặc biệt trong cảnh chia tay với bà mẹ, đã vượt quá chủ trương cách điệu của đạo diễn). Song *Mùi đu đủ xanh* không phải là phim hiện thực, ngay cả trong phần đầu (nếu ta thấy trước hết nó là không gian của tuổi thơ, của kỷ niệm, của quan hệ mẹ – con, anh – em, vợ – chồng..., của cảm giác), và nhất là trong phần nhì : tôi rất tâm đắc với ý kiến của Đặng Tiến khi anh nhận ra trong quan hệ Mùi – Khuyến mối tình cổ tích giữa cô Tấm và Hoàng tử. Tự giác hay vô thức, Trần Anh Hùng đã cắm những cột mốc chỉ đường cho khán giả : bà mẹ cho Mùi chuỗi vàng và tấm áo (như Bụt cho cô Tấm), Mùi thử giầy... Có điều chắc chắn : con đường vào điện ảnh của Trần Anh Hùng đã đi qua *Thiếu phụ Nam Xương*, *Hòn vọng phu* (hai phim ngắn đầu tay của anh). Cổ tích Việt Nam, kỷ niệm tuổi thơ và chỗ đứng của bà mẹ trong tâm hồn là ba thành tố quan trọng của tính cách Trần Anh Hùng.

Tính cách ấy, cái tâm ấy, đáng mừng thay, đã biểu hiện qua tài năng nghệ thuật của Trần Anh Hùng. Anh đã làm chủ được ngôn ngữ của điện ảnh. Mỗi cảnh được bố cục kỹ lưỡng nhưng thanh thoát, chứ không nặng nề. Mỗi đoạn cho ta thấy rõ Trần Anh Hùng cảm phục những bậc thầy như Bergman, Bresson, Ozu, Ray..., nhưng anh không trộ, không khoe mình thuộc lòng kinh sách, và trong mỗi đoạn, ta nhận ra cá tính Trần Anh Hùng đã hoặc đang khẳng định. Để khỏi phải đi vào chuyện bếp núc kỹ thuật, chỉ xin bạn đọc đã coi phim hồi tưởng lại 5 phút đầu, cảnh – trường đoạn (*plan séquence*, máy camera di chuyển theo *travelling* ngang, chậm, từ phải sang trái, rồi từ trái sang phải), cùng với Mùi đi theo bà chủ vào nhà, đi suốt vào tận nhà bếp, rồi trở ra. Một đoạn *nhập đề* như vậy thôi cũng đủ cho ta thấy sự làm chủ máy quay, quan niệm dàn dựng thiết kế ngôi nhà, và bút pháp vững chãi của Trần Anh Hùng.

Điều đáng hoan nghênh nữa là sự ăn ý rất hiếm của tập thể làm phim. Ở trên đã nói tới đạo diễn, các diễn viên (nổi nhất, dễ thương nhất, tất nhiên phải kể em bé Hoa-Lào, Lu Man San, đóng vai Mùi 10 tuổi), và toàn bộ ê kíp kỹ thuật. Phải thêm : C. Rossignon, nhà sản xuất có *con mắt tình đời*, (Trần) Anh Hùng *đoán giữa trần ai...* Và không thể quên âm nhạc của Tôn Thất Tiết, kín đáo, khiêm nhường, mà thực sự hiệu quả.

Lập ra một êkíp, tạo ra được bầu không khí ấy, đó là một bằng chứng nữa của thực tài. □

Nguyễn Xuân Khoát

Trần Văn Khê

Trong một bức thư anh Nguyễn Hữu Ba viết cho tôi cách đây 30 năm có câu : “ Bao giờ ba anh em mình được gặp nhau, ngồi cạnh nhau để trao đổi kinh nghiệm trong công việc sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc truyền thống Việt Nam ? Ngoài Bắc có anh Nguyễn Xuân Khoát hiểu thấu hát chèo và ca trù, miền Trung có tôi nắm vững nhạc cung đình và ca nhạc Huế, miền Nam có anh rành nhạc tài tử, cải lương ”. Tôi cũng cùng chung một ước mơ ấy. Nhưng ước mơ của chúng tôi chưa được thực hiện, và kể từ nay sẽ không thể nào thực hiện được nữa. Anh Nguyễn Xuân Khoát vừa vĩnh viễn ra đi.

Tôi không nhắc lại tiểu sử của người nhạc sĩ lão thành mà tôi chỉ nghe tên từ lâu, đã ngạc nhiên và thâm mến phục tài nghệ qua bài **Màu thời gian** của Đoàn Phú Tứ mà anh đã phổ nhạc một cách rất độc đáo và đậm màu dân tộc. Trong nước sẽ có người nghĩ đến việc ấy và biết rõ anh Khoát hơn tôi, sẽ viết đầy đủ hơn về anh. Tôi chỉ ghi lại kỷ niệm mấy lần tôi được gặp Anh.

Năm 1976, chiến tranh vừa dứt, nước nhà thống nhất Bắc Nam. Trung tâm nghiên cứu khoa học Pháp và Viện nghiên cứu đối chiếu Tây Bá Linh định gửi tôi về nước ghi âm nhạc truyền thống miền Bắc để thực hiện đĩa hát dưới nhãn hiệu Unesco. Cùng một lúc, anh Đỗ Nhuận, tổng thư ký hội nhạc sĩ Việt Nam có thư mời tôi về nước gặp gỡ các bạn nhạc sĩ trong hội. Năm đó, lần đầu tiên, tôi được diện kiến với anh Khoát, chủ tịch Hội nhạc sĩ Việt Nam.

Tuổi anh dạo ấy khoảng 60, nhưng tóc anh đã bạc, người cao mà gầy, má hơi cốp, vài nếp nhăn trên mặt, nhưng đôi mắt rất sáng, nụ cười rất tươi, và cái siết tay rất nồng hậu. Gặp tôi, anh nói chuyện rất cởi mở, như đã biết nhau từ lâu. Anh cho tôi biết hát chèo thì được phát triển mạnh, nhưng ca trù từ lâu rồi không có dịp được nghe nữa. Mấy hôm tôi nói chuyện về âm nhạc dân tộc Việt Nam tại trụ sở Hội nhạc sĩ, trên đài phát thanh, anh đều có đi nghe và rất tâm đắc với tôi ở điểm phải học hỏi nghiêm túc vốn cổ, để trên cơ sở vững chắc đó mình sáng tạo cái mới, không mất gốc mà phù hợp với cuộc sống hiện tại. Anh rất vui khi nghe tôi định ghi âm để thực hiện đĩa hát về chèo, ca trù và quan họ. Anh và tôi cũng đồng ý là truyền thống Việt Nam có những bộ gõ rất tinh vi. Mới gặp nhau sao mà thấy quá gần nhau trong thái độ đối với nhạc truyền thống như vậy ?

Đến hôm tôi được phép ghi âm ca trù để thực hiện đĩa hát, thì hai anh em chọn lựa những bài phải ghi : *Bắc phần, Mưỡu, Hát nói, Tỳ bà hành* v.v..., anh hết sức vui mừng. Vui hơn nữa khi anh được phép nói chuyện trên đài phát thanh về nghệ thuật ca trù vào tháng tư năm 1976, sau vài chục năm

nghệ thuật ca trù bị im hơi vắng tiếng. Rồi đến mấy hôm họp mặt tại trụ sở Hội nhạc sĩ để chuẩn bị buổi ghi âm, bà Quách Thị Hồ, bà Nguyễn Thị Phúc hát, anh Đinh Khắc Ban đàn đáy, cụ Trúc Hiền nhịp trống. Tôi ghi âm, hai anh Đỗ Nhuận và Nguyễn Xuân Khoát nghe và góp ý kiến. Hôm đó (16.3.76), cụ Trúc Hiền có mấy câu thơ ghi lại

*Ngày xuân gặp bạn Trần Khê
Ban đàn, Hồ hát hả hê tính tình
Trúc Hiền điểm trống xinh xinh
Ru hời bạn Phúc ra hình nhớ lâu
Nào nhả ngọc, nào phun châu
Lâm, Khê, Ban, Khoát nghiêng bầu tỉnh say
Trúc Hiền tặng mấy vần này.*

Rồi đến ngày 21 tháng 4, tôi ghi âm ca trù tại phòng cách âm của Đài tiếng nói Việt Nam để làm đĩa hát cho Unesco. Anh ngồi nghe, góp ý kiến và vô cùng thích thú. Ngày 26 tháng 4, trong buổi tiệc chia tay với tôi, anh Khoát viết mấy dòng trong tập lưu niệm du ký của tôi như sau :

*Để kỷ niệm buổi gặp cuối cùng thời gian vừa qua,
anh Trần Văn Khê về nước.*

Cám ơn anh !

Sự kiện anh về nước động viên tôi rất nhiều !

Nguyễn Xuân Khoát.

Hai anh em chúng tôi trong mấy hôm chuyện trò tâm tình, thấy có rất nhiều điểm tâm đắc :

1. Tuy được đào tạo theo phương pháp của Pháp, của Tây Âu, mà không vọng ngoại, lại dùng kiến thức thu thập từ bên ngoài, cộng với khả năng của mình để tìm tòi, học hỏi, sưu tầm vốn cổ cha ông để lại. Anh được học chính qui tại Nhạc viện Pháp tại Viễn Đông (Conservatoire français d' Extrême Orient) do người Pháp tổ chức tại Hà Nội. Anh chuyên đàn *contrebasse*, loại vĩ cầm to như trong giàn nhạc giao hưởng và thường đánh nhạc khiêu vũ tại nhà hàng *Taverne Royal* ở Hà Nội. Trong những sáng tác đầu tay của anh, bài **Bình Minh** (1938) hay bài **Con cò đi ăn đêm** (1939), ta đã nhận thấy chỗ anh dùng thang âm ngũ cung, loại thang âm ta thường gặp trong dân ca Việt Nam. Anh đã phổ nhạc những bài ca dao quen thuộc như **Con voi**, (1939), **Thằng Bờm** (1940) thằng Bờm có cái quạt mo...Lúc ấy anh đã bắt đầu tìm hiểu dân ca đồng bằng bắc bộ, học hát chèo, tìm hiểu ca trù, học đánh phách, nên anh đã phổ nhạc ca dao chứ chưa nghĩ đến việc sáng tác nhạc mới. Có lẽ vì thế mà trong thời gian tôi học Y tại Hà Nội, đang say sưa với Lưu Hữu Phước trong việc phổ biến những bản Bạch Đằng Giang, Chi Lăng, mà không có dịp gặp gỡ hay tiếp xúc với anh. Nhưng sau này, tuy học phương pháp nghiên cứu âm nhạc tại đại học Sorbonne, tôi dùng kỹ thuật sưu tầm nghiên cứu âm nhạc để ghi chú, tìm hiểu các điệu hò lý, dân ca cổ nhạc miền nam. Anh thường bảo tôi rằng tôi may mắn hơn anh ở chỗ tôi xuất thân trong một gia đình 4 đời nhạc sĩ, còn anh lớn lên mới tìm đến dân ca đồng bằng bắc bộ, hát chèo hay ca trù. Có điểm khác nhau là tôi đi vào nghiên cứu, còn anh đi vào lĩnh vực sáng tác. Anh đi sát với kháng chiến, tôi lưu lạc nơi xứ người. Trong mấy ngày đầu của cuộc kháng chiến thứ nhất, anh đã sáng tác : **Tiếng chuông nhà thờ** (1946), **Mừng bộ đội chiến**

thắng (1948), và những bài phỏng theo dân ca miền bắc như **Hồ kiến thiết** (1958).

2. Anh và tôi đều say mê nhạc dân tộc, tìm hiểu, hấp thụ, tiêu hoá nhạc dân tộc, học nhạc cổ, không phải vì nệ cổ, mà tạo cho mình một cơ sở vững vàng để dựa trên truyền thống mà sáng tạo cái gì mới hơn. Lúc anh viết nhạc nền cho ca kịch **Những bức thư tình** vào thời kỳ tiền chiến, anh chưa mạnh dạn dùng những nhạc cụ hay yếu tố ngôn ngữ nhạc dân tộc như trong khi anh viết nhạc cho phim hoạt hoạ **Ông Gióng, Sơn Tinh Thuỷ Tinh**. Trong phim **Ông Gióng**, anh cho đàn bầu và đàn xen-lô (*violoncelle*) thay phiên nhau mà phụ hoạ những lời hát ru của Mẹ Gióng. Có đoạn anh dùng toàn bộ gõ. Trong phim **Sơn Tinh Thuỷ Tinh**, cạnh bên nhạc khí tây phương như vĩ cầm (*violon*), trung vĩ cầm (*violoncelle*), kèn *fagotto*, anh dùng đàn bầu và toàn bộ gõ Việt Nam như trống đế của chèo, trống con, trống cái, sênh tiền, thanh la. Anh còn soạn một bản nhạc hoà tấu cho dàn nhạc dân tộc tựa là **Dưới bầu trời Thủ đô**, để theo ý anh, xem nhạc khí truyền thống có khả năng diễn tả hay thể hiện một đề tài hiện đại hay không.

3. Anh và tôi đều cho rằng bộ gõ và quan điểm Việt Nam về tiết tấu là một ưu điểm trong âm nhạc Việt Nam. Đồng thời với nguyên tắc biểu diễn “*chân, phương, hoa, lá*”, chúng ta có một phương châm biến khúc và phát triển tiết tấu rất độc đáo. Và anh chẳng những đã sử dụng bộ gõ một cách thần tình và đầy sáng tạo khi viết nhạc cho phim hoạt hoạ, mà anh còn sáng tác những bài đặc biệt riêng cho bộ gõ như **Suýt lỗ hện**, tiểu phẩm cho ô nhạc cụ gõ truyền thống, **Tiếng pháo giao thừa**, soạn đặc biệt cho ban nhạc gõ Phù Đổng.

Từ năm 1976 đến nay, mỗi lần tôi về nước làm việc, có dịp đến Hà Nội là tôi đều có đến thăm anh tại tư gia của anh. Năm 1982, khi tôi mang máy video của Trung tâm nghiên cứu khoa học Pháp về nước quay tài liệu nhạc học, anh Lưu Hữu Phước cùng đi với tôi đến nhà anh Khoát và ghi lại hình ảnh anh vui cười nói chuyện với chúng tôi, giới thiệu cháu ngoại của anh.

Hỏi thăm về những sáng tác cũ của anh như **Tiếng chuông nhà thờ** hay bài anh phổ nhạc bài thơ **Màu thời gian** của Đoàn Phú Tứ, anh từ tốn nói lại những suy tư của anh khi sáng tác những nhạc phẩm ấy. Khi nói tới vốn cổ dân tộc, lúc nào anh cũng say mê và khen ông cha ta đã có nhiều sáng tạo thần tình trong thời đại của các cụ. Bàn đến tương lai thì nhiều lúc anh nói say sưa, đôi mắt mở to, tiếng anh vang lên sang sảng, nhiệt huyết như bùng sôi. Lúc ấy, anh trẻ lạ thường. Và tôi cũng vậy. Hai anh em khi bàn đến những điều muốn mà chưa thực hiện được thì cả hai đều sôi nổi, hào hứng như sẽ hoặc đã thực hiện rồi. Thấy tương lai còn như nhìn hiện tại hay quá khứ. Anh khuyên tôi nên cố gắng tiếp tục nghiên cứu và nghĩ đến việc sáng tác. Tôi có nói với anh là tôi chỉ là người gom góp vật liệu đã có từ xưa để cho các nhạc sĩ sáng tác như anh Khoát và nhiều bạn khác dùng vật liệu xưa mà sáng tác cho thế hệ mai sau, mỗi người trong một lĩnh vực, nhưng hai anh em chúng tôi, cùng đi trên một đoạn đường, cùng nhìn về một hướng, đầu xa nhau trong cuộc sống nhưng rất gần nhau trong hoài bão, nguyện vọng liên quan đến sự phát triển của âm nhạc truyền thống dân tộc Việt Nam.

Anh đã vĩnh viễn ra đi theo quy luật thiên nhiên của tạo hoá, có sinh thì có tử, có thành thì có hoại. Thương tiếc cho mấy cũng không làm cho anh tìm lại được sự sống. Nhưng với tôi, sự nghiệp nghiên cứu và sáng tác của anh sẽ tồn tại, bất tử và anh đã trọn vẹn bổn phận làm dân lúc nước nhà gặp cơn biến, của người nghệ sĩ, nhận của xã hội đã hết lòng cho lại xã hội, tầm nhả tơ dệt lụa dệt gấm cho đời để trả nợ dâu, cuộc đời của anh, kinh nghiệm nghiên cứu và sáng tác của anh sẽ là tấm gương sáng cho thế hệ mai sau.

Có cần chăng chúc anh tiêu điều nơi cõi thọ? Chắc chắn rằng anh sẽ tiêu điều nơi cõi thọ. Chỉ có mấy dòng thành thật và thiết tha chia buồn cùng tang quyến và nhắn nhủ các bạn trẻ Việt Nam học nhạc, cố làm sao đi tiếp tục con đường anh Khoát đã đi, để mai sau không những có một Nguyễn Xuân Khoát mà có nhiều Nguyễn Xuân Khoát, để giá trị nghệ thuật, giá trị khoa học của truyền thống Việt Nam được sáng tỏ, để cho sự tiến triển của truyền thống Việt Nam có một nền tảng dân tộc vững chắc, một bản sắc dân tộc rõ rệt, không bị rơi vào con đường nhỏ hẹp, vào mảnh đất hoang của âm nhạc mất gốc, ngoại lai. Như vậy, dưới suối vàng hay ở chốn Niết bàn hoặc Thiên đàng, hương hồn anh Khoát sẽ được hài lòng.

Trần Văn Khê

Vết thương trần thế

Xưa người Thi Sĩ thanh niên
Dem tin dâng hiến thiêng liêng Đất Nầy

Bàn chân dẫm cỏ vui vầy
Thiên nhiên triều-mộ phút giây vui mừng
Bờ xa tượng số luống từng
Giòng trong sông chảy, trên rừng mây trôi
Viết câu tô điểm tu bồi
Để thân gục ngã bên đời dã man
Lục trình nét dọc lẫn ngang
Người đi, chỉ giấc mơ vàng rồi thôi
Trên tàu thông, những đời đời
Gió hun hút cuốn những đời dở dang
Mở hai con mắt ngõ ngang
Nhìn trông thế kỷ điêu tàn ra đi

Thôi thì thôi đã thế thì
Vết Thương Trần Thế xin ghi một Lời

Nguyễn Chí Trung
(1981)

Bàn thêm về Không Lộ khổng lồ

Nguyễn Trọng Nghĩa

Nhân đọc bài Từ Không Lộ đến Khổng Lồ (D.Đ. số 20) Ông Nguyễn Ngọc Tiến đã có nhã ý viết cho tôi một bức thư riêng nhằm góp “ một vài nhận xét về phần cuối của bài ”. Tôi xin trích đăng sau đây nguyên văn từng điểm và cố gắng trả lời theo khả năng hiểu biết giới hạn của mình.

1 “ Sự chuyển từ thanh nặng sang thanh huyền không phải chỉ do sự phát âm của một vùng hay theo thời đại mà cũng là do chữ dùng trong hệ thống Hán Việt hay hệ thống Nôm. Điều này tác giả không nêu ra một cách rõ rệt. Chính thí dụ chữ 岸 là điển hình. Trong Hán Việt đọc “ ngạn ” nghĩa là bờ, theo âm Nôm là “ ngàn ” nghĩa là rừng. ”

Như đã viết trong bài, tôi không chuyên về ngữ âm học lịch sử cũng như về từ nguyên học, lại không có đủ thì giờ để tham khảo cho tường tận. Nhưng vì phải tìm hiểu mối quan hệ giữa “ lộ ” và “ lồ ”, tôi không thể không cả gan bàn luận đến những vấn đề dính líu đến hai bộ môn phức tạp và đòi hỏi nhiều tri thức nói trên : thực cũng là điều bất đắc dĩ vậy. Do đó tôi không dám khẳng định “ sự chuyển từ thanh nặng sang thanh huyền ” như là một quy luật chung. Tôi chỉ dừng lại ở nhận xét khá mơ hồ là “ dường như ngày xưa (...) trong khá nhiều trường hợp người mình không phân biệt thanh nặng và thanh huyền ” và đưa bốn chữ Hán ngày nay thường đọc với âm “ lộ ” ra để dẫn chứng. Theo chỗ tôi biết, hiện nay ở một số nơi trong nước nhiều người (còn ?) dùng các từ “ cam lồ ”, “ trù trì ” (không được ghi trong Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên mới tái bản ở Hà Nội) thay cho “ cam lộ ”, “ trụ trì ”. Ta có nên xem “ lồ ” trong “ cam lồ ” và “ trù ” trong “ trù trì ” như là những từ Việt gốc Hán hay như là từ Hán Việt đọc theo giọng địa phương ? Việc phân biệt các từ thuần Việt (tạm gọi là gốc Nam Á như mặt, tóc), các từ gốc Hán được vay mượn thông qua một cách đọc cổ có trước cách đọc Hán Việt mà Vương Lực gọi là “ cổ Hán Việt ngữ ” (như bùa = phù, mùi = vị, địa = trì...) và các từ “ Hán ngữ Việt hoá ” tức là “ những từ mượn ở chữ Hán sau khi đã có âm Hán Việt mà lại hoá theo âm Việt chứ không giữ âm Hán Việt nữa ” (Đào Duy Anh, Chữ nôm. Nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 68) như ghế = kỷ, ven = biên... là một vấn đề rất khó và dường như, từ sau H. Maspéro và Vương Lực, vẫn chưa có ai tập trung nghiên cứu cho tới nơi tới chốn : cuốn Một số vấn đề về chữ nôm (Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985) của Nguyễn Tài Cẩn là một công trình nghiên cứu rất nghiêm túc nhưng chỉ tập hợp những bài viết về thời điểm xuất hiện và cách cấu tạo của chữ nôm. Về từ “ ngàn ”, tôi chỉ ghi lại lời chỉ dẫn của bác Hoàng Xuân Hãn chứ chưa tìm hiểu gì thêm. Tiện đây cũng xin sơ bộ nêu ra một vài thắc mắc mong sẽ có bạn đọc bõ công chỉ giáo cho thì thật là hay.

Trước hết, tôi tự hỏi phải chăng là tiếng Việt ngày nay có hai từ ngàn khác nhau :

– Một từ ngàn có dính líu với chữ ngạn nên có nghĩa là bờ (rivage, rive, cote, bord ; berge ; bord escarpé) như trong “ ngàn giáng ” (được dùng để dịch từ “ giáng ngạn ” = “ bờ giáng ngộ ” của Phật giáo ; trong Bích câu kỳ ngộ có câu : “ Cửa không, ngàn giáng đây là từ bi ”). Từ “ ngàn ” này không thấy ghi trong Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên.

– Và từ “ ngàn ” có nghĩa là “ rừng núi ” dường như là từ thuần Việt. Trong Từ điển Việt Bồ La của A. de Rhodes có ghi từ “ ngàn ” đồng nghĩa với “ núi mlón ”. Từ “ ngàn ” này được dùng trong nhiều thành ngữ : “ vượt tuổi bằng ngàn ”, “ băng ngàn vượt biển ” ... hay trong các câu ca dao : “ Con vua lấy thẳng bán than, nó đưa lên ngàn cũng phải đi theo ”, “ Đốn tre đẵn gỗ trên ngàn ”... Tôi không chắc là nó phát xuất từ “ ngạn ” (bờ), vì nếu trái lại thì tại sao nó lại có nghĩa là “ rừng núi ” ?

Nếu tôi không lầm, thì bác Hoàng Xuân Hãn cũng có cách nhìn tương tự : trong phần tự vị của cuốn Chính phụ ngâm bị khảo (Minh Tân, Paris, 1953, tr. 276) bác đã phân biệt “ ngàn ” với nghĩa “ rừng rậm trên núi ” và “ ngàn ” (= ngạn) với nghĩa “ bờ, bên, phía ”. Theo bác từ “ ngàn ” thứ nhất được dùng trong các câu : “ Xông pha gió bãi, trăng ngàn ” (a), “ Khói mù nghi ngút ngàn khơi ” (b) và từ “ ngàn ” thứ hai được dùng trong các câu : “ Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo ”, “ Đã trác trở đôi ngàn xà hổ ” và cả trong hai câu (a), (b) vừa trích trên đây. Điều này chứng tỏ sự phân biệt hai từ “ ngàn ” là khá tế nhị trong một số trường hợp.

Có lẽ cũng cần phải suy nghĩ thêm để xác định rõ nghĩa của từ “ ngàn ” trong các câu : “ Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu, ngàn dâu xanh ngắt một màu ” (Chính phụ ngâm) (Thực ra ý niệm “ ngàn ” không có trong nguyên tác của Đặng Trần Côn :

Thanh thanh mạch thượng tang,

mạch thượng tang.

mạch thượng tang ”.

(= Dâu xanh trên đường nhỏ.

Dâu trên đường nhỏ.

Dâu trên đường nhỏ.)

“ Trời đông vừa rụng ngàn dâu ” (Kiều) (theo Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim – trong Truyện Thúy Kiều, Tân Việt, Sài Gòn, tr. 156 – thì ngàn dâu ở đây là “ là bởi chữ phù tang, nghĩa là phương đông ? ”, “ Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh ” (Kiều), “ Bạc phau cầu giá đen rằm ngàn mây ” (Kiều), “ Bóng trắng vừa gác ngàn dâu ” (Lục Vân Tiên), “ Biết dâu hạc nội mây ngàn là dâu ” (Kiều) (theo Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim – sđd, tr. 172 – “ hạc nội mây ngàn ” dịch từ thành ngữ “ dã hạc sơn vân ” = “ con hạc ở ngoài đồng, đám mây ở trên núi ”, nên từ “ ngàn ” ở đây đúng là chỉ rừng núi), “ trải bao dặm liễu ngàn mai ” (Lục Vân Tiên), “ Ngàn mai lác đác chim về tổ ” (Bà huyện Thanh Quan), “ Sương đỉnh Dĩ, tuyết ngàn thông ” (Phạm Thái).

Ta nên xem từ “ ngàn ” thứ nhất như là từ Việt gốc Hán hay là một cách đọc khác của chữ “ ngạn ” ?

2 “ Chữ 路 đọc “ lộ ”, trong hệ thống Hán Việt không chỉ có nghĩa là “ đường ”, mà có 6, 7 nghĩa khác (xem Hán Việt tự điển của Thiều Chửu, tr. 659) trong đó cũng có nghĩa là ... “ lớn ” : lộ môn, lộ tâm, v. v.(...) Vậy chữ “ lộ ” dùng với nghĩa là lớn đã có từ lâu... nhưng lại không đọc theo âm “ lồ ” ”

Trước hết, theo như tôi hiểu từ “ lộ ” trong Không Lộ chỉ có thể có nghĩa là “ đường ” : Không lộ là con đường của lẽ không. Vì dốt chữ Hán nên tôi tra Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh và nhờ thế cũng biết “ lộ ” còn có nghĩa là “ lớn, thường dùng để nói chỗ vua ở ”. Nhưng trong pháp danh Không Lộ nếu “ lộ ” được dùng với nghĩa này (lớn) thì Không Lộ lại trở thành vô nghĩa. Hơn nữa sự kiện “ lộ ” cũng có nghĩa là “ lớn ” không giúp ta cắt nghĩa tại sao “ lộ ” biến thành “ lồ ” (một trong những mục đích của bài).



eN-Pê

Hàn Thuý đã dũng cảm muốn phổ biến một số vấn đề (*récurtivité, complexité...*) rất mũi nhọn trong tin học cơ bản. Trong điều kiện ấy cách trình bày có thể đưa đến bàn luận, đó là lẽ thường. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là reo rắc những nhầm lẫn. Đặc biệt là một vỏ sò (*coquille*) trong định nghĩa (giải thuật) loại NP (đoạn hai, bài H.T., *Diễn Đàn* số 20). Không, NP không có nghĩa là *non polynomial* mà là *non deterministe polynomial*, (không tất định đa thức), ý nghĩa khác hẳn.



3 “ Chữ 露 đọc “lô” trong “loã lồ” như tác giả đã nêu, nhưng “loã lồ” là từ Nôm chứ không phải là từ Hán Việt ”.

Tôi cũng không xem “loã lồ” là từ Hán Việt vì trong bài tôi chỉ viết có thể này thôi : “ từ loã lồ mà ta cứ tưởng là từ láy thực ra là một từ kép gồm hai từ Hán Việt ”. “Lô” trong từ loã lồ là từ Hán Việt, từ Việt gốc Hán hay là phần láy của “loã” ? Đó mới thực là vấn đề cần bàn. Phải chăng những từ “lô” (lô đầu ra), “lú” (lú mồm non), “lô” (mũi lô), “lô lộ”, “lộ liễu”, “lộ tẩy” đều phát xuất từ từ “lộ” này (lộ thiên, lộ xỉ, lộ hầu) ?

4 Đúng như ông Nguyễn Ngọc Tiến đã ghi trong lời tái bút, tôi đã nhầm khi lên trang chữ 露 hỏi vào chỗ chữ 露 lộ (cho) : đây cũng lại là hiện tượng lầm lẫn như giữa chữ “tác” và chữ “tộ” vậy !

Tiền đây cũng xin đính chính thêm hai điểm : ở tr. 20, cột 2, tôi quên đánh dấu huyền trong ngoặc đơn ; ở trang 23, đoạn 4 từ dưới lên, xin thêm số 398 sau tr.

Đọc kỹ lại bản dịch *Thiên uyển tập anh* của Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thuý Nga, tôi tìm thấy đoạn chú thích rất đáng chú ý sau đây :

“ Trong truyền thuyết dân gian và một số thư tịch có sự trình bày lẫn lộn giữa hai thiên sư Minh Không và Không Lộ. Ngay cả sắc phong của triều đình, từ đời Cảnh Thịnh trở về trước cũng chép gộp bốn chữ “Minh Không Không Lộ”, cho rằng đó là vị thiên sư đã khởi dựng chùa Thần Quang (chùa Keo dưới, ở xã Vũ Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nay) ; đến đời Nguyễn mới bỏ hai chữ Minh Không ” (tr. 213)

Vì định ninh rằng Minh Không và Không Lộ là hai người khác nhau nên ông Ngô Đức Thọ đã xem việc chép gộp hai tên Minh Không và Không Lộ như là một sự “ trình bày lẫn lộn ”. Thực ra đây là một cứ liệu quan trọng chứng tỏ là từ triều Cảnh Thịnh (1782-1802) trở về trước trong dân gian và ngay cả với triều đình hai pháp danh nói trên đều chỉ một người : Nguyễn Chí Thành. Có lẽ sự tách rời Minh Không và Không Lộ thành hai người, được chính thức hoá từ đời Nguyễn, mới thực là sự “ lẫn lộn ” !

Nguyễn Trọng Nghĩa

Nói không quá hình thức thì :

– Một giải thuật “tất định” (*déterministe*) phải làm đủ mọi con toán, trong khi một giải thuật “không tất định” (*non déterministe*) có khả năng chọn lựa ngay “đúng” quyết định, nếu quyết định ấy có thể có.

– Một bài toán nhị nguyên (chỉ cần trả lời có / không) được gọi là thuộc loại NP nếu nó chấp nhận một giải thuật không tất định phức tạp vào loại đa thức để tiến tới trả lời “có”, còn khi trả lời “không” thì không rút ra được kết luận gì !

– Định nghĩa mà H. T. dùng là để cho những giải thuật tất định được gọi là thuộc loại “biến thiên mũ” (*exponentiel*). Một giải thuật NP có thể được quy về một giải thuật tất định biến thiên mũ, nhưng ngược lại không đúng.

N. H. XUÔNG, Trường đại học Grenoble

Vọng ngôn về những vấn đề mình chỉ biết lôm bôm thì phải chịu cái rủi ro là “múa riu qua mắt thợ”, được những chuyên gia để mắt phê bình là đáng mừng, cảm ơn anh về những chỉ dẫn hoàn toàn chính xác ở trên. Biến NP non *déterministe polynomial* thành NP non *polynomial* là sai to về mặt thuật ngữ, xin tạ lỗi độc giả. Lý do là đã sao chép theo một nhà thiên văn và tác giả phổ biến khoa học có tiếng (J. D. Barrow, *The World within the World*, tr. 266). Một tác giả khác đã được tham khảo (R. Penrose, *The Emperor's New Mind*, tr. 140-145, hai sách này đã dẫn một lần trước) nói rằng loại NP không thuộc loại P, và không chú thích NP, trong trường hợp đó rất dễ hiểu lầm về mặt câu chữ. Có lẽ hai tác giả này đành chịu nhập nhằng vì muốn tránh nói đến khái niệm giải thuật không tất định. Về nội dung, theo thiên ý trong khung cảnh bình thường những giải thuật được hiểu là tất định (giải thuật không tất định là cái rất ít người biết), thì ý nghĩa (*déterministe*) non *polynomial* này của NP không sai lắm và đủ để hiểu đại ý vấn đề phức tạp trong giải thuật. Có lẽ tệ hơn cả là trong bài viết cho rằng nếu giải quyết được hành trình của người chào hàng bằng một giải thuật (*déterministe*) P thì có thể giải quyết trên thực tế mọi bài toán, lại vọng ngôn nữa ! chính xác ra phải nói : ...phần lớn những bài toán gặp trong thực tế.

Đến đây xin phát triển thêm một chút những định nghĩa anh đưa ra : có thể hiểu một giải thuật không tất định như những giải thuật thông thường cộng thêm một điều mới : động tác quyết định một giải pháp rất nhanh khi phải lựa chọn, mà không xét tới tất cả các giải pháp. Nhưng nếu đòi hỏi chỉ có một trả lời duy nhất đúng (chẳng hạn một giải pháp tối ưu tuyệt đối) thì kèm theo động tác trên phải kiểm soát lại để bảo đảm yêu cầu đó. Vì sự kiểm soát thường để hơn sự tìm ra giải pháp, nên thời gian hoạt động của giải thuật có thể phức tạp đa thức, giá phải trả là có thể phát hiện đã quyết định sai (có lẽ thường là sai, cách giải quyết bài toán tất định bằng một phương pháp không tất định này chỉ hữu ích trên mặt lý thuyết). Khi đó thì giải thuật đành phải bỏ cuộc (nói bỏ cuộc rõ hơn nói “không”, vì khi nó bỏ cuộc không biết là có hay không có giải pháp, chỉ có thể nói là giải thuật không tìm ra). Một kết quả rất quan trọng là người ta đã thấy trên một số vấn đề (tuy không tất cả) nếu đòi hỏi một giải pháp duy nhất đúng thì chỉ tìm được những giải thuật hoặc NP hoạt tất định biến thiên mũ, còn nếu bằng lòng với một trong những đáp số gần đúng thì có thể giải quyết vấn đề với độ phức tạp đa thức (kể cả thời gian làm những chọn lựa không tất định) mà không bỏ cuộc. Đó cũng là điều mà bài viết muốn nói, theo ngôn ngữ phổ thông.

H.T.

Phôi pha

T.TK

Em đã đến quê hương một mình
Riêng tôi vẫn âu lo đi tìm.
Trịnh Công Sơn
“ Người con gái Việt Nam da vàng ”

Đôi đã đi quá xa vào quá khứ ; đã hụt hẫng, đắm chìm, níu kéo một cách dai dẳng ; nên bây giờ, tôi lạc lối. Hôm nay, một tháng sau ngày trở lại Paris, tôi vẫn đi về trong cảm giác bẽ bàng, nửa mê nửa thực.

Đã từ lâu, tôi muốn quên. Tôi bình yên, thanh thản chấp nhận chốn tạm dung. Để trả lời bạn bè những câu hỏi gần như thường xuyên được đề cập đến : “ khi nào về ? ”, tôi đã mạnh dạn bông đùa : “ Quên ! quên hết rồi ! nơi nào em đến, nơi đó là thiên đường ⁽¹⁾. Xin nhận quách nơi này làm quê hương ! ”. Nói thì lúc nào cũng giản đơn là vậy...

Chẳng hiểu điều gì đã khiến tôi chuyển từ ý định đi New York sang Sài Gòn ? Có thể vì cái giá vé phải chăng đập vào mắt ? Cũng có thể cái giá buốt của mùa đông Paris làm ly khách thấy thêm chút nắng ấm nhiệt đới ? hay giản dị hơn, chỉ là nỗi nhớ nhà ! Ngồi trên máy bay, tôi lẩm nhẩm mục đích chuyến đi (thật ra, chỉ mới nảy sinh trong đầu, sau khi cầm tấm vé trong tay) : thăm mẹ – thăm nơi tôi chào đời – thăm mộ P.L. – thăm trại tù cũ (nơi đầu tuổi hai mươi, tôi đi học làm người). Nao nao khi thấy quá khứ ử ờ hiện về. Có ai trở về chốn cũ bằng cái trĩu nặng tôi đang mang không nhỉ ?

Tôi đã chọn lớn lên khi cuộc chiến tàn. Tôi nhớ mãi hình ảnh ba tôi mỗi lúc từ trại về, cởi quàng mạnh bộ áo lính lên nóc treo, và thở dài... Tiếc rằng ba tôi đã không được tiếp tục sống để thấy ngày mà hàng ngàn hàng vạn bộ quân phục đã đồng loạt được chùng lén quàng khắp các nẻo đường đất nước, trong cuộc tan tác. Nếu ông còn sống, có lẽ mẹ tôi đã chẳng phải chan hoà nước mắt chấp nhận ở lại “ bỏ mộ ba đi sao đành ! ” và sau đó lũ chúng tôi cũng chẳng phải lặn lội gieo neo, vào tù ra khám theo chuyện vượt biên ; đi tìm cái sống từ cái chết. Nghĩ lại, tôi chẳng thấy tiếc, thấy giận, thấy buồn. Đôi lúc còn cảm thấy tự hào, đã sống đủ ! Nỗi nhớ nào rồi cũng qua. Với thời gian, trí óc gạn lọc dần những phiền nhiễu. Tiềm thức âm thầm giữ lại vài hình ảnh vuông tròn, chút hương dịu dàng, chút nắng kỷ niệm. Và đó cũng là mơ ước của chính tôi khi đặt chân xuống miền đất xưa, sau hơn mười năm xa cách.

Sài gòn tháng ba, thật nhiều nắng. Tôi buồn cười khi nghĩ đến vài bông tuyết bay bay ngoài cửa sổ khi máy bay rung cánh rời Roissy. Tôi chớp mắt, nhìn quanh phi trường Tân Sơn Nhất, lòng tự vấn : “ Vui không ? cảm động không ? ” và ngạc nhiên với sự đứng đưng của chính mình. Chẳng vui,

chẳng buồn, chẳng náo nức ; chỉ thấy lo lo với hàng rào hải quan đang chờ đợi. Hơi nhói lòng khi chợt bắt gặp khuôn mặt lạnh lùng của người công an áp tải, dong đưa theo xe khách. Cách đây hơn mười năm, có lẽ cũng là khuôn mặt này, đã đưa chúng tôi âu lo trong chuyến xe bít bùng thẳng vào “ chấp pháp ”. Có cái gì bất an chợt dâng lên trong tôi. Nhớ nụ cười rất duyên dáng của các cô tiếp viên hàng không Việt Nam lúc rời máy bay, tôi thấy mình thật sự đang bước vào một thế giới khác.

Vậy rồi cũng xong, tôi rơi vào lòng Sài Gòn, yên lành.

Mẹ tôi đã không vào đón tôi ! Cái phút giây tưởng sẽ là êm đẹp, mà tôi đã vẽ ra trong đầu trong suốt cuộc hành trình, chợt tan. Điều duy nhất mẹ tôi đã vội vàng làm khi nhận được tin tôi về, là gọi cấp tốc vào nhà người bà con tấm thẻ chứng minh nhân dân cũ, dăm ba cái giấy đi đường thời tôi còn ngược xuôi làm sinh viên, kèm lời dặn : ăn mặc thật giản dị, mượn túi xách nội địa, mượn người đi mua vé giùm để khỏi trả theo giá “ Việt kiều ” và đừng mua giường nằm “ kéo người ta để ý ! ” Giá Việt kiều là giá dành riêng cho người Việt về thăm nhà, áp dụng cho mọi phương tiện di chuyển và ăn ở. Cứ lấy giá dành cho người trong nước nhân lên gấp ba hoặc gấp năm, tùy theo hậu hĩ của các cấp chính quyền, thì ra giá mình phải trả. Thu mình trên chiếc ghế “ ngồi mềm ” – khá tiện nghi và thoải mái so với những chuyến tàu Thống nhất trong những năm đầu “ giải phóng ” – tôi băng quơ đếm nhíp tàu. Đêm quê hương lành lạnh. Tỉnh thoảng là vài ngọn đèn lấp lánh, tỉnh thoảng là sông lạch, tỉnh thoảng là ruộng đồng, trăm tư. Tôi phập phồng chờ được soát vé. Rồi cũng qua ! Dưới ánh sáng lù mù của ngọn đèn vàng vọt giữa toa xe, vào lúc giữa đêm, người soát vé nhanh chóng kiểm tra, không buồn nhìn khuôn mặt người cầm vé. Tôi vẫn thấy buồn, sau khi nỗi lo tan biến. Mười năm trước đã lén lén chui chui trên những chuyến tàu, tránh bắt nghĩa vụ quân sự ; nay lại tiếp tục chùng chùng giấu giấu – đúng ra chỉ để làm vui lòng mẹ tôi. Xã hội phương Tây đã dạy cho tôi thói quen ngẩng cao đầu, không chút mặc cảm tự ti. Nay, tôi cúi đầu, nhắm mắt trên quên hương tôi để tránh hai tiếng “ Việt kiều ”. Có lẽ đã đến lúc tôi phải tìm cho mình một chỗ đứng.

Vậy rồi tôi gặp lại mẹ tôi, trong căn nhà cũ. Mười mấy năm sống đơn độc giữa đám cháu chắt, mẹ tôi đã quên mất thói quen xưng bằng mẹ. Ngày đầu tiên, trong câu chuyện, lúc xưng cô, lúc lại đi. Tôi đo lường ra khoảng cách thời gian qua mái tóc mẹ tôi và cách xưng hô lung tung đó. Tôi thấy lạc lõng hơn bao giờ hết, ngay trên chính vùng kỷ niệm xưa. Tháng năm không thể nào đưa con người lại gần nhau hơn. Cách nhìn khác, suy nghĩ khác, biểu lộ tình cảm khác ; mẹ tôi đi từ nước mắt sang câm nín. Tôi chìm đắm sâu hơn vào thế giới của mình. Chiều đầu tiên, tôi tìm ra biển, trở lại ngay địa điểm lần khởi hành sau cùng. Bãi biển vắng, mênh mông và nhiều sóng. Còn tôi, buồn mênh mang. Sóng thời gian đã đưa tôi về vị trí cũ, mau hơn dự định. Nhớ lại đêm đầu tiên, phía bên kia bờ đại dương, sau mười ngày lênh đênh cùng bao bất trắc, tôi đã nhắm mắt thì thầm : “ Vậy là xong ! thoát thật rồi ! Chấm dứt từ đây những tháng ngày ngược xuôi Trung, Nam ; vào tù ra khám ! ” Cái cảm giác bình an ngày xưa, nay thay bằng nỗi buồn và trống trải, nơi điểm hẹn cũ. Tự hỏi

thâm sâu những mất, còn ; sau những phiêu lưu ? Và trả lời tôi, chỉ có sóng – cơn sóng lòng.

Tôi theo mẹ tôi về quê, lòng trĩu nặng. Hình ảnh thằng bé con gầy guộc, bám vào thành xe, nài nỉ khách đi lại mua giùm ít đậu phộng rang cú ám ảnh theo tôi mãi. Biết đến bao giờ tuổi thơ đất nước tôi hết phải nài van, cầu khẩn ? Thế hệ cha anh đã giục mình thức giấc theo tiếng đại bác, thế hệ hôm nay hoảng hốt ngái ngủ vùng lên theo chuyến xe về bến để cùng tranh sống. Tôi nhìn quanh, thấy thương dân mình hơn bao giờ hết và thấy món nợ với quê hương chột nặng lòng... Tôi cảm xúc nhìn lại căn gác gỗ, nơi tôi chào đời. Người chủ nhà nhìn chúng tôi với ánh mắt nửa âu lo, nửa nghi hoặc. Bà vừa được cơ quan phân cho căn nhà này chỉ mới hơn hai tháng nay. (Tôi đọc trong đôi mắt in lại trên cuộn băng video quay vội tất cả nghĩ suy : “ Việt kiều về thăm lại nhà cũ. Điềm chẳng lành ! ”). Rồi xa những địa danh bình an : Hoà Xuân, Sơn Thành..., tôi giữ lại màu xanh của lúa, và rất nhiều nụ cười “ dù nghèo mà vui ”. Mọi sự đều bé nhỏ và ít hào nhoáng hơn hình ảnh trong ký ức. Vườn hoa mênh mông ngày xưa, nơi tôi đã khóc nhiều lần đi lạc ; nay chỉ là khoảng công viên nhỏ, lơ thơ vài khóm cây. Xe chạy ngang Đại Lãnh – nơi nhiều lần tôi đã say mê mô tả cái diệu vợi cho đám bạn ngoại quốc – nay chen chúc cửa nhà. Cái hồ thiên nhiên cách biển chừng năm mươi thước được “ cải thiện ” thành “ cầu cá ” cho cả xóm. Giữa rừng thông mọc lên một khách sạn, có vẻ quy mô lúc ban đầu, nay bỏ lỡ giữa bước khởi công, trông xa như phong cảnh tiêu huỷ sau chiến tranh. Tôi chợt nhận ra khả năng phá hoại của một nhóm người nấp dưới chiêu bài xây dựng.

Chưa bao giờ tôi có dịp thăm nhiều nghĩa trang trong một thời gian ngắn như vậy. Tôi nhớ lời bà chị họ than vãn : “ Mười năm, chẳng có nghĩa gì với lịch sử của một dân tộc, nhưng quá dài so với một đời người ! ” Tôi lang thang vào thế giới của người đã khuất, tìm trong vài giòng chữ tạc ghi, một dáng người. Người Việt có thói quen xem cõi chết như một chốn an nghỉ bình yên. Người sống tiếp tục thường xuyên lui tới tâm tình với người khuất mặt và tin ở sự che chở, xé chia. Cái biên giới giữa sự còn, mất ; gần như vô định. Điềm lại, thấy mất mát thật đáng kể, to tát.

Mặc cho sự cản ngăn của cả gia đình, tôi vẫn lì lợm trở lại M.P. Kỷ niệm nơi này đã chẳng đeo đuổi tôi vào tận giấc mơ sau hơn mười năm lạc xứ ? Có những điều, dù muốn, cũng không thể quên và tôi đã chọn giải pháp trực diện với sự thật ; với hy vọng sẽ được bình yên hơn, sau đó. Con đường về chốn cũ, không chút đổi thay. Vụng về hỏi han, được biết trại cải tạo xưa vẫn còn hoạt động. Người trai trẻ chỉ đường hỏi bằng quơ : “ Anh đi thăm nuôi hả ? ” Tôi đáp vâng. Có lẽ cũng là thăm nuôi cho sự bình an của chính tâm hồn mình.

Tôi đi ngang giòng sông, nơi tôi đã liều lĩnh kéo D. vào bờ một sáng qua đò bị đắm. Sau này, nó vẫn nheo mắt cười mỗi lúc khó khăn : “ Số tui lớn lắm ! Lần đó mà chưa tiêu thì lần này ăn thua gì ! ” Qua cánh đồng bàng rồi tiếp tới hàng khóm ; tôi khích động, ngây ngất như tìm ra người bạn cũ. Nơi này đây, sáng sáng năm giờ phải lội ngang lạch nước lạnh căm. Nơi kia là những tảng đất đội ngang bãi sinh lầy để đắp thành con đường tôi đang đứng...

Tôi khoát nhẹ mặt kênh, thấy lại bao bóng hình “ đồng đội ”. Mặt trời vẫn đỏ sau hàng rào kẽm gai. Vẫn hoàng hôn đỏ cho tôi mơ thoát ra ngục tù, đến những chân trời xa rộng, ngày xưa ; nay, giấc mơ đã thành đạt ; và tôi lại tiếc tháng ngày qua. Nhân vật trong “ trại đằm đùn ” đã trở lại chốn xưa để nguyên rủa. Tôi chỉ đào bới lại kỷ niệm cũ, để nhớ. Hàng trăm do tự tay chúng tôi trồng, không lâu trước ngày rời trại, nay đã cao nghệu, che kín khuôn viên trại giam, chỉ còn để lộ ra vài mái lá. Tất cả chìm trong một sự im lặng lạ lùng, bí mật. Lúc tôi quay lưng đi, một thằng bé trên bờ kinh hồi hả giục nhanh cần câu. Hình ảnh con cá quả vùng vẫy bất lực in đậm trên nền đỏ chữ vàng “ Trại cải tạo M.P. ” của bảng chỉ dẫn, như nói lên tất cả nỗi niềm trong tôi : vết thương đã không lành và sẽ chẳng bao giờ lành !

Đến cuối cuộc hành trình, tôi vẫn chưa tìm ra được cho mình một chỗ đứng yên ổn. Cái lạc lõng càng in sâu khi chợt nhận ra mình đang đi ngược đường. Tôi đi tìm quá khứ, chung quanh tôi đi tìm tương lai. Điều bất hạnh, ai cũng muốn quên ; và đó cũng là nguyên lý chung trong cuộc sống còn. Tôi đã tự chọn cho mình trong quá khứ, chỗ đứng ngoài cuộc ; giờ đây, tôi không có quyền đòi hỏi tham dự. Điều thuận lý nhất có lẽ là hãy để người trong cuộc tự chọn lấy con đường của họ. Nếu họ có hạnh phúc, điều đó là đáng mừng. Tôi tin ở khả năng và trí óc của con người. Tôi nguyện cầu.

Máy bay cất cánh. Lần đầu tiên nước mắt tôi tuôn ra. Có lẽ, khóc cho chính thân phận mình. Nhìn quê nhà chìm dần trong khói trời, tôi biết, mình đã mất tất cả. Nói như một nhà văn, tôi sẽ vĩnh viễn không bao giờ được tắm lại hai lần trên cùng một giòng sông. Cho dù chậm, thời gian luôn kéo theo những đổi thay và kỷ niệm, sẽ mãi mãi là vùng “ đất hứa ”.

Tôi chỉ vừa đi qua một cơn mơ, tôi tin chắc như vậy. Hành trình của tôi rời rạc, hư ảo, không âm thanh, không bóng người. Tôi ngẩn ngơ, tôi ngờ nghệch như một người say vừa tỉnh rượu, tự hỏi mình đang ở chốn nào ?

Phố phường Paris thay áo. Trời tháng năm ấm áp lại dần. Cây cỏ đâm chồi, nảy lộc. Tôi buồn cười nhận ra cái nghịch đảo nơi vùng đất này, giữa cây cối và con người. Lá càng dày, càng xanh thì áo quần khoác trên người các cô bé tóc vàng càng thưa, càng mỏng dần ; và ngược lại.

Khép cuốn album, đóng chặt cửa phòng, tôi bước ra ngõ. Nắng làm tôi chói mắt, nheo nheo tự hỏi nên nhập vào giòng đời theo hướng nào ? Ngã nào cũng xong, miễn là con đường đi tới.

Thật vậy, miễn là con đường đi tới.

Paris, tháng 5 năm 1993

T. TK

(1) Mượn ý của Mark Twain trong “ Adam and Eve ”.

điểm sách mới

Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường

Văn hoá dân gian cổ truyền

Đình Nam Bộ Tín ngưỡng và nghi lễ

Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1993, 309 trang, giá bán 52 FF tại Việt Nam diffusion.

Huỳnh Ngọc Trảng là con người đam mê thực địa. Thường bê ra trình làng từng mảng văn hoá dân gian tươi roi rói.

Đình Nam Bộ có tính chất tổng hợp hơn. Chắc vì là thế mà là tác phẩm chung của ba soạn giả.

Các tác giả “ chỉ giới hạn mục đích vào việc giới thiệu một số những tư liệu cơ bản về đình Nam bộ, đặc biệt chú trọng đến phần tín ngưỡng và nghi lễ như chúng đã từng tồn tại trong quá khứ. ” (tr. 6) Mục đích soạn sách thật khiêm tốn. Có lẽ chính nhờ đó mà tác phẩm thật phong phú. Nhan nhản những sự kiện, những chi tiết về sắc phong, thần tích, về nghi thức cúng tế, về tục lệ địa phương đượm nguyên chất thực địa. Dựa vào điều tra sâu rộng và nghiêm túc, suy luận, diễn giải của các tác giả có tính chất thuyết phục cao. Minh hoạ, soi sáng, giải thích những đặc điểm của đình Nam bộ, trong kiến trúc, bài trí, trong thờ phụng thần linh, trong tổ chức ban quý tế, trong dâng cúng lễ vật, trong nghi thức...

Xin dành cho bạn đọc trọn vẹn niềm vui phát hiện những điểm lý thú, và chỉ nêu tản mạn một vài ví dụ.

Đình trong Nam thường là ngôi nhà hình vuông gọi là *tứ trụ* hay *tứ tượng*. Giữa sân đình thường thấy một cái bệ gạch. Bạn có biết đó là cái chi không ? Đàn xã tắc đó. Xã là thần đất, tắc là thần lúa nếp. Phải lấy “ đất thơm ”, một loại đất xốp màu mỡ gà, đắp đàn xã tắc thì thôn xóm mới ấm no. Xã tắc đi đôi với sơn hà, đàn tượng trưng cho đất nước vì thế người dân không cho trẻ con, cho gia súc lai vãng gần đàn xã tắc, không bao giờ hướng về đàn xã tắc mà phóng uế.

Sau đàn xã tắc thường có tấm bình phong, hai bên có câu đối :

Hổ cứ sơn lâm phù xã tắc

Long du nguyệt điện tráng sơn hà

(Hổ chiếm sơn lâm phù xã tắc, Rồng chơi nguyệt điện giúp sơn hà)

Trên mặt vẽ rồng vờn cọp, tượng trưng cho mưa thuận gió hoà. Có nơi làm đơn giản đi, chỉ vẽ chúa sơn lâm. Gần đây, khi đình lọt vào nội thành, đất chật, đàn xã tắc bị phá đi. Chỉ còn lại, như ở đình Minh Phụng quận 11 thành phố Hồ Chí Minh, tấm bình phong có hình ảnh ông ba mươi từ trên núi bước xuống. Có người cho đó là bùa trấn yểm tà ma. Có người cho đó là thần hổ. Đúng là nhiều nơi thờ cả Cọp thật, nhưng chỉ là phối hưởng, không đặt ngay trước mặt đình. Tấm bình phong là tượng trưng cho ước mong mưa thuận gió hoà, sơn hà xã tắc vững bền (tr. 26-27).

Trong Nam có đình và có võ, dân gian còn gọi là *đỏ*. Trong quần thể kiến trúc đình có *võ ca*, có *võ cưa* hay *võ qui*, chức năng là gì, những từ này từ đâu mà ra, liên quan đến hát bội cúng thần như sao ? Tại sao có câu “ *ăn quán ngũ đình* ”

có liên quan gì đến tính đa chức năng của đình Nam bộ ? Xin để các bạn trực tiếp tìm đọc.

Các thần được thờ làm thành hoàng ở Nam bộ chẳng những phản ảnh cuộc chung sống của các sắc tộc Việt, Hoa, Khơme, Chăm, mà còn hé cho thấy dường như giá trị của người di dân không hoàn toàn ăn khớp với giá trị chốn đế đô.

Đông chinh vương, Dục thánh vương, Võ đức vương là các ông hoàng con Lý Thái Tổ. Năm 1026 vua cha băng hà, ba ông làm loạn tranh ngôi với thái tử Phật Mã (Lý Thái Tông). Lê Phụng Hiếu bảo vệ tân vương, chém Võ đức vương chết tại trận tiền, dẹp tan nội loạn. Đông chinh và Dục thánh được tha chết, nhưng phải đày vào vùng hoang dã miền Nam đất nước thời bấy giờ. Dân gian xem hai vương là thủy tổ khai hoang. Di dân xiêu lạc vào Nam đem theo hai ông thần này, thờ làm thành hoàng ở nhiều nơi (đình Hoà Lộc ở Cái Bè, đình Phú Long ở Cai Lậy, đình Thông Tây Hội, Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh...). Vì “ bất trung bất hiếu ” hai vị thần không được gia phong mỹ tự, đời Nguyễn không cấp sắc phong. Thờ hai ông làm thành hoàng chánh thì có tục giữ hèm, cúng tế không được hát bội vì tuồng đề cao trung hiếu.

Một vị thần khác, đứng đầu bách thần ở Nam bộ đời Gia Long, là Phi vận tướng quân Nguyễn Phục, người xã Tùng Giang, huyện Gia Phước, tỉnh Thanh Hoá, đậu tiến sĩ khoa Quý Dậu (1453) đời Lê Nhân Tông. Ông là thầy của hoàng tử Tư Thành, sau là vua Lê Thánh Tông. Khi Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, Nguyễn Phục lãnh chức phi vận tướng quân lo việc chuyên chở lương thực. Đoàn thuyền lương đến cửa Tư Dung Thanh Hoá thì gặp bão. Ông ra lệnh neo thuyền lại đợi, thà riêng mình chịu hình phạt chớ không nỡ để quân lính và lương thực bị chôn vùi đáy biển. Trễ hạn, ông bị tội chết chém. Dân Ngũ Quảng thương cảm ông, thờ làm thần phù hộ người đi biển. Vượt biển vào Nam, di dân cư ngụ dọc theo sông Tiền thờ Phi vận tướng quân làm thành hoàng, đặc biệt ở đình Trà Tân (Cai Lậy), đình Tân Hương (châu thành Tiền Giang), và cả ở đình Hưng Phú, bến Ba Đình quận 8 thành phố Hồ Chí Minh... Vì ông chết bằng gươm đao nên có tục “ *tĩnh sanh* ”, khuya đem con heo còn sống nhốt trong cũi đến trước bàn thờ thần chớ không đem giết.

Văn hoá dân tộc ta chủ yếu là văn hoá làng xã. Mà đình lại là một trung tâm của nền văn hoá truyền thống đó. Sau mấy thập kỷ chiến tranh, vật đổi sao dời, ghi lại và tổng kết những phong tục còn sót là một việc đáng quý. Chỉ lo không ai chịu làm việc đó trong thời buổi khó khăn này. May thay vẫn còn người say sưa kiên trì tìm tòi ghi chép, chân thật và phong phú, các dữ kiện phong kín trong khám thờ, vùi sâu trong ký ức dân gian và đang chuyển biến với xã hội.

Giá trị tư liệu quyển **Đình Nam Bộ**, vốn dồi dào, còn được tăng thêm với phần phụ lục ghi danh sách, địa chỉ các đình và lịch lễ đình thành phố Hồ Chí Minh, đáng trọn vẹn tài liệu về đào thai (hát chúc mừng), về lễ xây chầu, lễ đại bội do nghệ sĩ nhân dân hát bội Thành Tôn trao lại, với ảnh màu, tuy chưa được hoàn mỹ, nhưng là một cố gắng đáng khích lệ.

Sách chỉ in có 1000 cuốn, những ai yêu thích văn hoá truyền thống hãy nhanh chân... !

Nguyễn Thắng

Đỗ Lai Thuý **Con Mắt Thơ**

Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội 1992, chỉ in 1200 cuốn

Tại Việt Nam, từ mười năm nay, đã có sách hay viết về thơ. Trước đây, những cuốn biên khảo, phê bình về thơ dày cộm thường dựa theo đường lối, chính sách, không những làm mất thì giờ người đọc, mà còn gây tác hại cho việc sáng tác thơ văn. Từ mười năm nay, tình hình có phần sáng sủa hơn ; những cố gắng của Nguyễn Xuân Nam, Hoàng Như Mai, Lê Đình Ky... đã đánh dấu những biến đổi trong việc thưởng ngoạn nghệ thuật thi ca. Trong bối cảnh đầy hứa hẹn ấy, cuốn **Con mắt thơ** của Đỗ Lai Thuý là một thành công lớn. Đỗ Lai Thuý có kiến thức, có phương pháp, biết phân tích và tổng hợp, từ một thao tác mới – mới đối với Việt Nam, kể cả ngoài nước. Anh biết đi từ thân xác của thi phẩm nghĩa là từ tựa đề, đến những âm thanh nhịp điệu, những mã số của tác phẩm, để từ đó dựng lên tâm cảnh của nhà thơ : thời gian trong Xuân Diệu, không gian trong Huy Cận, chất đạo trong Hàn Mặc Tử, chất say trong Vũ Hoàng Chương... Một phong cách phóng khoáng mà người biên khảo ở nước ngoài, tự xưng là tự do hay “ chính thống ” cần học tập.

Đọc **Con mắt thơ** của Đỗ Lai Thuý, tôi rất mừng vui và sung sướng. Lẽ ra tôi không nên viết những dòng nhiệt tình này, vì muốn dành nổi sung sướng cho riêng mình.

Đặng Tiến

Đỗ Quý Toàn **Tìm Thơ Trong Tiếng Nói**

Giá 14 MK, Nhà xuất bản Thanh Văn không ghi địa chỉ.

Tìm thơ trong tiếng nói của Đỗ Quý Toàn là một **Tiếp ký**, nghĩa là những nhận định “ ghi nhanh ” về thơ. Tác giả không có chủ tâm viết lý thuyết hay biên khảo về Thơ mà chỉ truyền đạt những cảm xúc dồi dào của mình khi đọc thơ, thơ xưa và thơ mới, ca dao và thơ tây phương, bên ngoài những thành kiến nghệ thuật, những trường phái thi ca. Đỗ Quý Toàn là nhà thơ, đã xuất bản nhiều thi tập **Nàng** (1965) **Đêm Việt Nam** (1966) **Cỏ và Tuyết** (1988), ông còn là nhà giáo dục, nhà báo, nhà kinh tế. **Tìm Thơ Trong Tiếng Nói** chuyển cảm những kinh nghiệm đọc thơ của một người yêu thơ từ trẻ đến già. **Tìm Thơ** là tìm bạn thơ, chân tình, tế nhị, uyên bác. trân trọng giới thiệu với bạn yêu thơ.

Đặng Tiến

Lê Thị Thấm Vân **Đôi Bờ**

Giá 8 MK, Liên Lạc : Trần Mạnh, PO BOX 360923, Milpitas, CA 95035.

Đôi Bờ là một tập truyện gồm 11 truyện ngắn, mỗi truyện khoảng 15 trang chữ vừa phải. Tác giả Lê Thị Thấm Vân sang Mỹ từ 1975 học trung học và đại học tại Hoa Kỳ là nhà văn mới và trẻ. Tập truyện phản ánh đời sống người Việt trẻ tuổi tại Hoa Kỳ, lời văn trong sáng, giản dị, giàu cảm xúc. Tác giả viết tự nhiên và chân thành, không theo thời thượng

nhưng có phong cách và nghệ thuật. Truyện cuối cùng *Ngày xuân, gõ cửa Thiên Đường* thành thật, cảm động, là một đoản thiên xuất sắc. Cần đọc để tiếp cận với nghệ thuật và ngôn ngữ trẻ ở hải ngoại.

Đặng Tiến

Thơ Quang Dũng

Nhà xuất bản Hồng Lĩnh

Nhà xuất bản Hồng Lĩnh tại Mỹ, đã từng in lại nhiều sách mới xuất bản trong nước, vừa làm một việc ngoạn mục là chọn in lại một số thơ hay và nổi tiếng của Quang Dũng, kèm thêm nhiều tư liệu về nhà thơ. Bìa là chân dung Quang Dũng, tranh sơn dầu nhiều màu của Thái Tuấn. Đặng Tiến viết lời giới thiệu 32 trang.

Thơ là loại sản phẩm khó bán ; ở ngoài nước, không nhà xuất bản nào chịu bỏ tiền in thơ. Nhà Hồng Lĩnh chịu tái bản và trả tác quyền đáng hoàng, lại còn dành cho bạn đọc **Diễn Đàn** một số sách. Tiền bán sách, kết hợp với tác quyền, sẽ được gửi về cho gia đình nhà thơ, đang trú liệu đời mộ Quang Dũng từ ngoại thành Hà Nội về Ba Vì, Sơn Tây như ý muốn Quang Dũng lúc sinh thời. Giá một tập thơ là 100 FF, bạn nào muốn ủng hộ thì trả thêm. Thư gửi về toà soạn, chi phiếu đề tên Đặng Tiến.

Diễn Đàn

CALIFORNIA

Phòng tranh không mở cửa

Ngày 10.6.1993 vừa qua, lẽ ra cuộc triển lãm tranh *Từ cõi an bình* của họa sĩ Lâm Triết được khai trương tại phòng trưng bày của hội VAALA (hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ) tại quận Cam (Orange County, California), dưới sự bảo trợ của Hội cao niên Á Mỹ.

Gần ngày đó, ban điều hành VAALA đã quyết định “ tạm hoãn ” cuộc triển lãm, thực tế là dẹp tiệm, để “ giữ hoà khí ”, mặc dầu khi biểu quyết, số phiếu chống ngang số phiếu thuận.

Câu chuyện ra sao ? Vì sao nên nổi ?

Họa sĩ Lâm Triết (sinh năm 1938) sang Mỹ năm 1975, tiếp tục sáng tác ở Hoa Kỳ, rồi ngưng. Từ năm 1990, ông sống một nửa thời gian ở Sài Gòn, nửa thời gian tại quận Cam, và sáng tác mạnh trở lại. Tranh của ông là tranh trừu tượng, và ông đã triển lãm ở Sài Gòn. Nay ông mang tranh sang Mỹ triển lãm.

Bốn đồng nghiệp của ông ở Hoa Kỳ đã viết báo phản đối, và vận động huỷ bỏ cuộc triển lãm, vì lý do Lâm Triết đã từng triển lãm ở Việt Nam, nay mang sang Mỹ là tuyên truyền cho chế độ cộng sản. Giới thạo tin nghệ thuật ở Cali thì cho rằng ngôn ngữ chính trị chỉ để gói ghém những đố kỵ cá nhân (xem bài của Khánh Trường, *Hợp Lưu* số 12).

Bao giờ đến năm 1975 ? Để chiến tranh chấm dứt !

người kể chuyện thuê

NGUYỄN KHẢI



Anh Hợp và tôi là đồng đội, lại cũng là bạn đồng tuế và đồng nghiệp. Anh vốn là công tử con quan tổng đốc đầu tỉnh được nuông chiều từ tấm bé, học lực xấp xỉ bậc tú tài, đẹp trai, ăn nói hấp dẫn, là nhà báo tiếng tăm vang dội suốt thời chống Mỹ. Anh sinh ra và được đào luyện để làm quan, làm ông chủ, làm người chỉ huy, chứ còn gì nữa. Chẳng dè lại chọn cái nghề làm báo, một đời làm báo, ăn khổ, ở khổ, vợ con nheo nhóc túng thiếu từ thuở còn trẻ tới lúc bạc đầu. Nhưng cũng chẳng có gì đáng để than vãn vì có mấy ai được sống dư thừa trong bấy nhiêu năm. Duy có sự chịu khổ của cụ cụ tổng đốc là làm tôi thực sự kinh ngạc. Trong mười năm con trai đi làm báo tại các chiến trường phía nam ông già đến ở hẳn với con dâu, ăn cơm với rau với vùng, vừa ôm cháu vừa giảng dạy kinh sách cho các nhà Hán học của các viện nghiên cứu và các trường đại học. Ông đã ngoài bảy mươi tuổi sống hoà hợp với hoàn cảnh một cách thần nhiên, vui vẻ như vốn dĩ vẫn sống như vậy.

Người vô sản làm cách mạng và chịu mọi khổ cực đã dành một nhẽ. Anh ta chỉ mất có cái xiềng còn được cả thế giới. Còn tầng lớp thượng lưu của xã hội cũ dám đi theo cách mạng và dám chịu khổ thì họ được một Tổ quốc tự do nhưng bản thân thì mất hầu như tất cả. Mỗi lần được gặp những con người đó, tôi thường tự nhủ : “ *Mình có mất quá gì đâu mà hay kêu ca thế. Nhìn họ mà không thấy xấu hổ ư ?* ”

Anh Hợp về hưu đã một năm. Vợ anh nghỉ mất sức từ mấy năm trước đó. Hai cô con gái đã lấy chồng, mỗi cô có một đứa con và các ông con rể đều ở nhà bố vợ. Bà mẹ thành người nấu cơm chuyên nghiệp. Ông bố vẫn là người chi tiền chính cho cái đại gia đình vui thì có vui nhưng khổ thân cho ông bạn già của tôi quá. Anh dậy từ mờ sáng, đạp cái xe cộc cạch bỏ mỗi báo và tạp chí cho các quầy bán sách báo khắp mấy cửa ô, lâu ngày thân quen anh còn mua giúp họ những mặt hàng khan hiếm lấy chút ít tiền hoa hồng của cả hai bên. Cũng là một khoản thu không nhỏ. Chiều ở nhà đọc các tạp chí và báo nước ngoài mượn của bạn bè, chọn lọc, tổng hợp thành những bài báo nhỏ đặc sắc, thú vị bán cho các báo đã đặt hàng. Lại là một khoản thu khác.

Tuổi già ăn ít, ngủ ít, mặc quần áo cũ nhưng làm việc còn gấp gáp, căng thẳng hơn cả thời còn trai trẻ. Tên nô lệ tự nguyện ấy chỉ cầu mong mỗi ngày được các chủ nhân lớn và nhỏ ban phát một nụ cười thoả mãn là đã đủ để vui sướng. Có lần tôi hỏi thật anh, ở thành phố Hồ Chí Minh, thân thích và bằng hữu của gia đình anh chiếm một góc thành phố, toàn là những người sang và giàu cả, lẽ nào vợ chồng anh cứ chịu sống túng thiếu mãi ở cái đất Hà Nội này. Anh nhìn tôi rồi trả lời thần nhiên : “ *Mình không có thói quen để người khác nuôi vợ chồng mình và con cái mình* ”. Lại thế nữa ! Đã nghèo còn khaki thì biết đến thuở nào mới đổi được cái phận nghèo.

Một lần tôi ra Hà Nội, nhằm một buổi tối lại thăm vợ chồng anh Hợp. Anh không có nhà. Vợ anh hẹn tối sau lại. Tối sau tôi bận không tới được. Tối sau nữa tôi tới ông bạn của tôi vẫn vắng mặt. Vợ anh nói, các tối thứ hai, thứ tư, thứ sáu ông ấy đều về khuya. Tôi hỏi, ông già lại làm thêm nghề gì nữa đấy ? Bà vợ mỉm cười bí mật : “ *Tối mai các ông gặp nhau thì biết* ”.

Quả nhiên ông bạn tôi lại có thêm khoản thu mới nữa, rất hậu hĩnh, rất nhàn nhã, lại phù hợp với cái nghề một đời bình luận thời sự chính trị. Chẳng phải nói chuyện trước một cử tọa trang trọng nào mà chỉ cho một nhóm người vốn không quan tâm bao nhiêu đến thời sự chính trị. Họ là mấy nhà kinh doanh tư nhân muốn được hiểu cặn kẽ những gì xảy ra trên toàn cầu để bổ khuyết những trao đổi nhằm chán thường ngày về những mảnh mung giá cả lố lãi. Làm sang cũng có một phần nhưng xét đến cùng những chuyện trên trời dưới biển ấy đều có dính líu xa gần đến đồng tiền cả. Chính trị với kinh tế vốn là cha con, là anh em ruột thịt, không hiểu người làm sao tính toán được công việc của riêng mình. Một buổi tối anh Hợp rủ tôi tới thăm nhà triệu phú của thời buổi mới. Một toà nhà nguy nga mới xây dựng ngay trên một đường phố lớn của Hà Nội, tầng trên cùng là sân thượng, tầng giữa có bao lơn trồng cây cảnh, tầng trệt cửa sắt. Nhưng không có biển hàng. Ông chủ thuộc loại kinh doanh trên các giá cả, không cần biết mặt hàng, lại không cần bày mặt hàng, thậm chí không biết cả cầm tiền và đếm tiền. Tiền từng bọc, từng túi, bọc này mười triệu, túi kia vài chục triệu, chỉ gặt đầu bảo, cứ để đó đi, lát nữa có người tới, lại hất đầu bảo tiền đấy, cầm lấy đi.

Vào nhà đã có bốn, năm cái xe Dream dựng một góc, nền nhà lát đá đen, đèn chùm, tranh tĩnh vật và rất nhiều chậu cây xanh đặt ở các góc. Hai bộ bàn ghế tiếp khách, một tây, một tàu, sang trọng đẹp đẽ như trong một tạp chí quảng cáo. Và chủ nhà cùng bạn bè đã ngồi sẵn đón đợi ông bạn già, người làm công đặc biệt, đi cùng với một ông bạn già khác, nghèo nàn, nhếch nhác như nhau. Trên bàn đã bày sẵn rượu tây và các món nhắm thượng hạng. Bà vợ trạc ngoài ba mươi, mặc bộ váy áo màu rất nhã, tóc uốn cao, không trang điểm mà cũng không đeo nữ trang, bước ra chấp tay chào :

– Em xin chào hai bác.

Rồi chị ta nghiêng mặt về phía anh Hợp nói thêm :

– Tối trước bác về khuya quá, vợ chồng em cứ lo mãi.

Anh Hợp cười :

– Đã già lại nghèo có đi một mình cả đêm cũng chẳng ai nữ chồng ghẹo, chồng ghẹo thì được cái quái gì.

Có thể thật, đã già lại nghèo không gây nguy hiểm, chẳng gọi thêm muốn nên được xã hội mời đứng ngoài mọi cuộc chơi. Tôi chăm chú quan sát ông chủ nhà, cũng phải ngót nghét bốn mươi, người mập, mặt tròn, da đen tái, môi dày và hàm răng hơi thưa, người không đẹp nhưng có duyên và dễ tin cậy. Anh tên là Thụy. Thụy hỏi tôi :

– Bác cũng viết báo à ?

Anh Hợp giới thiệu tôi có phần tô vẽ rồi hỏi lại :

– Chắc là chú cũng có đọc văn của ông này.

Thụy cười ngượng nghịu :

– Nghe tên thì quen nhưng em không nhớ đã được đọc ở đâu.

Lúc này là tháng 10 năm 1990, Irắc đưa quân chiếm đóng Cô-ôét vừa được hai tháng. Cuộc khủng hoảng của vùng Vịnh đã được anh Hợp nói sơ qua từ mấy tối trước. Tối nay anh tiếp tục giới thiệu chân dung mấy nhân vật chủ chốt của thế giới Ả-rập : tổng thống Irắc, tiểu vương Cô-ôét, tổng thống Ai Cập, các quốc vương Ả-rập Xê-út và Gioócđani. Và một nhân vật không nói năng gì nhưng là kẻ xúi bẩy mọi tham vọng và tranh chấp : Dầu lửa. Đã lâu lắm tôi mới được nghe một buổi nói chuyện thời sự lý thú đến thế. Tư liệu dồi dào, lời lẽ chọn lọc, bình luận chí lý. Mấy anh nhà giàu cũng khôn thật. Thuê một nhà báo nổi tiếng làm báo cáo viên thời sự quả là họ biết dùng đích đáng đồng tiền. Cuối câu chuyện ông chủ nhà nói rất hồn nhiên :

– Chúng em thừa tiền nhưng ít chữ. Các bác thừa chữ nhưng đồng tiền có phần eo hẹp. Anh em mình bù đắp cho nhau để cuộc đời thêm vui.

Một anh để bộ râu quai nón, ăn mặc xoàng xĩnh như dân thợ, hay cười, hàm răng to khoẻ : “ *Cuộc sống của bọn em cũng gay gắt chẳng kém vùng Vịnh, kẻ được người thua, mỗi ngày phải có dăm bảy xác chết, mất cơ nghiệp cũng coi như là chết. Bác nhà văn viết một cuốn sách về bọn em là có lý lắm* ”.

Tôi hỏi nửa đùa nửa thật :

– Các ông chủ muốn thuê bọn này lâu dài có phải không ?

Cả mọi người sững sờ vì câu hỏi trắng trợn của tôi. Tối lúc ấy một ông khách trẻ nhất, có gương mặt thư sinh, chưa hề mở miệng nói một lời nào, mới nhỏ nhẹ lên tiếng :

– Bọn em ở đây đều là đầy tớ của khách hàng cả. Nếu bác cần mua, chúng em xin là đầy tớ hầu hạ hết lòng. Còn nếu bác muốn bán thì chúng em lại là khách hàng, là ông chủ như bác vừa nói. Chủ tớ thay phiên mà.

Tôi cười mát :

– Mấy thằng trí thức nghèo mạt thì có gì để bán ?

Chàng thư sinh, có vẻ là nhà tham mưu của nhóm, cũng cười :

– Có đấy bác ạ. Cái tài viết văn viết báo của hai bác cũng là một mặt hàng có giá lắm.

Rõ khỉ ! Một đời đấu tranh cho quyền tự do sáng tạo, chỉ viết cho mình và cho một công chúng được chọn lựa, kiên quyết không làm đầy tớ cho ai cả, cuối cùng lại hạ cờ bó giáo xin viết thuê cho mấy thằng có tiền mới phất. Có mà điên !

Ông chủ nhà áng chừng có chú ý tới vẻ mặt bất chợt cau có của tôi liền nói tiếp, là lấy tình anh em con cháu trong nhà mà nói, là kẻ hèn thua chuyện với người sang, cái cách cư xử phỉnh nịnh ấy cũng làm tôi hả dạ ít nhiều :

– Thưa hai bác, cái vốn của hai bác phải tích luỹ cả đời mới có. Dầu xã hội thay đổi thế nào cũng không thể mất giá, nó là vàng mười, lại bỏ trong két sắt, không hao hụt cũng chẳng bị ai cướp đi. Cái vốn của bọn em thì sao được. Hoành phát rồi sẽ hoành tán vì nó phụ thuộc vào mưa nắng của thị trường. Có đấy mà mất đấy, trong chớp mắt. Phù phiếm lắm, mong manh lắm. Tuy nhiên...

Thế là cả đám thực khách trẻ khoẻ, đang ăn nên làm ra, sức sống tràn trề khiến người ngồi cạnh phải ngộp thở, tranh nhau giảng giải cho hai ông anh vừa ngu vừa kiêu về cái tuy nhiên.... Tuy nhiên, chúng tôi phải biết khai thác cái vốn quý ấy thành hàng hoá, họ nói thế, không đủ sức tự khai thác thì phải nhờ bạn bè hoặc đàn em giúp sức. Họ sẽ gợi ý chủ đề, giới thiệu nhân vật, tổ chức các cuộc tiếp xúc rồi nuôi ăn ngồi viết, nuôi bao lâu cũng sẵn sàng và đảm nhận mọi chi phí cho tới ngày cuốn sách được ra mắt bạn đọc. Lỡ, họ xin chịu. Lãi, họ sẽ nộp tặng tác giả cả gói. Mua bán kiểu gì mà lạ ! Họ được cái gì nhỉ, chẳng lẽ chỉ muốn giải trí mà chịu tốn kém đến thế ? Họ là con buôn tất phải biết tính chứ.

– Lãi chứ ạ, anh thư sinh trả lời. Được văn chương ghi nhận bọn em là những nhân vật náo nhiệt của một thời tức là lãi. Chúng em rất muốn những hoạt động tầm thường của mình có một ý nghĩa lâu dài nào đó.

Đừng hòng ! Tôi tự hét lên với tôi như thế. Nhà văn cách mạng còn chưa tự khẳng định được chân dung mình trong văn chương huống hồ mấy anh lái buôn lại đòi dựng tượng trên bàn thờ nghệ thuật. Không đời nào, thà húp cháo ! Vả lại, họ có quyền gì mà buộc chúng tôi phải làm như thế.

Lúc ra về, Thụy cầm tay tôi nói rất chân tình :

– Bác ra Hà Nội tiêu pha cũng tốn kém, nếu bác cần gì xin cứ bảo bọn em một tiếng, chúng em xin hết lòng hỗ trợ.

Tôi ở lại Hà Nội gần hai tháng nhưng không tới thăm Thụy một lần nào nữa. Mỗi lần gặp Hợp anh đều nhắc lời mời của vợ chồng nhà kinh doanh có lòng ưu ái đặc biệt với giới làm văn làm báo. Nhưng tôi vẫn cố cưỡng lại để không đến. Vì mặc cảm tự ti, vì tự ái giai cấp, vì lo sợ bị quyến rũ, không biết nữa. Anh Hợp cho biết, mỗi tháng nhóm kinh doanh ấy đưa biếu anh vài trăm ngàn hết sức trân trọng và biết ơn. Với một gia đình quen ăn tiêu tằn tiện thì vài trăm ngàn có thêm mỗi tháng là điều đáng mừng lắm. Người lớn ăn uống sao cũng được nhưng còn những đứa trẻ. Anh mua sữa bột Liên Xô nấu cho các cháu ăn. Nó ngậm sữa trong mồm rồi phun vào đầy mặt ông ngoại một cách đắc thắng. Một hộp sữa bột của Nhật đắt hơn gần chục lần nhưng từ chối sao được. Có ba trăm ngàn mà đem lại bao nhiêu là nụ cười, là niềm vui, thật quá rẻ. Cái vui của người nghèo ít tốn tiền nhỉ ? Một lần trò chuyện với nhau về nghề nghiệp, tôi có hỏi anh Hợp cuốn sách anh định viết về cái nghề làm báo của anh, như một hồi ký, không chỉ của một cá nhân mà của một thế hệ với vô vàn sự kiện đã thuộc về lịch sử. Anh đi nhiều,

nước trong khoảng thời gian 1978–1991. Đặc biệt quan trọng là sự phát triển xí nghiệp tập thể ở nông thôn, tỷ trọng sản lượng tăng từ 9 % lên 22 % (coi biểu 2). Tỷ trọng của xí nghiệp tư nhân / cá thể và xí nghiệp nước ngoài vẫn còn nhỏ, mỗi thành phần chỉ chiếm dưới 6 % tổng sản lượng công nghiệp. Trong khi đó ở Việt Nam sản xuất của xí nghiệp tập thể giảm từ 24 % tổng sản lượng công nghiệp xuống còn 7 % chỉ trong vòng bốn năm. Sản xuất công nghiệp tư nhân tăng nhưng chủ yếu là do sản xuất của hộ gia đình. Việc giảm tỷ trọng của khu vực ngoài quốc doanh ở Việt Nam là do sản lượng giảm. Từ 1988 đến 1991, trung bình mỗi năm sản lượng công nghiệp ngoài quốc doanh giảm 3,7 % (coi biểu 3), trong khi đó sản lượng xí nghiệp quốc doanh tăng hàng năm trung bình 7 %. Năm 1992, thành phần ngoài quốc doanh có tăng nhưng tốc độ tăng vẫn chưa được một nửa tốc độ tăng của xí nghiệp quốc doanh. Kết quả là ở Việt Nam, tỷ trọng sản lượng công nghiệp quốc doanh đã tăng đáng kể từ 56 %

Biểu 1 : Vài chỉ số cơ bản so sánh Trung Quốc và Việt Nam 1992

	TRUNG QUỐC (1)	VIỆT NAM (2)	TỶ LỆ (2)/(1) %
Dân số (triệu)	1100	70	6
GDP (tỷ USD)	445	9,7	2
Xuất khẩu (tỷ USD)	85	2,4	3
Tỷ trọng nông nghiệp theo (%)			
lao động	64	71	111
GDP	40	36	90
GDP trên đầu người (USD)	404	139	34
Xuất khẩu / GDP (%)	19	25	132
Hàng công nghiệp / xuất khẩu (%)	74	26	35
Đầu tư nước ngoài / GDP (%)	2,5	2	80

Chú thích : Tỷ trọng nông nghiệp tính cho năm 1984 ở Trung Quốc và năm 1990 ở Việt Nam. Các số liệu so sánh khác tính cho năm 1992. Giá trị bằng USD tính theo hối suất chính thức.

Nguồn : China Statistical Yearbook 1992 và Tổng cục thống kê Việt Nam

Biểu 2 :
TỶ TRỌNG
SẢN LƯỢNG
CÔNG NGHIỆP
của các
THÀNH PHẦN
KINH TẾ
(%)

	TRUNG QUỐC		VIỆT NAM		
	1978	1991	1988	1991	1992
Quốc doanh	78	53	56	62	71
Ngoài quốc doanh	22	47	44	38	29
tập thể	22	36	24	7	
nông thôn	9	22			
tư nhân / cá thể	4	6	20	32	
nước ngoài	3	6			

Chú thích : coi chú thích ở biểu 1 và Số liệu thống kê công nghiệp (1992), Các thành phần kinh tế Việt Nam (1992), Tạp chí thống kê số 1, 1992 và số 1, 1993 của Tổng cục thống kê.

tổng sản lượng công nghiệp năm 1988 lên 71 % năm 1992. Việc tăng này chủ yếu là do sự phát triển của một số ngành quan trọng như dầu hoả, xi măng, phân bón, thuốc lá, rượu bia. Trong thành phần xí nghiệp quốc doanh, ta thấy quốc doanh trung ương tăng, quốc doanh địa phương giảm, điều này cũng dễ hiểu vì một số ngành công nghiệp có tốc độ tăng nhanh là thuộc trung ương như dầu hoả, xi măng.

Phải chăng có chiều hướng phát triển trái ngược nhau như trên giữa Trung Quốc và Việt Nam là do chính sách khác nhau? Đối với Trung Quốc thì đúng thế, nhưng đối với Việt Nam thì có thể hướng phát triển trên nằm ngoài ý muốn của lãnh đạo. Ở Trung Quốc, chính sách phát triển công nghiệp nông thôn qua việc phát triển xí nghiệp tập thể ở nông thôn (trên địa bàn làng hoặc công xã trước đây) là một chính sách nhất quán, nhằm tạo việc làm cho nông dân sau khi các công xã bị giải tán. Vốn ban đầu của xí nghiệp tập thể ở đây là do chính quyền địa phương cấp phát. Tính từ 1980–1991, có đến 43 % số việc làm mới cho toàn bộ nền kinh tế là do khu vực xí nghiệp tập thể nông thôn này tạo ra. Vào năm 1992, nó cũng đóng góp xuất khẩu 20 tỷ USD bằng 23 % tổng giá trị xuất khẩu của Trung Quốc (coi biểu 4). Sự ra đời và thành công của xí nghiệp tập thể ở nông thôn là do nông dân có thu nhập ngày càng cao (từ 1979-1991, thu nhập nông dân tăng trung bình mỗi năm khoảng 13 %), và vì vậy có nhu cầu hàng công nghiệp và có vốn để đầu tư. Ở những tỉnh ven biển có nền kinh tế phát triển thì khu vực xí nghiệp tập thể lại càng lớn mạnh, sản xuất từ 30-60 % tổng sản lượng công nghiệp tỉnh.

Biểu 3 :
TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN BÌNH QUÂN NĂM
SẢN LƯỢNG CÔNG NGHIỆP (%)

	TRUNG QUỐC	VIỆT NAM	
	88-91	88-91	92
toàn ngành	12,9	2,4	12,6
quốc doanh	7,0	7,0	15,3
ngoài quốc doanh		- 3,7	6,0
tập thể	16,4	- 46,0	
tư nhân / cá thể	29,0	30,0	
nước ngoài	48,0		

chú thích : coi chú thích ở Biểu 1 và 2

Biểu 4 : CÔNG NGHIỆP TẬP THỂ NÔNG THÔN
và CÔNG NGHIỆP NƯỚC NGOÀI Ở TRUNG QUỐC

	1985	1992
XUẤT KHẨU (tỷ USD)		
- xí nghiệp tập thể nông thôn	1,2	20
- xí nghiệp nước ngoài	0,3	17
TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU (%)		
- xí nghiệp tập thể nông thôn	4,4	23
- xí nghiệp nước ngoài	1,1	20
TỶ TRỌNG SẢN LƯỢNG (%)		
- xí nghiệp tập thể nông thôn	9	22
- xí nghiệp nước ngoài	0	6
Việc làm do xí nghiệp nông thôn tạo ra so với tổng số lao động mới tạo ra trong thời gian 1980-91		43,2 %

gặp gỡ nhiều ghi chép từng ngày những chuyện mắt thấy tai nghe trong gần một trăm cuốn sổ tay, chẳng lẽ không đủ chất lọc thành vài ngàn trang sách. Anh đã từng nói : “ Nếu không viết được bộ sách đó thì đời mình chẳng còn nghĩa lý gì ”. Tôi cũng cho là phải, là rất phải. Nên mới hỏi. Anh ngồi lặng lẽ rất lâu rồi trả lời thật buồn : “ Vẫn chưa bắt đầu. Viết sơ sài thì thà đừng viết. Viết cẩn thận phải mất khoảng mười năm ”. Người sáu mươi tuổi nói về một kế hoạch mười năm nghe mà thương tâm. Nhưng chẳng lẽ bỏ ? Vài ngàn trang ấy là máu là nước mắt, tiếng khóc tiếng cười của cả một thời. Một thời ồn ào, chói lọi chỉ vì cái khổ của một người hoá ra nhoe nhặt trong cái mông mênh của lịch sử. Nụ cười của vợ của con của đàn cháu nói thế mà đất, rất đất.

Trước ngày tôi trở vào thành phố Hồ Chí Minh, anh Hợp kéo tôi đi ăn thịt chó ở góc chợ Hoè Nhai. Cả hai chúng tôi đều không biết uống rượu nhưng mỗi người vẫn rót cho mình một chén đầy. Chả ai nói với ai được câu nào, nhìn nhau chán lại nhìn khách tới ăn. Toàn đám trẻ cả nhưng không thể phân biệt được nghề nghiệp của họ, là giáo sư, cán bộ, dân buôn hay đạo tặc. Chiu ! Ăn mặc đều sang trọng, nói năng đều bố bả, cười đùa âm ỉ, vô tư. Anh Hợp hỏi tôi :

- Sắp tới định viết gì ?
- Nhiều chuyện để viết lắm nhưng cũng chả muốn viết.
- Sao thế ?
- Mọi đời tôi viết văn để bán cho nhà nước, nay các nhà xuất bản của nhà nước không mua thì bán cho ai ?

Hợp hơi cười :

- Cậu nên nghĩ lại lời mời của thằng Thụy. Bọn họ làm ăn đúng đắn đấy.

- Tôi cũng biết thế chứ. Nhưng các nhà triệu phú mới có cho phép tôi được quyền chằm chọc, chế riều họ tí chút không ? Có cho phép tôi được lên án một cách sống nào đó, một cách làm ăn nào đó trong bọn họ mà tôi không thuận mắt ?

Hợp lại cười :

- Nếu họ không ưng thì họ trả lại bản thảo, có gì mà sợ.

Đúng thế, giai cấp hữu sản mới chả làm gì được anh nhà văn cả đầu cho họ rất ghét. Họ không thể tước quyền công dân hay bỏ tù. Họ cũng không ra lệnh phải làm thế này, không được làm thế nọ. Rất anh em, rất bạn bè, rất tình nghĩa, chỉ có điều nếu họ không ưng ý thì họ sẽ bỏ mặc anh chết đói. Tôi không nói ra điều tôi chợt nghĩ mà chỉ trả lời Hợp với nụ cười bẽ bàng :

- Để tôi nghĩ đã, nếu không còn cách nào khác để thoát khỏi cái đói thì tôi phải nghĩ lại lời mời của họ thật.

1.92

NGUYỄN KHẢI

Truyện ngắn Người kể chuyện thuê của Nguyễn Khải đăng trên đây được trích từ tập truyện ngắn Một thời gió bụi của tác giả (Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội 1993, 232 trang, giá bán tại Vietnam Diffusion và Nhà Vietnam, Paris : 45 FF). Gồm 12 truyện, phần lớn đều hay.

Abdou, Nguyễn, Mohammed...

(tiếp theo trang 17)

nhập cư, biết hoà nhập các bản sắc và nền văn hoá bốn phương. Chắc cũng không phải ngẫu nhiên mà ông François Mitterrand, trong bài diễn văn khai mạc Vận động hội thể thao Địa Trung Hải ở Agde (một thị trấn nổi tiếng từ thời văn minh La Mã), đã nhắc lại điều đó một cách tài hoa : « Chính sự hoà trộn nhiều nền văn minh, nhiều dân cư ấy đã sản sinh ra xứ sở nhỏ bé của các bạn, một xứ sở mà tôi thiết nghĩ đã biết hun đúc một nền văn minh, một nền văn hoá, một lịch sử chung » (16.6.1993). Tóm lại trong mấy chữ tuyệt hay : “ Tổ quốc của cha (mẹ), nước Pháp của các con ” [La patrie des père, la France des fils]. Trong ý nghĩa đó, luật quốc tịch theo thổ địa là sự khẳng định niềm tự tin của một xã hội, ngược lại “ e ngại người ngoại quốc thường là não trạng của những dân tộc sợ sệt, quên lãng quá khứ ” (Simone Weil *).

Ta hãy cứ giả sử, theo cái lôgic Pasqua, là do khủng hoảng trầm trọng, do thời buổi khó khăn, vì “ không ai có thể gánh chịu tất cả sự cùng khổ của thế gian ”, nước Pháp muốn “ quên lãng quá khứ ”, và cái xứ sở bé nhỏ mà vĩ đại này chỉ còn muốn cam phận bé nhỏ của nó... Giả sử như vậy đi nữa, thử hỏi chính sách ngoài thì bề quan toả cảng (về mặt dân tộc) trong thì kỳ thị đối với người ngoại quốc có phải là cách giải quyết hay không ? Khi thủ tướng E. Balladur tham khảo ý kiến, Uỷ ban tư vấn quốc gia về Nhân quyền đã khẳng định dứt khoát về dự luật Pasqua như sau : “ Không hợp thời, vô hiệu quả, thậm chí có hại cho sự an bình xã hội của nước ta ”. Vô hiệu quả vì nội dung chủ yếu của dự luật này là loại trừ và trấn áp, nên nó sẽ dẫn tới hậu quả tất yếu là tăng thêm số người có giấy tờ bất hợp lệ và cư trú chui. Không hợp thời vì trong khi xã hội đang khủng hoảng và ảm ức, tính chất nghi kỵ một cách có hệ thống đối với người nước ngoài của dự luật này sẽ kích động các xu hướng bài ngoại. Có hại, vì những lý do vừa kể trên, và vì lý do này nữa : dự luật này tạo những công dân hạng nhì, những phó thường dân, những người ngụ cư chung thân, do đó nó đi vào con đường định chế hoá sự kỳ thị, và chẳng chóng thì chầy, sẽ có những hậu quả xã hội và chính trị đáng ngại.

ĐỖ THỐNG

(Kiến Văn dịch từ Pháp văn)

(*) Người trình bày trước quốc hội dự thảo luật quốc tịch và dự thảo luật về khám xét giấy tờ căn cước không phải là Charles Pasqua, bộ trưởng nội vụ, mà là Pierre Méhaignerie (đảng trung tâm), bộ trưởng tư pháp. Và bộ trưởng Bộ xã hội và hội nhập cũng không phải là ông Pasqua, mà là bà Simone Weil (đảng trung tâm).

¹ Trước sự phản đối của dư luận, bà Weil và ông Méhaignerie đã viết thư cho thủ tướng, yêu cầu bổ sung điều bổ sung này. Ngày 22.6, ông Balladur quyết định sẽ sửa lại điểm này trước khi trình dự luật trước Thượng viện. Theo hiến pháp quy định, dự luật này sẽ phải đưa trở lại Quốc hội để thông qua lần thứ nhì. Sự cố Marsaud về mặt nguyên tắc đã chấm dứt sau khi thủ tướng Balladur làm trọng tài, nhưng ý nghĩa của nó còn nguyên vẹn : hầu hết dân biểu của phái đa số, kể cả các dân biểu cùng đảng trung tâm với bà Weil và ông Méhaignerie đã bỏ phiếu ủng hộ đề nghị của ông Marsaud, một người thân cận của ông Pasqua. Và lại, cho dù điều khoản này cuối cùng được sửa như thế nào, nội dung chủ yếu của ba bộ luật vẫn nằm trong cái lôgic của sự kỳ thị.